

Giải Giải Phẩm Phổ Môn



eBook | www.vienchieuonline.org

Sâm Hạ Đại Viên

**GIẢNG GIẢI
PHẨM PHỔ MÔN**

Dịch từ Nhật văn qua Hán văn:

Đại sư Tinh Vân

Dịch từ Hán văn qua Việt văn:

Thích nữ Hạnh Huệ

LỜI MỞ ĐẦU

Thánh hiệu của Bồ-tát Quán Thế Âm, tại Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc là Thánh hiệu mà không ai chẳng biết. Tín ngưỡng Bồ-tát Quán Thế Âm cũng chẳng hạn cuộc ở chùa chiền am thất, không hạn cuộc ở Phật giáo đồ quy y Tam bảo. Bất kể là đô thị, làng quê, núi sâu, bờ biển, hễ chỗ nào có người ở, trong nhà họ, nói không ngoa lắm, đều có thờ một tượng từ bi của Bồ-tát Quán Thế Âm.

Vì sao mà Bồ-tát Quán Thế Âm lại được quần chúng đông đảo tín ngưỡng? Bồ-tát trong Phật giáo rất nhiều, lúc Phật Thích-ca Mâu-ni thuyết kinh Pháp Hoa, Bồ-tát tại tòa nhiều đến tám vạn, ngay các vị đại biểu cũng có đến mười tám vị đại Bồ-tát. Trong mười tám vị đại Bồ-tát, có Bồ-tát không những không ai cung phụng, trì tụng, mà thật tình cũng ít người biết đến. Nhưng Bồ-tát Quán Thế Âm lại là người ai ai cũng biết, ai ai cũng tin. Đây là đạo lý gì? Đọc phẩm Phổ Môn rồi, anh tự nhiên hiểu rõ ràng ra.

Trong Phật giáo có một bộ kinh vĩ đại tên là kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Bộ kinh này có thể nói là một bộ kinh trình bày bản hoài của đức Thế Tôn, mà phẩm Phổ Môn hiện được giảng chính là phẩm thứ 25

trong kinh này, là một trong 28 phẩm của kinh Pháp Hoa.

Nội dung phẩm này hoàn toàn là thuyết minh về lợi ích Phổ Môn của Bồ-tát Quán Thế Âm. Nhân đây thường thường có người đem một phẩm này lễ tụng riêng. Người thường gọi là kinh Quán Âm chính là chỉ phẩm Phổ Môn. Phẩm Phổ Môn là gọi tắt, hoàn chỉnh nên gọi là “Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn Phẩm”.

Phẩm Phổ Môn đã từng biết qua rồi, nhưng ý nghĩa năm chữ “Diệu Pháp Liên Hoa Kinh” chẳng thể không hiểu rõ. Năm chữ này có nghĩa rất rộng, lý rất sâu. Nếu như giải thích cho tường tận, chắc có thể thành giảng nghĩa toàn bộ kinh Pháp Hoa, đồng thời cũng có thể biết bản hoài xuất thế của Thích Tôn, nguyên lý căn bản của Phật giáo. Do đó, giảng một cách đơn giản, là điều không thể đủ rõ ràng. Nhân vì bản kinh là thuyết minh nguyên lý căn bản của Phật giáo, trong mấy ngàn quyển kinh Phật giáo, có thể gọi đây là vua trong các kinh. Nếu như muốn giảng rõ kinh này, thế ắt phải nói đến lý luận chính đốn Phật giáo.

Liên quan đến sự giải thích kinh Diệu Pháp Liên Hoa, mặt sau sẽ thuyết minh, hiện tại sẽ thuyết minh về dịch giả của kinh này trước đã.

Bộ kinh này vốn từ bản tiếng Phạn của Ấn Độ, pháp sư Cưu-ma-la-thập đời Diêu Tần đã đem dịch ra tiếng Hán.

La-thập là một trong bốn nhà phiên dịch lớn của Phật giáo. Bốn nhà phiên dịch lớn này là bốn vị La-thập, Chân Đế, Huyền Trang và Bất Không. Trong bốn vị, đặc biệt là pháp sư La-thập, bất kể là trên giáo nghĩa hay trên phiên dịch, Ngài đều chiếm địa vị rất trọng yếu. Vì sự phiên dịch của Ngài là sự đổi mới rất lớn trong giới phiên dịch. Như kinh Pháp Hoa, trước và sau bản dịch của La-thập, từng có mấy loại phiên dịch, như bản dịch của Trúc Pháp Hộ. Tuy cũng là bản dịch toàn bộ, nhưng chỉ có bản dịch của La-thập thịnh hành nhất. Đại sư Trí Giả khai lập tông Thiên Thai, đã đem bản dịch của La-thập làm cơ sở. Từ tình hình này mà xem, trình độ vượt bậc của Ngài tưởng cũng có thể biết được.

La-thập là người Trung Á-tế-á, tức xưa gọi là người nước Quy Tư ở Tây Vực. Lúc Ngài bảy tuổi theo mẹ đi tham phỏng danh sư khắp nơi, tinh cần nghiên cứu giáo điển. Tự trung, chủ yếu là nghiên cứu pháp môn kế thừa Long Thọ, mà phiên dịch Pháp Hoa, Bát-Nhã tức là chủ trương dịch thuật kinh thuộc pháp môn của mình.

Đồ đệ của La-thập, có Tăng Duệ - Tổ sư của Tứ luận, Đạo Sinh - Ông tổ của Tam luận, đều có trợ giúp cho cơ sở khai lập của tông Thiên Thai.

La-thập đến Trung Quốc hơn 1500 năm trước. Thời đó, chính là gặp loạn Ngũ Hồ của Trung Quốc, vì Tấn triều bị Di Địch từ Tây Bắc bức bách đến phương Nam, dựng nghiệp ở hạ lưu sông Dương Tử (nay là Nam Kinh) lập kinh đô xưng là Nam Tấn. Lúc ấy, tại

Trường An, lưu vực Hoàng Hà, có bậc anh kiệt là Phù Kiên độc lập, tự xưng là Tần, sử gia đời sau gọi quốc gia được lập là Tiền Tần. Lữ Quang bề tôi của Phù Kiên thừa uy chiến thắng, đem quân chinh phạt các nơi ở Tây Vực và phụng mệnh rước La-thập về Trung Quốc. Nhưng không bao lâu, Phù Kiên trong một trận chiến ở Phì Thủy, bị trúng tên lạc mà chết. Tiền Tần mất rồi, Diêu Trường lên thay, xưng là Hậu Tần, còn gọi là Diêu Tần.

Lữ Quang trên đường viễn chinh, nghe tin vua mình chết trận, do chính mình chiến thắng liên tiếp các nơi thuộc Tây Vực, bèn đến tỉnh Cam Túc ngày nay độc lập tự xưng là Hậu Lương. Bấy giờ La-thập theo lệnh của Lữ Quang, đến thủ đô Cô Tạng của Hậu Lương. Về sau đến thời Diêu Hưng vị vua đời thứ hai của Diêu Tần, ông ta rất tôn sùng Phật giáo, dùng lễ nông hậu để đãi ngài La-thập. Niên hiệu Hoàng Thủy thứ ba, rước Ngài đến Trường An. Diêu Hưng đặc biệt đem Tây Minh Các của triều đình làm nơi ở của ngài La-thập, lấy vườn Tiêu Dao làm đạo tràng phiên dịch, trên sử Phật giáo Trung Quốc phóng ra một vẻ rực rỡ to lớn.

Một là vì La-thập có học thức và đạo đức đáng trọng vọng, hai là được Diêu Hưng bảo hộ nông hậu, nên đạo tràng phiên dịch ở vườn Tiêu Dao xem là hưng thịnh rất đáng cho người kinh ngạc! Riêng nói về môn hạ của ngài La-thập tổng số không dưới 3000 người. Lúc dịch kinh Pháp Hoa, người tham gia hơn 2000, lúc dịch kinh Tư Ích cũng hơn 2000 người, lúc

dịch kinh Duy-ma hơn 1300 người, ngoài ra như 40 quyển kinh Ma-ha Bát-nhã, một quyển kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật, một quyển kinh A-di-đà, cũng đều trong tình huống này mà phiên dịch.

Kinh Pháp Hoa là bản dịch khi La-thập đến Trường An sau năm thứ sáu, tức là đời Đông Tấn An Đế, niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ hai (406 DL), Diêu Tần niên hiệu Hoàng Thủy thứ 8.

Bản dịch kinh Pháp Hoa của ngài La-thập vốn chỉ có 27 phẩm, về sau đại khái trải qua hơn 80 năm, đời Tề Vũ Đế, niên hiệu Vĩnh Minh thứ 8 (490 DL), do Đạt-ma-ma-đề và Pháp Hiến cùng dịch thêm vào một phẩm Đề-bà-đạt-đa, bèn thành 28 phẩm. Lại nhân bản của La-thập chỉ có văn xuôi, không có trùng tụng, đến đời Tùy hơn 180 năm sau, mới lại do Xà-đa-quật-đa dịch trùng tụng thêm vào, mới thành bản kinh Pháp Hoa lưu hành hiện nay.

ĐẠI THỪA VÀ TIỂU THỪA

Phật giáo, vốn chia ra Phật giáo Nguyên thủy và Phật giáo Hậu kỳ, Phật giáo Nguyên thủy còn gọi là Phật giáo Tiểu thừa, Phật giáo Hậu kỳ còn gọi là Phật giáo Đại thừa.

Trong Phật giáo Tiểu thừa còn có chia nhiều phân phái. Chẳng kể phân phái của họ nhiều bao nhiêu, chỉ cần là Tiểu thừa tất nhiên đều là để mắt vào hiện tượng giới của vũ trụ, cho thế gian hiện thực này là khổ, là không, là vô thường. Sống còn trên một thế gian như thế, công tác trọng yếu nhất chẳng qua là tận lực xa lìa thế gian, cầu được giải thoát cho tự thân. Đến việc lợi người thế nào, cứu giúp thế gian làm sao, họ cũng chẳng hề biểu thị một chút quan tâm. Điều này ở trong Phật giáo gọi là gã tự liễu, riêng thiện thân mình. Vì họ trừ giác ngộ chính mình ra, chẳng để ý đến giải thoát cho người khác, đem giác ngộ của người khác xem là không quan hệ đến mình. Chủ nghĩa giải thoát theo khuynh hướng cá nhân này, có thể nói là hàm chứa sắc thái xuất thế rất ư nồng hậu.

Đến Phật giáo Đại thừa Hậu kỳ, thì tương phản với tư tưởng này. Họ xem hiện tượng vũ trụ là hiện thực, cho là sự lý viên dung, mình người bình đẳng. Do đó Tiểu thừa là tiêu cực còn Đại thừa là tích cực; Tiểu thừa là tịch diệt còn Đại thừa là hoạt động; Tiểu thừa là cá nhân mà Đại thừa là xã hội.

Trong Phật giáo Đại thừa, lại phân biệt quyền và thật. Quyền giáo nghĩa là đối với phương tiện lý thuyết đã không có mười phần triệt để đạt đến viên dung vô ngại, mà đối với phương diện khai ngộ cũng cho là có cách biệt rất lớn. Nhưng Thật giáo thì chẳng giống thế, đây như kinh Pháp Hoa nói: “Chỉ có pháp Nhất thừa, không hai cũng không ba”, căn bản không có sai biệt gì tất cả. Sum la vạn tượng trong vũ trụ, hoàn toàn là biểu hiện Diệu pháp thực tướng trung đạo.

Các cổ đức Phật giáo từ trong nhận thức quán thấu “một tức tất cả”, thường thường nói thế này: Dương liễu màu xanh chính là pháp thân vi diệu thanh tịnh; gió thổi qua tùng bá chính là âm thanh thuyết pháp độ sanh của chư Phật Bồ-tát.

*Khe thanh tận thị quang trường thiết,
Sơn sắc vô phi thanh tịnh thân.*

Đó là miêu tả cảnh giới này. Trong tất cả kinh điển, kinh có thể phát huy thấu đáo đủ đạo lý cứu cánh này, chính là kinh Pháp Hoa. Do đó kinh này thực là một bộ kinh vĩ đại nhất trong Đại thừa.

Theo Phật giáo đồ thông thường nói: Phật Thích-

ca Mâu-ni lúc mới khai ngộ, vốn nghĩ chuyển pháp luân căn bản giảng Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, nhưng lý rốt ráo cao thâm này, lỗ tai trần tục thông thường rất khó nghe để tiến. Nhân đây không thể không dùng phương tiện quyền xảo, từ phương diện nền tảng ra tay. Trước hết giảng kinh A-hàm của Tiểu thừa, sau đó từ Tiểu thừa tiến vào Đại thừa mà thuyết các kinh Phương Đẳng, lại tiến thêm một bước giảng kinh Đại Bát-nhã. Đây đều là phương tiện tiến nhập Đại thừa Thật giáo. Cuối cùng trên hội Pháp Hoa, thuyết kinh Pháp Hoa khai quyền hiển thật, mới kể là chân chính đạt đến mục đích truyền đạo của Thích Tôn.

Chúng ta khả dĩ nói: Phật Thích-ca Mâu-ni từ pháp thuyết trên hội Hoa Nghiêm ra, các kinh ở giữa thuyết đều là Pháp luân ngọn ngành, cuối cùng đến trên hội Pháp Hoa mới là chuyển pháp luân căn bản, nghĩa là pháp luân “Nhiếp ngọn về gốc” là chỉ cho đây. Do đây có thể biết kinh Pháp Hoa trong tất cả kinh chiếm địa vị trọng yếu thế nào.

Về kinh Pháp Hoa, ở Ấn Độ ngài Thế Thân là người chú thích sớm nhất. Tại Trung Quốc, pháp sư Pháp Vân thuộc Tông Niết-bàn có Pháp Hoa Nghĩa Sớ. Đại sư Gia Tường thuộc Tam Luận Tông có Pháp Hoa Nghĩa Sớ, đại sư Từ Ân thuộc Pháp Tướng Tông có Pháp Hoa Kinh Huyền Tán, thiền sư Giới Hoàn Thiền Tông có Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Giải. Họ mỗi người đều nương theo giáo nghĩa của tông mình mà giải thích kinh Pháp Hoa. Đại sư Trí Giả lúc đó dùng một

bộ kinh này làm trung tâm, riêng mở một tông gọi là Pháp Hoa Tông và viết ba bộ lớn Pháp Hoa Huyền Nghĩa, Pháp Hoa Văn Cú, Ma-ha Chỉ Quán.

Do đây mà xem, bộ kinh Pháp Hoa này, chẳng kể là một Tông nào của Phật giáo đều chiếm một địa vị trọng yếu. Không kể ai đều không coi thường giá trị của bộ kinh này.

Kinh Pháp Hoa gồm 28 phẩm. Phẩm Phổ Môn là một phẩm trong 28 phẩm này. Giáo nghĩa mỗi phẩm đều rất trọng yếu, không có phân biệt đẳng cấp át giáp gì. Để tiện thuyết minh, chỉ có thể chia làm hai môn: Bốn môn và Tích môn.

Mười bốn phẩm trước của kinh Pháp Hoa, chính là tất cả vết tích của Thích Tôn, nên gọi là Tích môn. Mười bốn phẩm sau là nương bốn địa của Thích Tôn mà nói Bốn môn. Đây đều là ngôn giáo mà Thế Tôn xuất hiện ở thế gian này nói ra. Thế Tôn vốn là người thể hiện chân lý vũ trụ, Ngài đã sớm thành tựu quả Phật mà chứng pháp thân, nương pháp thân này mà xuất hiện thành đấng Thích Tôn đến thế gian này, ví như vàng trắng trong sáng dội bóng xuống dòng sông.

Trong 28 phẩm này đã chia hai môn Bốn - Tích.

Trong Tích môn, phẩm Phương Tiện và phẩm An Lạc Hạnh.

Trong Bốn môn phẩm Như Lai Thọ Lượng và phẩm Phổ Môn, gọi chung là Pháp Hoa Tứ Yếu Phẩm.

Đại sư Diệu Lạc nói: Phẩm Phương Tiện tương đương với phát tâm, phẩm An Lạc Hạnh tương đương

với tu hành, phẩm Thọ Lượng tương đương với Bồ-đề, phẩm Phổ Môn tương đương với Niết-bàn. Từ phát tâm tu hành mà đến giác ngộ Bồ-đề, lại do giác ngộ hiện tiền mà đến Niết-bàn của phẩm Phổ Môn. Do đây lại có thể rõ ràng phẩm Phổ Môn trong kinh Pháp Hoa chiếm địa vị trọng yếu như thế nào.

Phẩm Phổ Môn đã chiếm địa vị trọng yếu trong kinh Pháp Hoa như thế, do đó danh hiệu của Bồ-tát Quán Thế Âm, khắp nơi có người thọ trì; hình tượng từ bi của Bồ-tát Quán Thế Âm, khắp nơi có người cung phụng, cũng là đạo lý này.

KINH

DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Phẩm Phổ Môn đã là một phẩm trong 28 phẩm kinh Pháp Hoa, do đó tên gọi tường tận phải nên gọi là Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn Phẩm.

Trước khi nghiên cứu phẩm Phổ Môn, chúng ta không thể không biết đề kinh “Diệu Pháp Liên Hoa Kinh”. Trong kinh điển Phật giáo, đề kinh là một đại cương toàn bộ kinh, vì đề kinh hay bao quát yếu chỉ một bộ kinh muốn nói. Nhất là năm chữ đề kinh “Diệu Pháp Liên Hoa Kinh”, có thể nói bao trùm toàn bộ chân lý vũ trụ, nhiếp trọn yếu nghĩa của tám vạn bốn ngàn pháp môn, bao quát tinh túy của năm ngàn năm trăm quyển kinh. Nếu như triển khai giải thích kỹ càng thì kinh sách mênh mông của ba bộ lớn thuộc Thiên Thai cũng đều ở hết tại đây.

Nguyên tên tiếng Phạn của kinh này là Tát-đàm Phân-đà-lợi Tu-đa-la (Saddharma Pundarika Sutra). Tát-đàm dịch là Diệu Pháp, Phân-đà-lợi dịch là Liên

Hoa, Tu-đa-la dịch là Kinh. Người dịch kinh này từ tiếng Phạn ra tiếng Trung Hoa chính là Tam Tạng pháp sư Cưu-ma-la-thập, từ nước Quy Tư đến Trung Quốc mà thành một trong bốn nhà phiên dịch lớn nổi tiếng trên lịch sử Phật giáo, Ngài đã được nói ở mặt trước.

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa là kinh được đức Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni vào lúc cuối đời đã nói tại núi Kỳ-xà-quật (còn gọi Linh Thứu) phía Đông Bắc thành Vương Xá. Ngay khi Thích Tôn tuyên giảng bộ kinh này, thính chúng tập hợp tại núi Kỳ-xà-quật có tám vạn Đại Bồ-tát mà ngài Văn-thù và Quán Âm làm thượng thủ; một vạn hai ngàn Đại A-la-hán mà Ma-ha Ca-diếp, Xá-lợi-phất... làm thượng thủ. Ngoài ra còn có Thiên (là tiếng gọi chung các thần ở cõi trời), Long (thần rồng), Dạ-xoa (thần quỷ), Càn-thát-bà (thần nhạc), A-tu-la (thần bạo ác nhất), Ca-lâu-la (kim xí điểu, vua loài chim), Khẩn-na-la (thần ca hát), Ma-hầu-la-già (một loại quỷ thần)... là tám bộ đại chúng, lại có tín chúng Phật giáo thuộc Vương gia như quốc vương, đại thần, phú hào, học giả... đều tụ họp tại hội trường núi Linh Thứu để nghe Thích Tôn thuyết pháp.

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa sở dĩ cần gọi là Diệu Pháp vì giáo nghĩa (pháp) mà toàn kinh nói là điều vi diệu rất sâu. Pháp của Diệu Pháp này là chỉ cho các pháp “Thập giới, thập như, quyền - thật”. Thập giới là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, tu-la, thiên, nhân, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, cõi Phật. Trong mười cõi này mỗi cõi lại có đủ mười như thị.

“Như thị” là không có phân biệt với chân như, giống như là như thật, như thường, xưa nay chính là như thế. Cái như thị này cùng chia mười loại để thuyết minh, chúng ta trước hết lấy nhân gian trong mười cõi để nói: Nhân gian nhất định có tướng của nhân gian, đây gọi là “như thị tướng”; có tướng bên ngoài rồi nhất định có tính chất hoặc bản tính tương đương với nó, đây là “Như thị tánh”; có ngoại tướng và tánh chất rồi, đây bèn là thể gọi là “Như thị thể”; thể ấy nhất định hàm chứa lực lượng do đó gọi là “Như thị lực”; có sức sẽ hướng ra ngoài làm việc hoặc tác nghiệp, đây gọi là “Như thị tác”; làm tức là hành vi, lấy tác nghiệp này làm nguyên nhân gọi là “Như thị nhân”; cái trợ giúp tăng trưởng nhân gọi là “Như thị duyên”; cái do nhân và duyên kết hợp mà có là “Như thị quả”; ví dụ như người là do nhân đời trước, chịu cái quả đời này làm người, nhưng đồng là người tại nhân gian, lại có nghèo giàu, hiền ngu, khổ vui... quả báo không đồng, đây là duyên có từ chỗ chịu quả báo không đồng, do đó sau như thị quả có “Như thị báo”; từ gốc như thị tướng đến ngọn như thị báo, hoàn toàn là chân lý bất biến, đây là chịu phép tắc tự nhiên chi phối, không kể thế nào đều không thể cải biến; do đó gọi là “Như thị bốn mặt cứu cánh đẳng”.

Từ cõi nhân gian có đủ đạo lý “Thập như” mà nhìn chín cõi khác mỗi cõi đủ thập như cũng có thể rõ vậy.

Thêm một bước nữa, ngay trong mười cõi, mỗi cõi đều có đủ mười cõi, vì có tánh đủ và tánh khởi quan hệ chẳng đồng. Ví như cõi địa ngục có đủ chín cõi

khác, mà cõi thiện từ nhân gian trở lên, hoặc pháp giới của Tứ thánh xuất thế, đương nhiên đều có đủ. Nhưng cõi giới này mà nó có đủ, chỉ có thể nói là tánh đủ, vì sự khởi tâm động niệm của họ, đều thuộc phương diện ác, do toàn là hoạt động có tánh ác, nhân đó mới chịu quả báo địa ngục.

Ngược lại, cõi Phật cũng có đủ tánh của chín cõi khác, nhưng cũng chỉ là tánh đủ mà không phải tánh khởi, Phật sở dĩ làm Phật là chỉ có tánh khởi thiện, do đó mới có thể phóng ánh sáng cõi Phật. Lối thuyết pháp này thật là chân lý khéo léo của giáo lý Thiên Thai, chúng ta đều nên để vào lòng giờ giờ khắc khắc quán sát; vì đây chính là tu trì thiết thực, không thể xem nó là một loại thuần lý luận.

Hiện tại tạm không bàn về địa ngục và cõi Phật, chỉ theo trong cõi nhân gian có đủ đạo lý mười cõi mà nói một phen, bèn có thể thấy ra nhân gian tại trong một cõi làm sao có đủ mười cõi:

Sân giận – Địa ngục

Tham dục – Ngạ quỷ

Ngu si – Súc sanh

Tật đố – Tu-la

Ngũ giới – Người

Thập thiện – Trời

Tứ đế – Thanh văn

Thập nhị nhân duyên – Duyên giác

Lục độ – Bồ-tát

Cứu cánh – Phật.

Thử từ nhân loại chúng ta trong nội tâm của chính mình mà xét, bèn có thể biết trong một ngày đã có nhân sanh khởi mười cõi, rốt cuộc là sanh khởi tâm thiện từ nhân loại trở lên sánh vai với chư Phật Bồ-tát nhiều chăng? Hay là sanh khởi tâm ác từ nhân loại trở xuống địa ngục ngạ quỷ nhiều? Ngay một cá nhân từ lúc mới thức dậy đều cảm thấy trong lòng như mặt trời buổi sáng vừa lên, như bầu không khí ban mai trong lặng. Đến lúc ăn sáng, vì thức ăn uống ngon dở, liền khởi tâm bất bình. Ngay khi tâm sân giận nổi lên chính là tâm địa ngục đã sanh lên rồi. Kịp đến lúc cùng người lân cận hay gia tộc tranh chấp, bèn sanh khởi nhân đấu tranh của tu-la, sanh khởi nhân súc sanh ngu si. Hoặc cảm thấy đói bụng, bèn là sanh khởi tâm ngạ quỷ. Người ta chịu sự sai khiến không chế của ngoại cảnh, tình hình cạn cợt của nó là như thế.

Có một câu nói: “Ta mỗi ngày xét thân mình ba lần”. Quyết tâm xét thân mình ba lần này sanh khởi, chính là chứng cứ nhân gian có đủ Phật tánh, cũng chính là cái mở đầu có trí tuệ cõi Phật. Như thế đem chín cõi kia đến thân chúng ta mà so một phen, thì nhân gian có đủ mười cõi là điều rất rõ ràng. Chín cõi kia mỗi cõi có đủ mười cõi, lấy đây làm chuẩn cũng có thể biết.

Nói về quyền thật, từ cõi địa ngục thứ mười đến Bồ-tát là chín cõi đều chỉ quyền, chỉ có cõi Phật mới là thật. Lấy mê ngộ mà chia, vì chín cõi là quyền do đó

là cõi mê, vì cõi Phật là thật do đó là cõi ngộ. Nhân đây, chỗ nói Diệu Pháp chính là chỉ các pháp thập giới, thập như, quyền, thật này.

Cái gì gọi là Diệu? Nói khác đi, không thể nghĩ nghĩ gọi là Diệu. Bất kể là nói mười pháp giới, chẳng kể là nói mười như thị, đều là phép tắc tự nhiên trong trời đất, mà ở trên một niệm cũng có đủ. Nếu như giảng đến phép tắc tự nhiên, đó không phải là luận không nhân không quả của ngoại đạo. Thập như hoàn toàn là pháp nhân quả chiếu theo luật nhân quả mà hiển hiện. Nhân đây từ một điểm tự kỷ có thể hiển hiện mười cõi này mà xem, trừ nói nó là diệu pháp ra, lại còn có thể nói cái gì khác được? Nếu như anh tạo nhân địa ngục, thì dù anh có chán ghét nó thế nào, cũng tất nhiên cảm thọ quả báo của địa ngục ấy. Tạo nhân súc sanh, nhất định đọa trong cõi súc sanh. Đây là phép tắc tự nhiên, đã không phải cái Phật làm, cũng không phải cái phàm phu nói là có thể lia được. Do đây mà suy, thì tạo nhân thiện mà cảm thọ quả báo thiện cũng lại như thế. Đây đều là phép tắc của mười như thị, là cái không thể di động, pháp vốn như vậy; ba đời xưa nay, nghiêm nhiên trường tồn, trừ việc nói nó vi diệu không thể nghĩ nghĩ ra, thực không có thể nói gì khác.

Có một điểm cần thiết phải chú ý, chính là không thể nói Diệu Pháp là chân lý vũ trụ thì đó đã biến thành triết lý rồi. Ở đây chỉ có thể đem Diệu Pháp “Thập giới, thập như, quyền - thật” đặt vào tâm làm chân lý là được rồi.

Diệu Pháp như trên đã nói, nếu đem tâm của nhân loại chúng ta mà so, thì có thể biết nhân của mười cõi, hoàn toàn là do mê ngộ của một tâm mà thăng trầm, một điểm chẳng mờ luật nhân quả. Nếu như có thể nhận rõ như thế thì có thể phát hiện ý nghĩa trọng đại của Quán Âm Phổ Môn thị hiện cứu giúp, mà ý tứ của một lòng gọi tên, cũng lại là hiểu rõ thêm một tầng nữa.

Cái gì gọi là Liên Hoa?

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, danh xưng này do Tam Tạng pháp sư Cưu-ma-la-thập dịch, nguyên văn tiếng Phạn là Tát-đàm Phân-đà-lợi Tu-đa-la, Tát-đàm là gọi tắt của Tát-đạt-ma, Phân-đà-lợi vốn gọi là Phân-đà-lợi-da, nếu muốn biết kỹ thì trong quyển thứ tám của Pháp Hoa Huyền Nghĩa giải thích “Tát-đạt-ma”; “Phân-đà-lợi-da”, “Tu-đa-la” rất tường tận.

“Tát”, trước Cưu-ma-la-thập, ngài Trúc Pháp Hộ dịch là “Chính”, đến thời pháp sư La-thập mới dịch là “Diệu”, “Đạt-ma” tức là “Pháp”, do đó gọi là Diệu Pháp.

“Phân-đà-lợi-da” dịch là “Bạch Liên Hoa” so sánh chính xác, xưa nay nên gọi là “Diệu Pháp Bạch Liên Hoa”, gọi tắt là “Diệu Pháp Liên Hoa”.

Diệu Pháp kết hợp với Liên Hoa thì mang hai ý nghĩa “Đương thể Liên Hoa” và “Thí dụ Liên Hoa”. Đương thể Liên Hoa là lấy nghĩa hoa sen vào bùn như mà chẳng nhiễm, chỗ nói Diệu Pháp xưa nay là thanh tịnh. Diệu Pháp thanh tịnh đó đáng sánh với hoa sen vào bùn như mà không nhiễm. Thí dụ Liên Hoa là lấy

nghĩa hoa và hạt đồng thời cùng có. Nói chung mọi loại thực vật đều nở hoa trước, đợi đến lúc hoa rụng, mới kết thành trái hạt. Nhưng chỉ có hoa sen ngay lúc nở, ở nhụy đã có đài quả hạt. Vì hoa sen có hoa quả đồng thời, dùng thí dụ nhân quả không hai của Diệu Pháp, chúng sanh chín cõi lấy mê làm nhân, cõi Phật lấy ngộ làm quả. Từ trong nhân có quả, từ trong quả có nhân, chúng sanh và Phật không hai, nhân quả đồng thời, thật giống hoa quả đồng thời sanh ra của hoa sen, do đó lấy nghĩa thí dụ hoa sen.

Kinh là gì?

Kinh tiếng Phạn gọi là Tu-đa-la. Dịch đúng là khế kinh, nghĩa là trên khế hợp với chân lý chư Phật nói ra, dưới có thể khế hợp căn cơ của chúng sanh, do đó gọi là Khế kinh. Đồng thời, Kinh lại có hai ý là xâu suốt và nhiếp trì. Xâu suốt là nói Như Lai thuyết pháp xưa nay có nghĩa nhất quán. Nhiếp trì là nói Như Lai nhiếp hóa chúng sanh một cách phổ biến không có sơ sót. Lại có nghĩa lời dạy từ kim khẩu của Như Lai, là hằng xưa nay không đổi, do đó gọi là Kinh.

Về xuất xứ của bốn chữ đề kinh Diệu Pháp Liên Hoa, trong phẩm Phương Tiện của kinh Pháp Hoa nói: “Như thế chư Phật Như Lai, đến giờ liền nói, như hoa Ưu-đàm-bát đến thời xuất hiện”. Hoa Ưu-đàm-bát hay còn gọi là hoa Ưu-đàm-bát-la, Âu-bát-la, dịch là hoa sen xanh. Đây là một loại hoa nêu điềm lành, tuy có tên nhưng trên thế gian thông thường chưa gặp đến. Tương truyền lúc Như Lai sanh hoặc lúc Kim Luân Vương ra đời, từng xuất hiện loại hoa này. Như Lai

khai hiển Diệu Pháp Liên Hoa, giống như nở bung
loài hoa đẹp hi hữu này, ở phẩm Phương Tiện nói điều
này rất rõ ràng.

PHẨM PHỔ MÔN BỒ TÁT QUÁN THẾ ÂM

Danh từ “Quán Âm” này có nhiều phiên dịch không đồng, ngài La-thập dịch là “Quán Thế Âm”, gọi là cựu dịch; tuy đồng gọi là cựu dịch, nhưng Trúc Pháp Hộ dịch là “Quang Thế Âm”, đến thời ngài Huyền Trang lại dịch là Quán Tự Tại, gọi là tân dịch.

Sự phiên dịch bất đồng này biết cái nào chính xác! Ngài Huyền Trang phiên dịch hình như câu nệ vào nguyên ngữ, ngài La-thập dường như dịch theo ý.

Âm tiếng Phạn, Quán Âm vốn là Arya avalokite svara, nay theo chữ giải thích như sau:

Arya là Thánh, là ý tôn xưng.

Avalokite là quán chiếu hoặc chú ý, do đó gọi tắt là Quán.

Svara là kham năng, đổi thành danh từ thì là quân vương, quân chủ.

Theo những giải thích trên, đem danh từ và động từ lấy nghĩa tự tại thành Quán Tự Tại, gọi tắt là Quán Tự Tại, so ra chính xác một chút. Do đó “Từ Ân Truỵện” của Huyền Trang nói: “Cựu dịch là Quán Thế Âm hay Quang Thế Âm là sai lầm”.

Nhưng, Quán Thế Âm mà La-thập phiên dịch chẳng lẽ lại sai lầm sao? Điều đó không đúng! Chúng ta nhìn theo phong cách dịch của ngài La-thập, từ văn kinh nói thệ nguyện của vị Bồ-tát này mà xem thì có thể biết Ngài không lầm. Như văn kinh của phẩm này, đức Thích Tôn mở đầu nói: “Thiện nam tử, nếu vô lượng chúng sanh, chịu các khổ não, nghe Bồ-tát Quán Thế Âm này, một lòng kêu tên Bồ-tát Quán Thế Âm tức thì quán âm thanh nọ, đều được giải thoát.” Danh từ Quán Thế Âm chính là từ đoạn văn tự âm thanh này mà ra. Đoạn văn tự này trong phẩm Phổ Môn lại đặc biệt chiếm ý nghĩa trọng yếu.

Trong Mật giáo nói vị Bồ-tát này phụ trách tổng đức đại bi của Như Lai, là nhân vị thủ tọa của Phật A-di-đà. Thông thường hai đại sĩ ở hai bên Phật A-di-đà là Quán Thế Âm và Thế Chí. Quán Thế Âm cai quản Từ Bi môn, Thế Chí trông coi Trí Tuệ môn. Quán Thế Âm và Thế Chí đều được người quen biết.

Pháp sư Huyền Trang sở dĩ đem vị Bồ-tát này dịch là Quán Tự Tại, nguyên nhân là vị Bồ-tát này muốn khiến chúng sanh quán sát các pháp mà được tự tại.

Pháp sư La-thập sở dĩ dịch vị Bồ-tát này là Quán

Thế Âm, lý do là vì vị Bồ-tát này quán xét nghe ngóng một lòng xung danh của chúng sanh mà đến cứu các ưu não thế gian.

Cả hai pháp sư La-thập và Huyền Trang phiên dịch đều rất xác đáng, đều có ý nghĩa.

Kế đó, chúng ta lại nói về tịnh độ của Quán Thế Âm. Thế nào mới là tịnh độ của Quán Thế Âm?

Tịnh độ của Quán Thế Âm vốn gọi là Phổ-đà-lạc, hoặc gọi Phổ-đà-lạc-ca (Pratalaka), thông thường phần nhiều gọi là Phổ-đà-lạc. Căn cứ theo Huệ Uyển Âm Nghĩa quyển hạ nói: “Núi Phổ-đà-lạc-ca, dịch là núi Tiểu Hoa Thọ. Trong núi này có rất nhiều cây hoa trắng nhỏ, hoa rất thơm, mùi hương tỏa xa. Hoa Nghiêm Tham Huyền Ký, trên quyển 19 nói: “Ấn Độ gọi là núi Tốc-đa-la, đây không dịch đúng mà dịch nghĩa, nên gọi là núi Tiểu Thọ Mạn Trang Nghiêm.” Kinh Thập Nhị Diện và kinh Hoa Nghiêm đều từng nói đến núi này.

Nhân vì tín ngưỡng Quán Thế Âm thịnh hành ở Đông phương, do đó ở Đông phương khắp nơi đều có Phổ-đà-lạc. Miền Nam của Nam Ấn Độ, quần đảo Châu Sơn của Trung Quốc đều là Phổ-đà-lạc tương đối lớn của Đông phương.

Tại Trung Quốc, tịnh độ của Văn-thù là Ngũ Đài Sơn, tịnh độ của Phổ Hiền là Nga Mi Sơn, tịnh độ của Địa Tạng là Cửu Hoa Sơn, tịnh độ của Quán Thế Âm là Phổ Đà Sơn, gọi chung là Tứ Đại Danh Sơn của Phật giáo Trung Quốc.

Tại thủ đô Lạp-tát của Tây Tạng, cung của Lạt-ma pháp vương là Phổ-đà-lạc (Potala), vị giáo chủ thuyết pháp là hóa thân của Quán Thế Âm.

Ngoài ra, nơi thờ phụng vị Bồ-tát này đều gọi là Phổ-đà-lạc.

Từ thế nguyện Phổ Môn thị hiện mà nói lý tưởng của Ngài, đó chính là muốn khiến thế giới Ta-bà này hoàn toàn thành Phổ-đà-lạc.

Về tên khác của Quán Âm, trong các kinh có xưng hiệu như sau:

- Trong phẩm Phổ Môn gọi là Thí Vô Úy, hoặc gọi Tịnh Thánh.

- Kinh Thanh Quan Âm gọi là Đại Bi Thí Vô Úy.

- Kinh Bi Hoa, gọi là Chánh Pháp Minh Như Lai, hoặc gọi Biến Nhất Thiết Công Đức Sơn Vương Như Lai.

- Kinh Quán Âm Thọ Ký gọi là Thánh Giả Đại Bi hoặc gọi bậc Cứu Hộ Khổ Nạn, hoặc gọi Phổ Quang Công Đức Sơn Vương Phật.

- Chân Ngôn Nghi Quỹ gọi là Đại Từ Đại Bi Chủ.

- Kim Cang Giới Mạn Trà La gọi là Bồ-tát Kim Cang.

Chúng ta đã biết danh hiệu bất đồng của Bồ-tát Quán Thế Âm rồi, lại nghiên cứu sao gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát là gọi tắt của Bồ-đề-tát-đỏa, cự dịch là Chúng sanh đạo tâm lớn, tân dịch là Giác hữu tình. Trên quyển thứ nhất của Duy-ma Kinh Chú, pháp sư

Tăng Triệu nói: “Bồ-tát gọi đủ là Bồ-đề-tát-đỏa (Bodhisattva), Bồ-đề là tên của Phật đạo, Tát-đỏa đời Tần dịch là Chúng sanh tâm lớn, có tâm lớn mới có thể tiến vào Phật đạo, nên gọi Bồ-đề-tát-đỏa.”

A-tỳ-đàm nói: Bồ-đề là đạo vô thượng, Tát-đỏa là tâm lớn, nghĩa là người này phát tâm rộng lớn, cầu đạo vô thượng, cứu độ chúng sanh nên gọi là Bồ-tát.

Đại Luận nói: “Bồ-đề gọi là Phật đạo, Tát-đỏa là thành tựu chúng sanh, dùng các Phật đạo thành tựu chúng sanh, nên gọi là Bồ-đề-tát-đỏa.” Lại nói: “Bồ-đề là tự hành, Tát-đỏa là giáo hóa người khác, tự tu Phật đạo để hóa độ người khác gọi là Bồ-tát.”

Bồ-tát dịch là Chúng sanh đạo tâm lớn hoặc có ý nghĩa Giác hữu tình đã rõ ràng rồi. Nhưng, giải thích của A-tỳ-đàm và Đại Luận ý nghĩa có chỗ bất đồng, hiện tại biện thuyết như sau:

- Giải thích của A-tỳ-đàm là Bồ-tát phát tâm lớn, ý là chúng sanh cầu đạo vô thượng. Đây tương đồng với lối giải thích thông thường Giác hữu tình “Trên cầu Bồ-đề, dưới giáo hóa chúng sanh”. Nhưng căn cứ vào giải thích này, thì Bồ-tát tựa hồ không có giác ngộ cứu cánh, nhưng Đại Luận giải thích rằng: “Bồ-tát dùng các Phật đạo thành tựu chúng sanh, nên gọi Bồ-tát.” Thì Bồ-tát đã giác ngộ rồi, nhân vì chính mình đã giác ngộ, mới có thể dùng Phật đạo rộng độ chúng sanh mà ứng bệnh cho thuốc.

Chúng ta bây giờ giảng Bồ-tát Quán Thế Âm, như trong kinh Đại Bi Tâm Đà-la-ni dạy, Ngài là

Chính Pháp Minh Như Lai trong quá khứ, đã sớm thành Phật rồi, do lòng đại bi xúi giục, mới đặc biệt thị hiện trở lại thành Bồ-tát, tùy duyên hóa độ, đây cùng với người thông thường là chúng sanh mà trên cầu đại giác, đương nhiên rất khác nhau. Vì Ngài là Đại Bồ-tát giác ngộ rồi, so sánh hai thuyết thì giải thích của Đại Luận xác thiết hơn.

Chữ “Phổ” của Phổ Môn là nói mọi đức của Quán Thế Âm đầy đủ trùm khắp. Nói thực ra, Quán Âm không những là đủ đầy mọi đức mà còn có sức sống cứu giúp đại bi. Do đó “Phổ” là trùm đủ ánh sáng đại bi cứu giúp mà ứng hiện khắp nơi.

“Môn”, đồng là chúng sanh chịu sự cứu giúp của Bồ-tát Quán Thế Âm từ bi mà có các loại môn bất đồng. Chỗ nói “Phổ Môn”, là nói căn cơ của chúng sanh tuy có ngàn sai muôn khác, mà Bồ-tát Quán Thế Âm có thể ứng khắp mọi căn cơ, không đâu không thị hiện. Cổ đức Trung Quốc nói hai câu:

Thiên giang hữu thủy thiên giang nguyệt
Vạn lý vô vân vạn lý thiên.

*Ngàn sông có nước ngàn trăng hiện
Vạn dặm không mây vạn dặm trời.*

Có thể nói tả chiếu hay nhất về Bồ-tát Quán Thế Âm hóa hiện 33 thân Phổ Môn thị hiện.

“Phẩm” là phẩm loại, là trong một bộ kinh đồng nhất, phân chia làm mấy loại, trật tự rõ ràng, không xen không loạn, như kinh Pháp Hoa chia 28 phẩm, Bồ-tát Dược Vương có phẩm Dược Vương Bồ-tát. Bồ-tát

Diệu Âm có phẩm Diệu Âm Bồ-tát. Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn Phẩm là phẩm thứ 25 trong 28 phẩm kinh Pháp Hoa.

I- VÔ TẬN Ý PHÁT VẤN

Bộ “Phổ Môn Phẩm” này, từ đầu đến cuối đều nói về tín ngưỡng Bồ-tát Quán Thế Âm, toàn văn chia làm hai đoạn lớn Trường hàng và Kệ tụng. Trường hàng là thể tài tản văn, Kệ tụng thì giống như thơ ca theo thể văn vần. Nhân vì Kệ tụng là thuật lại Trường hàng. Do đó, yếu chỉ trong phẩm Phổ Môn, hoàn toàn bao hàm trong Trường hàng. Trường hàng lại chia ra làm hai loại vấn đáp: Đoạn thứ nhất là Bồ-tát Vô Tận Ý hỏi Bồ-tát Quán Thế Âm do nhân duyên gì mà được tên. Đoạn thứ hai là hỏi Bồ-tát Quán Thế Âm ở tại thế giới Ta-bà dùng phương tiện gì mà vì chúng sanh thuyết pháp. Bây giờ giải thích câu hỏi đoạn thứ nhất như sau:

Nhĩ thời Vô Tận Ý Bồ-tát tức tùng tòa khởi thiên dẫn hữu kiên, hiệp chưởng hướng Phật nhi tác thị ngôn: “Thế Tôn! Quán Thế Âm Bồ-tát, dĩ hà nhân duyên danh Quán Thế Âm?”

Đây là câu hỏi của Vô Tận Ý, cũng có thể xem là

phần Tựa của phẩm này.

Nhĩ thời, là chỉ thời gian nào thuyết? Y theo Quán Âm Nghĩa Sớ Ký của Tri Lễ nói: Thích Tôn khi giảng xong phẩm Diệu Âm Bồ Tát Vãng Lai ở Đông phương rồi, lúc sắp giảng phẩm Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn ở Tây phương, lúc ấy, là chỉ thời gian đó. Lại có một lối nói, là nói đệ tử của Thích Tôn, nghe xong phẩm Diệu Âm Bồ-tát Vãng Lai, hoan hỷ mừng rỡ, hy vọng được nghe một chút về Quán Thế Âm phát tâm đến sanh khởi tâm thiện của đại chúng, *nhĩ thời* tức chỉ lúc đại chúng đều đang hy vọng. Do đó *nhĩ thời* có hai nghĩa như trên.

Phẩm Phổ Môn là phẩm thứ 25 của kinh Pháp Hoa, phẩm 24 trước là phẩm Diệu Âm Bồ-tát Vãng Lai, cuối phẩm đó từng nói rằng: Lúc nói phẩm Diệu Âm Bồ-tát Vãng Lai này, 42000 thiên tử được vô sanh pháp nhẫn, Bồ-tát Hoa Đức được Pháp Hoa tam-muội. *Nhĩ thời* (lúc đó) trên phẩm Phổ Môn có thể lấy nghĩa trước.

Phẩm Phổ Môn là phẩm chị em với phẩm Bồ Tát Diệu Âm Vãng Lai. Phẩm trước, Bồ-tát Diệu Âm hiện sắc thân tam-muội trong ba cõi sáu đường, thị hiện khắp nơi, thuyết pháp độ sanh, phẩm này thì nói tình hình Bồ-tát Quán Thế Âm thị hiện sắc thân tam muội, tùy loại hóa thân, thuyết pháp độ sanh.

Nhĩ thời tuy theo cách nhìn phổ thông là lúc giảng phẩm 24 xong, bắt đầu phẩm 25, nhưng ở lúc tụng riêng phẩm Phổ Môn, không nhất định nói bấy

giờ là lúc giảng xong phẩm 24. Do đó, từ phương diện Phật mà nói *bấy giờ* lại là lúc Phật quán cơ đáng giảng phẩm Phổ Môn; ở phương diện chúng sanh mà nói, *bấy giờ* là lúc chúng sanh nhân duyên thuận thực cần nghe. Kỳ thực, chẳng kể lúc nào là *bấy giờ*, *bấy giờ* là cái vô hạn.

Vô Tận Ý Bồ-tát là vị Bồ-tát bổ xứ của Phật Phổ Hiền ở thế giới Bất Thuần phương Đông. Thế giới Bất Thuần phương Đông chỉ có Bồ-tát không có quốc độ của Thanh văn, Duyên giác. Phật Phổ Hiền là giáo chủ cõi đó. Vị Bồ-tát này phụ giúp Phật giáo hóa. Nhưng hiện tại Ngài vâng lời Phật đến cõi Ta-bà giúp Phật Thích Tôn giáo hóa. Nhân đây được kể trong hội Pháp Hoa núi Linh Thứu, cũng có một chỗ của Ngài. Bây giờ Ngài xuất hiện đặt câu hỏi về nhân duyên của Bồ-tát Quán Thế Âm, ý nghĩa rất sâu.

Vô Tận Ý, là ý nghĩ không có cùng tận, vô lượng vô biên. Vì vị Bồ-tát này, do thế giới vô tận, chúng sanh vô tận, nghiệp giới vô tận mà bi nguyện độ sanh của Bồ-tát cũng vô tận, do đó gọi là Vô Tận Ý.

Chiếu theo trên đã nói, diệu lý của Pháp Hoa là thực tướng các pháp. Có những người không biết vạn tượng là giả tướng do nhân duyên sai biệt sanh ra, chấp dính là có, đó là cõi mê của phàm phu. Nương theo sự tồn tại của nhân duyên, chấp tất cả đều không, đây là Tiểu thừa hay Đại thừa Quyền giáo. Trong Đại thừa Thật giáo, từ vạn vật sai biệt mà nói không thiên về có, từ vạn vật một thể mà nói không thiên về không, cho rằng vạn vật tương quan vô tận, đều là

thật tướng của các pháp. Trời đất muôn loài, đều là cho nhau, ân huệ lẫn nhau để làm lợi cho nhau, đây thực toàn là hạnh nguyện của Bồ-tát. Chỉ lợi cho mình, đây là Thanh văn, Duyên giác, không biết rõ nguyên lý “Tương thí tương huệ”. Vị Bồ-tát Vô Tận Ý này đem lòng đại bi vô tận, tế độ chúng sanh vô tận, vô tận này là nghĩa căn bản của Đại thừa. Bồ-tát Quán Thế Âm, danh vang khắp mười phương, chư hiền trọng vọng, Phổ Môn thị hiện, bi nguyện vô tận, do đó cho vị Bồ-tát này bước ra thưa hỏi, ý nghĩa thật rất sâu xa.

Tức từng tòa khởi, lúc sắp muốn nghe Thích Tôn thuyết pháp, Bồ-tát Vô Tận Ý từ chỗ ngồi của mình đứng lên, trích áo vai phải, chấp tay hướng về Phật, đánh lễ ngay ngắn, đây là mở đầu việc hỏi pháp Thích Tôn.

Trong Quán Tâm Thích của Thiên Thai có nói: “Không tức là tòa, ở cái không này không chỗ dính mắc nên nói là khởi”. Vị Bồ-tát này, chính là thường lấy “các pháp đều không” làm tòa, cũng không dính mắc. Các pháp đều không là cửa “bình đẳng”. Hiện tại vị Bồ-tát này vãng mệnh Phật Phổ Hiền giáo chủ thế giới Bất Thuần ở phương Đông, đến hội Pháp Hoa của Phật Thích-ca ở núi Linh Thứu, ứng cơ đặt câu hỏi, nhân đây từ tòa bình đẳng “không” mà đứng lên, hiện khởi cửa “có” của chúng sanh sai biệt, do đó nói *tức từng tòa khởi*.

Thiên dẫn hữu kiên, đây chính là kiểu chúng ta đắp cà-sa, tư thái lấy cà-sa đắp lên vai trái, để lộ vai phải ra. Tại Ấn Độ, cà-sa sờ dĩ cần lộ vai phải ra, đó

là vì lúc làm việc cân nhắc phương tiện, lúc thay sự phụ làm việc có nghi biểu trang trọng, chính là biểu thị ý cung kính.

Do đó, chúng ta lúc lễ bái Phật Bồ-tát, bắt chước phong tục Ấn Độ bày vai phải này. Theo giải thích của Quán Tâm Thích, đấp và bày là biểu thị hai trí quyền và thật của hai đế không và giả. Không đế là thật trí, thật trí là bất khả thuyết, do đó vai trái che đậy; giả đế là quyền trí, do đó vai phải lộ ra. Hoặc là nói, vai trái biểu thị thiên định, vai phải biểu thị trí tuệ. Hiện đem trịch áo vai phải, tức là từ thiên định dậy mà phóng ánh sáng trí tuệ.

Hiệp chưởng hướng Phật nhi tác thị ngôn, hiệp chưởng là hai tay, mười ngón của bàn tay chắp lại, gọi là hiệp chưởng. Tại Ấn Độ, đây là biểu thị một loại lễ tiết cung kính đối với người trên. Thêm một bước nữa giải thích hiệp chưởng, mười ngón của hai bàn tay tương đương với mười cõi, đem hợp làm một, thành là mười cõi nhất như, là biểu thị chúng sanh và Phật, mê và ngộ là bất nhị.

Bồ-tát Vô Tận Ý từ chỗ ngồi đứng lên, trịch áo vai phải, chắp tay hướng về Phật Thích-ca Mâu-ni ba thân đầy đủ đang thuyết pháp trên tòa pháp vương, đặt câu hỏi như sau, tức là *nhi tác thị ngôn*.

Hiện tại nói về Phật Thích-ca Mâu-ni ba thân đầy đủ. Về nghĩa ba thân, thực có một thuyết tất yếu.

Ba thân là pháp thân, báo thân, ứng thân. Pháp thân là lý chân như, thể nghiệm đến cái này, tức là

viên mãn báo thân, dùng lý thể nghiệm được mà hiển Phật trí là báo thân; tùy duyên ứng hiện, rộng độ quần sanh, đó là ứng thân. Thích-ca Mâu-ni chính là đã đầy đủ đức của ba thân này.

Từ “Nhĩ thời” đến “nhi tác thị ngôn” là phần Tựa của phẩm này. Văn Trường hàng từ “nhi tác thị ngôn” trở đi, đến Trùng tụng thuật lại ở mặt sau, cho đến thẳng tới câu “thị cố ưng đánh lễ” cuối cùng của phần trùng tụng, là phần chánh tông. Từ “Nhĩ thời Trì Địa Bồ-tát” trở xuống là phần lưu thông.

“Nhi tác thị ngôn” trở xuống là câu hỏi của Bồ-tát Vô Tận Ý thưa với Phật Thích-ca Mâu-ni, cũng chính là đầu mối của phần chánh tông.

Thế Tôn! Quán Thế Âm Bồ-tát, dĩ hà nhân duyên danh Quán Thế Âm?

Đây là Bồ-tát Vô Tận Ý hỏi Phật Thích-ca: “Bồ-tát Quán Thế Âm, cứu cánh là vì nhân duyên gì mà được tên là Quán Thế Âm?” Văn kinh chỗ này không cần giải thích đặc biệt gì, chỉ cần giải thích “Thế Tôn” một lần.

Phật Thích-ca Mâu-ni là đạo sư của ba cõi, cha lành của bốn loài, đối với thế gian và xuất thế gian là tối tôn vô thượng, do đó gọi là Thế Tôn. Thế Tôn là danh xưng chung của mười hiệu Như Lai. Mười hiệu này là căn cứ theo đức của Như Lai mà lập mười danh xưng. Đó là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiệt Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư,

Phật.

- Như Lai: Từ chân như thật tướng mà đến.

- Ứng Cúng: Có đủ đức nhận tất cả chúng sanh cúng dường.

- Chánh Biến Tri: Được chánh giác bình đẳng.

- Minh Hạnh Túc: Đầy đủ diệu hạnh.

- Thiện Thệ: Giống như Diệu Đức, dùng trí tuệ vô lượng có thể đoạn dứt các phiền não, để hướng đến quả Phật.

- Thế Gian Giải: Đầy đủ trí thế và xuất thế gian.

- Vô Thượng Sĩ: Vượt khỏi tất cả hữu tình, tối thắng vô thượng.

- Điều Ngự Trượng Phu: Bạc đại trượng phu điều phục tất cả ma chướng phiền não.

- Thiên Nhân Sư: Làm sư biểu cho tất cả trời người.

- Phật: Là gọi tắt của Phật-đà còn gọi là Phù-đồ, dịch là Giác giả. Giác có tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn là ba giác. Tự giác là tự mình đến được diệu quả Bồ-đề Niết-bàn, trở lại dạy dỗ tất cả chúng sanh là giác tha, làm hai giác này viên mãn, gọi là giác hạnh viên mãn. Chỗ nói ba giác viên, muôn đức đủ, tức gọi là Phật-đà.

II- THÍCH TÔN ỨNG ĐÁP

Phật cáo Vô Tận Ý Bồ-tát: “Thiện nam tử! Nhược hữu vô lượng bách thiên vạn ức chúng sanh, thọ chư khổ não, văn thị Quán Thế Âm Bồ-tát, nhất tâm xưng danh Quán Thế Âm Bồ-tát, tức thời quán kỳ âm thanh, giai đắc giải thoát!”

Đoạn văn này là lời đáp tổng quát của Phật Thích-ca Mâu-ni, là đại cương một cuốn phẩm Phổ Môn. Bi tâm và thệ nguyện của Bồ-tát Quán Thế Âm, phương pháp chúng sanh xưng niệm và được lợi ích, hoàn toàn bao hàm trong một đoạn văn này. Trong phẩm Phổ Môn, tức lấy đây làm chỗ trọng yếu nhất.

Nhưng, lý do dịch danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm cũng là từ đoạn văn này mà ra.

Phật cáo Vô Tận Ý Bồ-tát là Phật Thích-ca đáp lời Bồ-tát Vô Tận Ý. *Thiện nam tử*, là chỉ thẳng Bồ-tát Vô Tận Ý.

Trong đoạn văn này bao hàm ba điểm yếu nghĩa. Nhưng chúng sanh và các khổ não, thật cần phải nói trước.

Chúng sanh tiếng Phạn là Tát-đỏa, là mệnh danh của tất cả sinh vật. Gọi tất cả sinh vật là chúng sanh, có ba lý do:

- 1- Cùng chúng chung sống ở đời.
- 2- Do nhiều nhân duyên hòa hợp mà sanh ở đời.
- 3- Thọ sanh ở chỗ đông đảo.

Một danh từ *chúng sanh* này, vốn là cự dịch,

tân dịch của ngài Huyền Trang đổi là hữu tình, để khác với tất cả vật vô sanh (không sống động).

Trong văn này nói có vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng sanh, như chúng sanh ở cõi địa ngục, chúng sanh cõi ngạ quỷ, chúng sanh cõi súc sanh, chúng sanh cõi A-tu-la. Chúng sanh thuộc bốn đường ác bị khổ não thiêu đốt bức bách này thật đã có vô lượng vô số. Nhưng đức Phật giảng kinh toàn lấy nhân gian làm đối tượng trung tâm. Bồ-tát Quán Thế Âm là Cứu chủ đại từ đại bi của thế giới Ta-bà, chúng sanh đó ở tại nhân gian cũng có thể nhìn ra. Ví như, người thế gian, trong mỗi ngày, có lúc tâm địa ngục sân giận nổi lên, có lúc tâm ngạ quỷ tham dục nổi lên, có lúc tâm thú tánh ngộ nghịch loạn luân nổi lên, do đó nhân gian bèn có đủ bốn đường ác.

Chư khổ não là chỉ các khổ 7 nạn 3 độc ở mặt sau sẽ giảng. Nhân vì một tiết này là đáp tổng quát. Văn sau mới phân biệt giải nói. Cái khổ não được nói đó có cá biệt chẳng đồng. Trừ 7 nạn, 3 độc ra, còn có 4 khổ, 8 khổ... Khổ não này hoàn toàn là khổ não địa ngục, khổ não ngạ quỷ, khổ não súc sanh trong nội tâm của nhân gian. Nhưng, muốn xem tường tận cội nguồn khổ não này, bèn có thể biết do dục vọng cầu sanh mà khởi.

Người muốn cầu sanh, không có gì so được với dục vọng này về sự lừng lẫy mạnh mẽ, do đó dục vọng này tức là nguyên do dẫn khởi tất cả các phiền não.

Văn thị Quán Thế Âm Bồ-tát, một chữ *văn* này là

từ một nghĩa “Nhĩ căn viên thông” mà ra. Nhĩ căn viên thông, nhất tâm xưng danh, giai đắc giải thoát, là ba yếu nghĩa lớn trong đoạn văn đáp tổng quát này.

Văn thị Quán Thế Âm Bồ-tát, là các chúng sanh nghe danh tự tên hiệu của Bồ-tát Quán Thế Âm. Chúng sanh nếu nghe mà xưng danh, thì Quán Thế Âm nghe âm thanh ấy khiến họ đều được giải thoát tất cả khổ nạn. Chữ *văn*, chúng sanh nghe Quán Âm, Quán Âm nghe chúng sanh, Bồ-tát và chúng sanh nghe lẫn nhau, tương ứng, thế là bèn hiển thị sự nhiệm mầu của cảm ứng đạo giao. Do ở lỗ tai nghe, Bồ-tát và chúng sanh mới có thể cảm ứng dung thông, do đó gọi là Nhĩ căn viên thông.

Kinh Lăng Nghiêm nói chữ *văn* có ba chân thật:

1- Thông chân thật: Tai và mắt chẳng đồng, có vật chướng ngại, chỗ mắt không thấy mà tai lại có thể nghe ngóng âm thanh ngoài một dặm.

2- Viên chân thật: Mắt chỉ có thể dùng xem ở chính diện, lỗ tai chẳng kể trước sau phải trái, đều có thể nghe được tiếng.

3- Thường chân thật: Việc quá khứ, có thể truyền đến hiện tại, việc hiện tại có thể truyền đến tương lai mà không biến đổi. Ba điểm này đều là chỗ ưu thắng của nhĩ căn.

Lại có thể nói thế này: Việc giáo hóa thế giới Ta-bà, lấy nghe tiếng làm chủ. Vì cứu khổ não của tất cả chúng sanh, do đó Bồ-tát Quán Thế Âm có hàm ý nghĩa là cứu chủ của nhân gian thuộc thế giới Ta-bà.

Nhất tâm xưng danh, đây nói chúng sanh nếu như một lòng niệm Bồ-tát Quán Thế Âm, bèn có thể được Bồ-tát này cứu giúp, về điểm này, cần nên phải chú ý đặc biệt.

Trước hết nói *nhất tâm*, nhất tâm là một loại niệm, niệm ở trong tâm. Niệm niệm cùng Quán Âm hợp làm một, không có niệm khác chen vào, gọi là nhất tâm. Tiếp theo là *xưng danh*, xưng danh là nêu danh hiệu “Nam-mô Đại bi Quán Thế Âm Bồ-tát”. Nhất tâm xưng danh, cần tất yếu chú ý trên mặt xưng danh, hai chữ *nhất tâm* đứng đầu. Tâm niệm là căn bản, cần niệm đến ta là Quán Âm, Quán Âm là ta, mà bất giác thốt ra miệng, đó mới là âm thanh xưng danh. Có người nói, một lòng xưng danh, chúng ta chỉ cần xưng niệm trong lòng, miệng không cần ra tiếng, khá chẳng phải cũng có thể được sao? Nếu như nói như vậy, đây là mê lý và trái với lối nói tự nhiên. Thường nghe người thế gian nói: Chỉ cần anh thành tâm, anh chẳng cầu Bồ-tát, Bồ-tát cũng che chở anh.

Lời nói này không thể không nói là họ tưởng tượng sai lầm. Chẳng qua, câu này cũng có thể là một loại nhắc nhở người chỉ niệm ngoài miệng mà không thành tâm.

Thân tâm chúng ta vốn là nhất như. Chỗ nói thành khẩn ở trong biểu lộ ra hình thể bên ngoài. Hiện tại chúng sanh nếu như có một lòng thành thành khẩn khẩn, tất định phát ra bên ngoài thành âm thanh xưng danh. Đây là đạo lý tự nhiên, cũng là nghĩa chân thật của xưng danh. Chẳng những như thế,

niệm chân thành khẩn thiết càng sâu, lại càng có thể thể nghiệm niềm an ủi của lòng đại bi cảm ứng ban tặng. Một sớm đạt đến cảnh giới này, chính là gọi rằng anh chẳng cần xưng danh, anh cũng bất tri bất giác buột ra tiếng cảm kích. Ví như là gặp một ngày lạnh căm căm, hoặc là một ngày nóng hừng hực, tuy không có ý, nhưng anh lúc bất tri bất giác trong miệng tự nhiên thốt lên: Lạnh quá! Nóng quá!

Hiện tại ta nghe tên Tịnh Thánh (tức Quán Thế Âm) mà xưng niệm, Tịnh Thánh nghe tiếng một lòng xưng niệm của ta mà cứu giúp, đây là nhĩ căn viên thông. Từ cửa miệng tất định muốn phát ra “Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát”, mới có thể đạt đến chân nghĩa của chữ *văn*.

Kỹ lưỡng thưởng ngoạn mùi vị của bốn chữ *nhất tâm xưng danh* này, thứ nhất là ở chính mình, tất định đòi trước tiên rõ biết tự kỷ, con người thân thiết này. Vấn đề thế giới, vấn đề vũ trụ mà Phật giáo nói là việc thứ hai, thứ ba!

Học Phật chính là học về mình. Tất cả đều là vấn đề chính mình của một người. Đáo để là muốn chính mình làm thành cái gì đây? Nếu như nghĩ kỹ vấn đề này, thì sẽ tìm không chỗ đặt chân. Lại không thể xem thường nó. Như thế, bản tâm sẽ xuất hiện.

Theo Khởi Tín Luận, nhân vì cứu giúp tự kỷ bị vô minh che đậy, thông thường gọi là chân như duyên khởi, nhưng lấy vô minh làm trung tâm, còn có thể gọi là vô minh duyên khởi.

Nói đơn giản thì Khởi Tín Luận, Duy Thức Luận cũng không phải là nói về vấn đề vũ trụ mà là nói về vấn đề tự kỷ. Khởi Tín Luận nói vô minh, Duy Thức Học nói A-lại-da thức đều là chỉ tên khác của “Ngã” còn trong tâm chính mình.

Vì cầu giải thoát chính mình tức cần nghĩ ra nhiều phương tiện đến cứu độ cho cái tự kỷ từ phương diện Ngã mà chấp trước. Vì có quan hệ này, do đó mới làm ra Khởi Tín Luận, Duy Thức Luận. Thế Tôn bốn mươi chín năm thuyết pháp, ba tạng mười hai bộ kinh, Tổ sư bao đời xuất hiện, đều cũng là vì vấn đề này.

Do đó quyển “Phẩm Phổ Môn” này cũng hoàn toàn vì cứu “Ngã” của tất cả chúng sanh, trừ đây ra, cũng không gì khác.

Tại chỗ nói về cái khổ não ở mặt trước, “dục vọng” là nguồn cội của tất cả khổ não. Nhưng truy vấn thêm một bước: dục vọng lại là từ cái gì mà ra? Có thể nói khẳng định một câu: là từ có ngã mà ra. Chúng sanh chấp trước cái ngã vô minh là “ngã chấp”, từ ngã chấp sanh ra sở hữu của ngã là pháp chấp. Chúng sanh bàng hoàng ở đường mê, chịu tất cả khổ não, tạo tất cả tội ác, đều do ngã chấp và pháp chấp mà ra.

Chân thật mà nói, người trên thế gian, thật giống như hoa đốm trong hư không, bóng trăng đáy nước, hoặc là một hí trường, chỉ hư dối không chân thật. Dem một cái ngã, hoàn toàn chứa đầy tràn tham sân tà ác. Một cái tự kỷ xấu ác, tự kỷ ô uế này là cái rất không dễ dàng nhìn ra. Nếu muốn quan sát nó, ắt

cần phải dùng gương sáng đại bi chân thật không dối ra chiếu rõ. Cái gương sáng chân thật không dối này tức là sáng niệm chiều niệm, chẳng rời gương mặt từ bi và danh hiệu của Đại Bi Quán Thế Âm.

Xưa nay ngã chấp và pháp chấp thật là vô minh phiền não nghiệp hệ khổ tương từ kiếp vô thủy đến nay. Phàm phu ở đời, nếu nghĩ đoạn trừ cái này thành vô cấu thanh tịnh, cơ hồ không dễ dàng nhìn ra được. Cái duy nhất có thể nhìn ra là thời giờ. Đây là thời giờ gì? Chính là lúc chuyển hữu lậu thành vô lậu, bỏ sanh tử được Niết-bàn.

Người đem cái chết đặt ở trước mắt, lúc biết gần chết, đó là lúc thân thánh nhất, là lúc chân thật không gì hơn nhất.

Người ta thường nói: “Người sắp chết, lời nói đều thiện”; cho dù anh là một người tội ác cực lớn, một sát-na lúc anh sắp chết, anh cũng lập tức chuyển đổi lỗi lầm. Chúng ta không cần phải trừ ếm chết, không ai có thể khỏi chết cả, có sanh ắt có tử, sanh tử là thực tướng của thế gian. Vấn đề không ở chỗ chết hay không chết, mà ở chỗ lúc chết có nắm chắc được hay không, chết mà nắm chắc được, thì có gì đáng sợ?

Chết là cái cuối cùng của một đời người, như là một tiếng pháo nổ, vào lúc đó, không có cái gì đáng được anh lưu luyến, giống như một chút hoa tuyết trên lò lửa hồng, vật sở hữu đều không có giá trị, tài bảo của thiên hạ đều chẳng liên quan với chính mình.

Do đó, người nếu thường thường suy nghĩ, thực

tại là rất cô độc, theo chân mình chỉ có nghiệp thiện ác một đời, ngoài ra chẳng có gì cả. Lúc ở đời, tất cả dục vọng, khổ não đều do hai chấp ngã và pháp sanh ra, đến lúc sắp mạng chung, tất cả vọng chấp của anh, chẳng có cái nào là của anh cả. Ngày còn sống hà tất đi vọng chấp kiểu này kiểu nọ mà tự tìm khổ não?

Tức thời quán kỳ âm thanh giai đặc giải thoát, đây là nói giải thoát cái gì? Đây là nói giải thoát các khổ não.

Giải thoát này không giống như cởi bỏ ràng buộc hữu hình gọi là giải thoát.

Chúng ta quy y đại bi Tịnh Thánh, chiếu theo sức một lòng xưng danh đã nói mặt trước, chính là giải thoát các khổ não, đây có hai loại lợi ích:

Lợi ích thứ nhất là có thể đem chân tâm, miệng thành khẩn xưng niệm, chấp tay ngay ngắn, để ba nghiệp này hợp làm một, một lòng xưng danh này tức có thể cảm được từ quang của Bồ-tát Quán Thế Âm không bị phiền não nhiễm nhiếp thủ. Thân tâm chúng ta sẽ xa lìa khổ não, vô minh, ác nghiệp căn bản. Hàng ngày có sự tín ngưỡng tôn sùng thuần khiết đó, thì tất cả tịnh nghiệp liền có thể thành tựu.

Đây là giải thoát thứ nhất do đức của nhất tâm xưng danh mang đến.

Lợi ích thứ hai là căn cứ theo đạo lý nhân quả rõ ràng phân minh, chúng ta cho dù thân ở trong sanh tử chịu quả báo khổ não, như có thể một lòng xưng danh đầy đủ chí thành, ắt hẳn sẽ có cảm ứng bất khả tư

ngì, không biết khổ ấy là khổ, mà từ khổ não giải phóng ra được, đây là loại giải thoát thứ hai.

Quan Âm Linh Cảm công đức rất là lớn. Một lòng xưng danh tức có thể giải thoát tất cả khổ não. Vì chúng ta bị khổ não cùng đến với sanh, suốt ngày ràng buộc, không thể ly khai, chỉ có dùng lực lượng của một lòng xưng niệm, tuy có tất cả khổ não, cũng có thể nhẫn chịu, đây là công đức tự nhiên hiển hiện. Đây chính là công đức “đều được giải thoát”, đây chính là quả công đức từ một lòng xưng danh chí thành mà tu đưa đến.

Bất kể là nhĩ căn viên thông cũng tốt, nhất tâm xưng danh cũng tốt, đều được giải thoát cũng tốt, đều không phải là cái chỉ từ trên lý luận mà giải thích, trở về gốc rễ lại là ba nghiệp thân - miệng - ý tương ưng. Như quả một lòng xưng danh, tự nhiên bèn có nhân nhĩ căn viên thông mà thừa hưởng diệu quả giải thoát, do đó muốn đạt đến thời tiết thân tâm hoan hỷ, ắt phải một lòng xưng danh.

Nói đến giải thoát khổ não khiến tự kỷ có thể đạt đến cảnh tự do tự tại. Người thường cho là có điểm không dễ dàng: kỳ thực, chúng ta bị dây thừng ngã chấp, khóa sắt phiền não lớp lớp trói buộc, không được một chút tự do, đương nhiên là rất khổ não. Nhưng, dây thừng và khóa sắt này, quyết không phải từ bên ngoài đến trói chúng ta, mà là chính chúng ta dùng dây thừng, khóa sắt trói tự kỷ mình lại. Quá khứ có một người hỏi thế này:

- Hòa thượng! Xin Ngài chỉ dạy cho con pháp môn giải thoát.

Hòa thượng hỏi ngược lại:

- Ai trói ông?

Từ câu hỏi ngược này, có thể biết không có ai trói buộc chúng ta, hoàn toàn là chính mình trói buộc chính mình, chính là chỗ nói tự trói tự buộc vậy.

Chúng ta đã biết là tự trói tự buộc, nếu như có thể dùng tâm bình đẳng cởi trừ dây thừng ngã chấp, dùng niệm từ bi đập gãy khóa phiền não, thì Quán Thế Âm tức thời thị hiện giải thoát cho anh.

Trừ tâm ngã chấp rồi, đạt được mình người bình đẳng, thể nhận được rằng mình chính là tất cả chúng sanh, tất cả chúng sanh chính là mình. Đến được cảnh giới bình đẳng đại bi này, tâm chúng ta, đã đích xác có thể nói là thoát ly ô uế mà biến thành thanh tịnh.

Lúc ấy tâm của Quán Thế Âm bèn là tâm của ta, nếu như tâm ta và tâm Bồ-tát hợp làm một, tự nhiên sẽ thoát ly khổ não do ngã chấp phải chịu, liệng bỏ suy nghĩ lăng xăng do vọng niệm khởi. Tâm thanh tịnh như thế gọi là nhất tâm. Chỗ nói nhất tâm, chính là duy nhất bất nhị, không có hai kiểu tâm, chỉ là một niệm thanh tịnh không có mảy may mê vọng, đây là tâm cảnh do một lòng xưng danh mà được. Cũng chính là giải thoát tất cả khổ não mà Quán Thế Âm ban cho anh.

A- LỢI ÍCH NGÂM

1- Bảy Nạn

Nhược hữu trì thị Quán Thế Âm Bồ-tát danh giả, thiết nhập đại hỏa hỏa bất năng thiêu, do thị Bồ-tát oai thần lực cố. Nhược vi đại thủy sở phiêu, xưng kỳ danh hiệu, tức đắc thiên xứ.

Đoạn này là nói về bảy nạn trong phần lợi ích ngâm. Bảy nạn tức là nạn lửa, nạn nước, nạn đao, nạn gió, nạn quỷ, nạn tù, nạn giặc.

Ở đây trước hết nói về nạn lửa và nạn nước.

Chiếu theo văn này mà xem, nếu có người giữ việc trì tụng danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, chẳng kể trong lửa to thế nào, cũng không bị sợ hãi vì lửa thiêu đốt, đây là do sức thần thông oai đức của Bồ-tát. Đây thì rất dễ hiểu rõ. Chữ “trì” trong trì danh là chấp trì, niệm trì, dùng lòng cung kính thành khẩn kiên định ra trì tụng danh hiệu Quán Âm, tức là nghĩa một lòng xưng danh. Do đó chữ “trì” là một chữ hết sức có lực.

Chúng ta nếu muốn khỏi được tất cả tai nạn, ắt phải cần tin tưởng sự tồn tại của Quán Âm, sức oai thần của Quán Âm, công đức linh nghiệm của Quán Âm, không thế thì không dễ được cảm ứng của Bồ-tát.

Bảy nạn này toàn là từ bên ngoài đến, chiêu vờn nó lại là do tâm của chúng ta. Ví như nạn lửa, lại

giống lửa sân trong tâm. Trong kinh Phật Di Giáo nói: “Cái hại của giận dữ, có thể phá các pháp lành, hoại tiếng tăm tốt, đời này đời sau, người không ưa thấy. Nên biết tâm sân rất như lửa mạnh, thường phải phòng hộ, không cho vào được.”

Phiền não sân này ví như lửa lớn mãnh liệt. Nhà lửa ba cõi giống như cũng từ phiền não lòng lẫy mà ra. Lửa sân giận này, không phải ở bên ngoài mà ở trong nội tâm của chính mình. Giận dữ đến lúc tộ hại dẫn đến sự oán hận của đối phương, do oán hận phát ra hành vi, đối với người khác sanh các thứ nguy hại. Điều này theo đạo đức mà xem, đã chẳng phải là một việc tốt, theo tín ngưỡng mà nhìn, càng không cần nói nữa. Do đó cái hại của sân giận, có thể diệt các căn lành.

Lửa sân giận này làm sao nổi lên? Là quen chấp trước tự kỷ, vì mắc vào tự kỷ, từ ngã mạn mà khởi. Có một người nói với Hòa thượng nổi tiếng Bàn Khuê như sau:

- Con có bệnh dễ dàng nổi giận và tánh hung bạo trời sanh, thật là hết cách, xin thầy dùng phương pháp gì giúp con trị cho hết chẳng?

Hòa thượng nói:

- Ủa! Bệnh này thật là rất hiếm hoi, trời sanh đã hung bạo, càng thật thú vị. Lão nạp chưa hề thấy qua bệnh hung bạo này ra sao. Anh đem cái bệnh hung bạo này ra cho lão nạp xem một cái được không?

Lời của Hòa thượng làm người ấy rất lúng túng:

- Hòa thượng! Đó là cái làm không ra, bệnh này làm sao có thể đem ra được?

- Anh xem! Tôi bảo anh đưa ra, anh lại đưa không ra, có thể biết không phải là bệnh trời sanh rồi, mà là do sân giận mà ra!

Câu này làm cho người kia trợn mắt căm miệng, bệnh hung bạo từ đây cũng lành luôn.

Chiếu theo đây mà xem, hung bạo cũng là lửa của chúng ta.

Đoạn văn này có hai nạn, nạn lửa và nạn nước, trì niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, dù vào lửa lớn, lửa không thể đốt; dù bị nước lớn cuốn trôi, xưng danh hiệu Ngài liền được chỗ cạn. Xưa nay cầu khẩn khỏi được nạn lửa, nạn nước, cũng chính là căn cứ vào đoạn văn này.

Chiếu theo điều đã nói ở trên, nước lửa không hạn định là nước lửa có hình dáng có thể thấy, ví như chúng ta chịu sự mắng chửi, làm nhục của người khác, lửa sân giận liền từ trong ngực đốt cháy. Trong tâm một phen phát giận, thì nghĩa lý tình người một chút cũng không ngó tới. Đây chính là lửa vô hình, giả như lại lớn tiếng chửi lại, biểu hiện tướng giận dữ trên nét mặt, đó há không phải là lửa có hình sao?

Cổ nhân nói: “Lửa sân có thể đốt cả rừng công đức.” Người nếu lúc có thể áp chế được lửa sân giận, có tâm thông dong không bức bách và an tĩnh, thì sẽ rõ ràng nghĩa lý nhân tình. Do đó lúc thường có đủ niệm trấn áp sân giận, thì bất kể gặp nghịch cảnh thế nào,

tự mình đều có thể bảo trì lòng dạ thản nhiên bình tĩnh. Đó mới cho là siêu vượt khen chê, đề cao, gièm biếm, đạt đến chỗ Tô Đông Pha nói là tám gió thổi chẳng động. Chúng ta có thể thử nghĩ như vậy, giả sử người ta mắng mình, chúng ta liền nổi dóa, thì tự chính anh đã đứng cùng địa vị với đối phương, trên thực tế đối phương là một vị quân tử mà đến mắng hành vi của mình, đó là chính mình chẳng đúng; nếu đối phương là một kẻ tiểu nhân, anh đã cũng đứng tại địa vị ngang hàng với hắn, đó lại càng không bằng hắn. Do đó lúc quân tử phê bình ta, phải nên phản tỉnh, đây là sai lầm của chúng ta; tiểu nhân phê bình ta, không cần cùng thấy biết như hắn mà đi nhận chân, lửa giận nào cũng không thể nổi lên thiêu đốt. Nhưng, nhân loại cho dù biết đạo lý này, thực tế làm không được như vậy. Ngày thường trong sinh hoạt, tuy việc nhỏ tí ti, bị người ta nói chút gì, tâm cũng phát sùng không tự chủ được, lửa sân nộ nổi lên, vật gì mà tâm yêu thích cũng có thể hủy hoại nó, thực tại mà nói, tâm của nhân loại chính là giống như nhà lửa trong ba cõi.

Trong lòng người vì có lửa mạnh của dục vọng này, có lúc không thể như mong mỏi của chính mình, lửa phần nộ bèn cháy lên. Không thể như ý, đây vốn là thường tình của thế giới Ta-bà, nếu muốn dứt diệt hang lửa trong tâm này, chỉ có thể dùng nước trí tuệ tưới rớt.

Thế gian là chỗ không thể vừa lòng, cái có thể như ý chỉ có tâm của chúng ta. Tâm của chúng ta tuy

là cái như ý, nhưng nhân có lúc xử lý không khéo, mà cái không như ý lại nổi lên. Do không thể như ý, do đó bèn khổ não phiền muộn. Đến tìm xét nguyên nhân của nó, là nhân vì không tu được trí tuệ chân chánh. Trí tuệ không đủ, đối với cách nhìn sự vật, thường thường nhìn thành hai cái trở lên, định muốn làm kiểu này, lại nghĩ muốn kiểu khác. Thế rồi che đậy mất ánh sáng trí tuệ của nội tâm, mà sanh đủ thứ mê hoặc, phiền muộn, khổ não.

Vạn tượng trong vũ trụ tuy có sai biệt, nhưng cội nguồn của nó là một. Như đem cái tâm xưa nay thông dong an tĩnh khôi phục lại đến mình người tuyệt đối bình đẳng, thì sanh tử, khổ vui, khoái và không khoái ý... cố nhiên đều không thể khiến chúng ta động tâm, thì tất cả hiện tượng sai biệt của vũ trụ cũng đều không đủ mê hoặc chúng ta. Quả nhiên như thế đã tu được đại trí tuệ. Từ trí tuệ này thì không những có đủ tâm đại dũng mãnh chịu đựng tất cả khen chê, đề cao, biếm gièm mà tâm bình đẳng đại từ đại bi lợi ích tất cả cũng nổi lên.

Do tâm từ bi này vận dụng trí tuệ, thì có thể dũng mãnh phát huy mà biểu hiện ở hành vi.

Bồ-tát Quán Âm chẳng những là đáng đại bi quyền hóa thị hiện, mà còn dùng đại từ bi vận dụng đại trí tuệ và đại dũng mãnh đến giải cứu chúng sanh. Lúc nếu có thể lấy tâm của Bồ-tát này làm tâm của chúng ta thì sức oai thần của Ngài chính là nhờ oai lực dũng mãnh không thể nghĩ bàn đại từ bi cứu độ chúng sanh của Bồ-tát này mà đạt đến cảnh tuy vào

lửa lớn cũng không có thể cháy. Cổ nhân nói: “Diệt hết niệm trong tâm, lửa đốt cũng mát mẻ”. Đó là hình dung cảnh giới này.

Lửa sân giận đáng sợ như trước đã nói qua. Ngay lúc lửa sân này sắp muốn đốt cháy thân tâm chúng ta, chúng ta nếu như một lòng xưng danh, lấy công đức xưng danh này, bèn hay trừ khỏi nạn lửa, đây cũng không phải là do sức oai thần của Bồ-tát sao?

“Sức oai thần” là sức từ bi, sức trí tuệ, sức dũng mãnh. Trong đó từ bi, có thể gọi là nước bi, đó là dùng nước tử dụ từ bi của Bồ-tát.

Lúc lửa sân giận trong lòng bốc lên ngàn ngọn, nếu như một lòng xưng danh, sức oai thần của Quán Âm, bèn thành nước bi, đến tiêu diệt lửa sân giận của anh.

Nhược vi đại thủy sở phiêu, xưng kỳ danh hiệu, tức đắc thiên xứ.

Đây là nạn nước thứ hai trong bảy nạn. Chúng sanh nếu bị trôi dạt trong đại hồng thủy, lúc sắp bị khổ chết chìm, như có thể một lòng xưng danh, bèn có thể đến được chỗ cạn mà được cứu. Đại hồng thủy, không chỉ giới hạn trong sông, cũng có thể xem là trôi trên biển lớn.

Đại hồng thủy này, vẫn có thể khảo sát trên tinh thần. Chúng ta là trôi dạt trong biển lớn sanh tử, tham sống sợ chết là thường tình của người. Nhất là bị giam trong nước ái dục, mà nước ái dục này, rất dễ đưa người vào đường mê. Trên thế giới này, có nhiều

thứ ái dục đang dụ hoặc chúng ta, nhân thế mà không biết bao nhiêu người chiêu lấy thân bại danh liệt.

Kinh Tứ Thập Nhị Chương nói:

Người ôm lòng ái dục không thấy đạo, ví như nước lặng mà lấy tay quậy, mọi người cùng đến không ai thấy được bóng mình; người do ái dục đắp đổi, trong tâm vấy đục nên không thấy đạo.

Hành giả các ông, nên bỏ ái dục, cấu bẩn ái dục hết sạch, đạo mới có thể thấy!

Khiến người ngu tộ là ái và dục.

Vì nhân gian còn ái dục, do đó xưa qua nay lại, có vô số người vì dây lằm vào đường mê, có vô số người vì dây không thể tiến lên, thậm chí có người hủy diệt cả nhà và thân mình. Nhưng, ái dục này làm sao nổi lên? Chúng ta biết, sân giận do ở không vui mà nổi lên, nói ngược lại, ái dục là từ hoan hỷ mà khởi. Như vì tâm ái luyến yêu người tình, mà đối người khác làm ra sự tình không kể nghĩa lý, thậm chí ý kiến của cha mẹ, lời khuyên can của bạn bè đều thẳng chân gạt ra. Trên xã hội rất nhiều thanh niên nam nữ, vì dây mà không nhìn đến sự nghiệp, chẳng kể tiền đồ, giống như trầm luân trong ái dục đáng sợ này chính là căn bản của thân bại danh liệt. Những người chìm đắm trong vũng xoáy ái dục, phần nhiều là từ ngã ái kiên cường mà ra. Như đem ngã ái chuyển sơ sơ cho mong mỏng một chút, giống như lòng đại bi “Chỉ mong chúng sanh được lìa khổ, không vì tự mình cầu an lạc” của Quán Âm, thì tự nhiên sẽ không có sự tình nhân

tình dục của chính mình mà làm bất lợi cho người khác xảy ra.

Tuy lời thì nói như thế, nhưng chúng ta rốt cuộc cơ hồ đều phiêu lưu trong biển lớn ái dục, đã từng suýt nữa chìm lìm, nhưng chúng ta vẫn giữ chặt ngã chấp, ngã kiến, không biết tự giác, chẳng biết quay đầu, thật là đáng than thở!

Như tại lúc này, định khởi tâm bình đẳng đại từ bi của Quán Thế Âm Bồ-tát, bỏ ngay tâm tham ái đây kia, thì tâm quang của chúng ta ví như gương sáng. Thế thì có thể đạt đến đại trí tuệ ánh hiện muôn vật mà không dính mắc muôn vật, cũng lại có tâm đại dũng mãnh đoạn trừ hết ái trước. Chiếu đạo lý không còn có sai biệt giữa ái và chẳng ái; tất cả đều là bình đẳng, không có quan niệm đẹp xấu, không có khu biệt yêu ghét, lại còn có thể đoạn trừ một niệm tham ái là căn bản vô minh. Như thế, vốn là trầm luân trong biển lớn ái dục, sinh mạng trôi dạt giữa sóng gió cuồng nộ, cũng bèn có thể dần dần nổi đến chỗ cạn.

Từ biển lớn ái dục này mà trôi nổi đến chỗ cạn, trừ công đức một lòng xưng niệm Quán Âm, thì rất không dễ dàng tìm ra phương pháp nào khác đến cứu giúp.

Nhược hữu bách thiên vạn ức chúng sanh, vị cầu kim ngân, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, trân châu đẳng bảo, nhập ư đại hải, giả sử hắc phong xuy kỳ thuyền phưởng, phiêu đọa La-sát quỷ quốc, kỳ trung nhược hữu nữ chí nhất nhân, xưng Quán Thế Âm Bồ-tát danh giả, thị chư nhân đẳng,

giai đắc giải thoát La-sát chi nạn, dĩ thị nhân duyên, danh Quán Thế Âm.

Đoạn văn này là nạn gió thứ ba, còn gọi là nạn La-sát. Ở đây nói biển lớn, là chúng sanh vì tìm tòi vật báu mà đi qua biển lớn có nhiều châu báu dồn đống. Biển lớn này chính là biển lớn mà Phật nói. Số mục của báu này có vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, chân châu... Của báu này đều là vật quý hiếm có ở đời.

Như lấy xa cừ trong đó mà nói, xa cừ gọi là đá báu, hình trạng của nó giống như răng xe, tính chất hết sức kiên cố, màu sắc rất rực rỡ, giống như chân châu, là đủ loại sản sanh. Nhưng đây là nói đá báu có hình, mà trên thực tế là chỉ cho thánh tài trên tinh thần.

1- Tín tài:

Đại Trí Độ Luận nói: Biển lớn Phật pháp, chỉ tin mới vào được. Kinh Hoa Nghiêm nói: Tin là nguồn của đạo, là mẹ các công đức. Người học đạo nếu như không có lòng tin thành khẩn, thì chắc không thể qua được biển lớn Phật pháp. Phản diện của tin là nghi, như tâm nghi sanh, thì phiền muộn áo não, mê mất đại đạo nên làm. Cuối cùng chẳng hành đúng chánh đạo, chỗ nói mất đi hào ly, sai đi ngàn dặm. Vì sai một đường tơ, là đạp vào đường mê. Do đó một niệm tín tâm thành khẩn còn gì quý hơn. Giả sử trong tâm tình nghi, không những không thể khởi tin, ngược lại còn sanh tà niệm. Một khi như thế, lòng tin thành khẩn ngày xưa được bao nhiêu hiệu quả, đến lúc này

đều mất cả. Chỉ có tín mới là thủ đoạn trừ bỏ nghi mê. Do đó cần nên dùng tâm kim cương bất hoại mà tin nhau.

2- Tấn tài:

Nói kỹ càng, nên gọi là tinh tấn. Tinh tấn nghĩa là tinh cần tiến thủ, tức là nói nỗ lực tinh cần chạy trên đường chánh đạo. Nếu như không rõ ràng nghĩa này, thì có tôn giáo tốt cũng sẽ không có sở đắc. Tục ngôn nói rất hay: “Chảy một giọt mồ hôi, có một phần thu hoạch”. Không có tinh tấn, quyết không thể đạt được pháp vị chân thật.

3- Giới tài:

Giới là nghĩa “phòng phi chỉ ác” (ngăn trái dùng ác), giữ kỹ lời dạy của Phật, một chút không thể hủy phạm, cử chỉ ngay ngắn, tuân thủ tất cả quy luật thế gian và xuất thế gian, tức là giới tài. Nếu như không nương quy luật thì thành phóng túng, phóng túng tự nhiên đọa lạc, tự nhiên có hành vi bất chánh, do đó giới là quy tắc quý báu tất yếu của tất cả sinh hoạt chánh đáng.

4- Văn tài:

Nghe là công phu bước đầu của biết, người nếu chẳng cầu biết, chẳng chịu dạy dỗ, thì ngang hàng với cầm thú. Nghe kinh, mới có thể biết lý vào đạo, cần biết trên thế gian không có người nào không nghe kinh mà vào đạo. Nhưng, lúc nghe kinh, lại không thể không rỗng lòng, rỗng lòng là rỗng mình để tiếp nhận người khác. Đây là điều kiện ắt đủ để nghe kinh tiến

đạo. Nghe kinh rồi, ắt phải cần như lý thực hành thực tiễn, mới có thể được thọ dụng chân lý. Chỗ này tức chỉ cho ba huệ do nghe mà suy nghĩ, do suy nghĩ mà tu.

5- Xả tài:

Trong Phật giáo, lúc thực hành từ bi, lấy xả làm trọng yếu nhất. Ngược với xả là thủ, thủ là nắm giữ cứng chắc. Nếu như lúc chúng ta thí xả, có tâm hy vọng được đền đáp, đó tức là thủ, không phải xả. Chúng ta lúc thí xả, cần như ánh nóng mặt trời, chiếu dọi không điều kiện xuống muôn vật trên mặt đất, không như thế thì không làm. Do đó Bồ-tát ắt cần phải đủ bốn tâm vô lượng. Từ hay ban vui là Từ vô lượng. Bi hay cứu khổ là Bi vô lượng. Lúc hành từ bi nhất định phải biết đây không phải là người khác bảo ta làm, cũng không phải người khác ép uống ta làm, mà là ta hoan hỷ làm như thế, đây là Hỷ vô lượng. Nếu như mang tâm trạng không vừa lòng hoặc không vui đi ban vui cứu khổ, đó không gọi là từ bi. Lúc từ bi hoan hỷ thí xả, không có tâm yêu cầu báo đáp, đây gọi là Xả vô lượng.

6- Huệ tài:

Huệ tài là sự vận dụng trí tuệ, cũng gọi là định tuệ tài. Định tuệ tức là chỉ quán. Định thì nhiếp tâm không tán loạn, dừng các vọng niệm. Tuệ thì chiếu rõ các pháp, phá các tà kiến. Trí tuệ giống như con mắt lúc đi đường, con mắt này nếu như mê muội thì đi đâu cũng không rõ ràng. Do đó trong Đại Trí Độ Luận, nói

về tu hành Phật pháp từng có chỉ dạy rằng: “Mất trí chân hành”, có trí mà không có hành là người què; có hành mà không có trí là người mù. Chẳng kể là què hay mù, đều không thể đi đường. Nếu như người mù công người què thì mất trí thêm chân hành mới có thể giúp nhau tiến tới. Giống như có tấn tài, giới tài, xả tài mà không có con mắt trí tuệ này, cũng không thể tiến tới được.

7. Tàm tài:

Tàm tài là tàm quý, hổ thẹn. Tập Luận giải thích “Tàm, đối với các lỗi xấu, tự xấu hổ; quý, đối với các lỗi xấu, hổ thẹn với người.” Không có lòng hổ thẹn, thì không thể nhập đạo. Trong kinh Phật Di Giáo nói: “Y phục hổ thẹn là chiếc áo khoác ngoài đẹp nhất”. Không có cái gì tốt đẹp hơn tâm biết hổ thẹn. Tâm này khởi lên, thật là đáng mừng. Nếu tâm hổ thẹn khởi lên thì tâm cung kính, lễ phép cũng khởi lên, mà lòng tin cũng theo đó mà khởi lên nữa. Làm một con người nếu như không khởi tâm hổ thẹn, đó thật là đáng thương. Tâm hổ thẹn mới là Phật tánh, nhân có tâm này rồi, mới có thể có đủ trí tuệ, tín ngưỡng, đạo đức thực tiễn thiết thực.

Bảy loại trên gọi là bảy tài sản bậc Thánh. Giáo pháp này y theo các kinh, có nhiều lối giải thích không đồng. Lúc anh muốn đạt được bảy Thánh tài này, tiến vào Phật đạo tu hành, nếu như chợt có một trận hắc phong thổi đến, tức là gió mê của vô minh phiền não, hoặc là gốc ác của tất cả ma chướng. Anh nếu không có tâm kiên định chẳng dời, như thế anh

sẽ nói: “Tôi thật ngu ngốc! Mắc lừa rồi!” “Học Phật dùng được gì?” “Tính ra tu hành như vậy cũng dùng chẳng nhằm nhò”. Đối với lòng tin nảy ra hoài nghi, đối với tinh tấn sanh ra biếng lười, đối với giới luật bèn hủy phạm, làm bậy làm càn, đều sẽ theo dây mà dấy. Cái cần bỏ thì nắm giữ, cần trí tuệ lại ngu si, cần hổ thẹn lại chẳng có chút xấu hổ, đem tâm có thể tiến vào đạo lớn, lại hướng vào chỗ sóng mồi đáng kinh hãi, trôi dạt vào nước quỷ La-sát.

Quỷ La-sát là tiếng Phạn, đây nói “Thực nhân quỷ” tức là quỷ ăn thịt người.

Thuyền phưởng: Phưởng là hai thuyền hợp lại mà đi. Thông thường đều gọi là thuyền. Đây là đem sắc và tâm hợp lại làm một, lấy dây dụ cho thân thể con người. Hiện tại thuyền này bị cuồng phong thổi nghiêng ngã, giống như kiểu cực kỳ nguy hiểm. Đây là gió mê vô minh phiền não, ở trong tâm dấy lên sóng mồi ba độc tham, sân, si. Đây tức là tâm của ác quỷ La-sát. Nếu như trong lúc này có một người sanh tâm niệm “Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát” và “Bình đẳng đại bi” thì cuồng phong vô minh phiền não kia sẽ dừng lại, sóng mồi ba độc tham sân si sẽ bình tĩnh mà được giải thoát khỏi khổ nạn này. Sở dĩ nói: *Do nhân duyên này được gọi là Quán Thế Âm*.

Nhược đắc hữu nhân, lâm đương bị hại, xưng Quán Thế Âm danh giả, bĩ sở chấp đao trượng, tầm đoạn đoạn hoại, nhi đắc giải thoát.

Đây là nạn đao thứ tư.

Nếu người đến lúc gặp phải sự thương hại hoặc sát hại, có thể xưng niệm Thánh hiệu của Quán Âm, thì dao hoặc gậy kia sẽ bị bẻ gãy từng đoạn từng đoạn, đã không thể đánh lại không thể giết. Dao gậy này cũng quyết không phải là dao gậy có hình tướng, mà là chỉ tâm kiêu mạn sân giận. Kiêu là tự cao tự đại, mạn là cậy mình lấn người. Khen chính mình, chê người khác. Đối với người hơn mình, không tự chủ được sanh tâm đố kỵ, đây là dao. Sân là mất giận, nhuế là tâm giận, cái tâm phẫn nộ này chính là gậy đánh người. Nếu như người ta đem tâm này đến bức bách ta, mà ta lại dùng tâm từ bi đáp trả lại họ, thì dao gậy của họ tự nhiên đều gãy nát, không còn tác dụng gì nữa.

Do đó Phật nói: “Tuy lấy một người có thể thắng ngàn kẻ địch, không bằng trước khi chưa thắng mà nhẫn nhục”. Lại nói: “Nếu dùng tranh đấu dùng tranh đấu, trọn chẳng thể dùng, chỉ có nhẫn được mới có thể dùng.”

Ở vùng Giang Đô thuộc Giang Tô có một bà họ Vương, lúc trẻ ăn chay học Phật, tin thờ Bồ-tát Quán Thế Âm hết sức thành khẩn. Năm 18 tuổi làm vợ Lưu Văn Tảo, sanh ba trai một gái. Sau Văn Tảo chết, bà một mình nuôi con thành người, cưới vợ họ Hoắc cho trưởng nam. Họ Hoắc từ khi về nhà chồng, khí thế lấn người, kiêu hãnh ngạo mạn, thường xem dưới mắt không có bậc tôn trưởng, khinh lờn bà Vương. Bà Vương lấy tâm từ bi của Quán Âm làm tâm mình, không hề để ý. Ngược lại nhỏ nhẹ khen ngợi, thậm chí

đề cao. Một hôm, hàng xóm thấy tức mình bảo bà Vương:

- Con dâu bà vì sao đối với bà chẳng chút hiếu kính?

- Dâu con nhà tôi rất là hiền lương, nó đối với tôi chẳng có chỗ nào mà không hiếu kính.

Họ Hoắc ở ngoài phòng nghe lén được lời của bà Vương, rất hổ thẹn, vô cùng áo nã! Từ đây, cái tâm như dao kiếm của cô, bị phương thuốc hay nhu nhuyễn hẳn nhện nầy của bà Vương bẻ gãy.

Cái nhện này từ đâu sanh? Là từ một niệm tâm đại bi bình đẳng mà nổi lên. Trong kinh Pháp Hoa có vị Bồ-tát Thường Bất Khinh, lúc gặp người, Ngài nhất định phải nói: “Tôi không dám khinh các Ngài, các Ngài đều sẽ thành Phật” Anh nếu như trách mắng Ngài thế nào, Ngài cũng sẽ nói với anh: “Tôi không dám khinh các Ngài.”

Có lúc, người ta hoặc lấy gậy cây ngói đá ném đánh, Ngài lại lớn tiếng nói: “Tôi không dám khinh các Ngài, các Ngài đều sẽ thành Phật”. Vì Ngài thường nói như thế, do đó mọi người đều gọi Ngài là “Thường Bất Khinh”.

Câu “Mọi người đều sẽ thành Phật” này, là sự tôn trọng nhân cách của người khác. Có thể tôn trọng nhân cách của người khác, tự nhiên sẽ không sanh tâm kiêu mạn sân giận người khác. Nên biết vị Bồ-tát này chính là Phật Thích-ca Mâu-ni, Ngài lấy đây cảnh giác tất cả chúng sanh.

Tâm từ bình đẳng chính là tâm Quan Âm, nếu như có loại tâm này, người khác làm sao có thể dùng dao gậy? Vì tâm đại bi bình đẳng này, bằng lòng đem tất cả của mình, thậm chí sanh mạng bố thí cho tất cả chúng sanh. Cái khổ sanh tử, trong con mắt của Ngài, tự nhiên không có gì đáng nói.

“Đại bi bình đẳng” là đạo của chúng ta hành, chỉ có đạo này mới là chánh đạo vĩnh viễn. Vì mang cái đạo này, chúng ta phải nên rất hoan hỷ đem sinh mạng cống hiến cho nó.

Hay thể hội đại đạo vĩnh viễn này là đại trí tuệ, từ đại trí tuệ bùng ra đại từ bi, cho đến từ đại từ bi, tâm đại dũng mãnh cũng khởi mạnh.

Có đại trí tuệ, tức có thể thông đạt đạo lý thật tướng của các pháp. Nếu như có thể thông đạt đạo lý thật tướng của các pháp thì sanh tử như đồng sóng mòi trong biển lớn vọt tới vọt lui, là GIẢ ĐỂ tất cả nhân duyên hòa hợp. Sóng mòi trong biển lớn tuy vọt tới vọt lui, nhưng nước biển lớn, một giọt không có tăng thêm, một giọt cũng không giảm bớt; mà sóng không rời nước, nước không rời sóng. Thật rất giống thân này giác ngộ đến sanh tử luân hồi, ngay nơi thể chứng được Niết-bàn không sanh không diệt, lại không lao tâm về tất yếu của sanh tử, trong lòng sẽ thư thái. Đây là do không có niệm khác mà được, không có tâm kiêu mạn mà được.

Nhược tam thiên đại thiên quốc độ, mãn trung Dạ-xoa La-sát, dục lai nã nhân, văn kỳ xưng Quán Thế Âm Bồ-tát

đanh giả, thị chư ác quỷ thượng bất năng dĩ ác nhãn thị chi, huống phục gia hại?

Đây là nạn quỷ thứ năm trong bảy nạn. *Tam thiên đại thiên quốc độ* nghĩa là vũ trụ. Một cái có mặt trời mặt trăng chiếu là một tiểu thế giới, tập hợp 1000 Tiểu thế giới là một Tiểu thiên thế giới. Tập hợp 1000 Tiểu thiên thế giới là một Trung thiên thế giới. Tập hợp 1000 Trung thiên thế giới là một Đại thiên thế giới, gọi chung Đại thiên thế giới, Trung thiên thế giới, Tiểu thiên thế giới này là 3000 đại thiên thế giới. Dem cái này định là quốc độ giáo hóa của một đức Phật. Lìa cõi Phật này ở giữa cách 10 vạn ức cõi Phật là thế giới Cực Lạc ở phương Tây, cõi Phật của Phật A-di-đà. Mười vạn ức cõi Phật này, vốn nên gọi là vô lượng vô biên, nhưng nhân cụ thể hóa quan niệm trừu tượng, do đó gọi là mười vạn ức cõi Phật. Chỗ này nói khu vực giáo hóa của một vị Phật là ba ngàn đại thiên thế giới, đây cũng là cụ thể hóa quan niệm trừu tượng, không cần phải câu nệ số mục nhất định.

Dạ-xoa là tiếng Phạn, nghĩa là mau lẹ. *La-sát* cũng là tiếng Phạn, nghĩa là đáng sợ. Hai loại này cùng là một loại quỷ thần. Trong một chớp mắt, có thể bay mấy ngàn vạn dặm.

Dạ-xoa, *La-sát* đều là ác quỷ. Nếu theo ý nghĩa hại đời, hại người, trên thế giới chúng ta đây đầy đầy *Dạ-xoa*, *La-sát*. *Dạ-xoa*, *La-sát* này là nói cái gì? Tức là tất cả những dụ hoặc. Sắc đẹp, quyền lực, danh vị... Tất cả tất cả đều là *Dạ-xoa*, *La-sát* dụ hoặc chúng ta, thật tình không đếm nổi.

Sự dụ hoặc giống Dạ-xoa, La-sát lại từ đâu phát sinh. Truy xét kết quả vẫn là từ phiền não vọng tưởng của chúng ta mà ra. Phiền não tuy nói là tám muôn bốn ngàn, trên thực tế cũng chẳng phải số mục này mà thôi.

Chúng ta nếu đem tám vạn bốn ngàn phiền não coi như giặc cướp, thì Dạ-xoa, La-sát đáng làm đại tướng trong trăm vạn quân giặc cướp; cũng chính là chỉ ba độc tham, sân, si. Mà thống soái tối cao trong trăm vạn quân thổ phỉ này, chính là một niệm ngã chấp. Vì đã có niệm Dạ-xoa, La-sát này, mới có lúc xâm nhập rồi đắc ý dương dương tự cho là đúng. Giặc cướp thật là thứ đáng sợ. Nếu có thể trừ đi một niệm ngã chấp, tiến vào cảnh giới vô ngã, thì bất cứ cái gì cũng chẳng cần sợ hãi. Nhưng vì lực lượng của chúng ta, cầm bắt không nổi thống soái ngã chấp trong quân giặc cướp, do đó tám muôn bốn ngàn quỷ phiền não giặc cướp đều đến nhiều hại chúng ta. Vì chúng ta có mê vọng, do đó bị quấy nhiễu đến không thể nhất tâm được.

Trong kinh Siêu Nhật Nguyệt Tam Muội nói: “Ma có bốn loại: 1- Thân ma. 2- Dục trần ma. 3- Tử ma. 4- Thiên ma.”

Ví như hai cây dùi vào nhau, thì có thể sanh lửa, trở lại đốt cây. Lửa chẳng từ nước mà ra, chẳng từ gió mà ra, chẳng từ đất mà ra, bốn ma cũng vậy, đều từ tâm sanh, chẳng từ ngoài đến. Ví như họa sĩ vẽ tranh, nhân duyên hòa hợp, tùy tay nên việc, tuy có màu, có bảng, có bút, nhưng họa sĩ không vẽ, thì không thể

thành hình. Trăm ma cũng như thế. Tâm mình vững chắc, không nổi lên thì không bốn ma.

Trong kinh Siêu Nhật Nguyệt Tam-muội nói về bốn ma, chẳng qua là đem ác quỷ La-sát đây đây trong trời đất chia làm bốn loại. Bốn loại này tuy nói là ma vương, chỉ cần tâm vững chắc được thì ma vương liền không thể sanh. Muốn làm vững chắc tâm này, không ngoài việc đem một niệm an trụ ở từ bi bình đẳng, không ngoài việc ủy nhiệm cho trí tuệ có thể thông đạt thật tướng các pháp, chẳng chấp cứng ngã giả do nhân duyên hòa hợp là thật có nữa. Nếu như người có thể dùng ý nghĩa này nhất tâm niệm danh hiệu Quan Âm thì các ác quỷ không thể dùng mắt ác để nhìn, làm sao lại có thể gia độc hại?

Thiết phục hữu nhân, nhược hữu tội, nhược vô tội, nữ giới già tảo kiểm hệ kỳ thân, xưng niệm Quan Thế Âm Bồ-tát danh giả, giai tất đoạn hoại, tức đắc giải thoát.

Đây là **nạn tù** thứ sáu trong bảy nạn,

Nữ giới già tảo, nữ là xích tay, giới là cùm chân, già là gông đầu, tảo là xiềng trói chân. Kiểm là đóng gói, hệ là trói buộc. Nghĩa là gông cùm xiềng xích trói cứng thân thể, câu thúc tự do của người.

Đoạn văn này nói bất kể anh có tội bị trói hay vô tội bị trói, do sức niệm Thánh hiệu Quan Âm của anh, gông cùm xiềng xích đều bị đứt rời. Theo phương diện sự mà giải thích, cùng với chỗ nói lợi ích ngầm của Quan Âm đối với sáu nạn khác giống nhau. Nhưng, từ phương diện lý mà nói thì người nào trói anh? Cái

gông cùm xiềng xích này chẳng ngoài chính mình trói buộc chính mình mà thôi.

Chính mình biết được có tội, vì tội này mà chính mình cảm thấy khổ sâu phiền não, không đến được chỗ tự do. Hoặc là chính mình không làm việc gì xấu, mà vẫn có cái đau khổ như vậy đến bức bách ta, nhân đây oán trời trách người, nổi khổ trách móc người khác này, không phải giam mình ở chỗ tự buộc tự trói sao?

Ngoài ra lại có cái cùm danh dự, cái gông lợi ích, cái xiềng ân ái, cái xích ngã chấp. Tất cả cái này đều đang trói buộc chúng ta. Như hy vọng có danh dự tốt mà không đến được; muốn được lợi ích lại không như nguyện; vì ân ái mà dùng dằng, vì ngã chấp mà bị tù. Giống kiểu này còn có người có tâm lo lắng như tội nhân. Ngay dù ông ta có mục đích tốt bao nhiêu, chẳng kể ông ta có tài sản bao nhiêu, địa vị cao nhiều, danh dự tốt nhiều, ông ta cũng không thể hiểu được lạc thú đời người.

Người xưa có một câu: “Không cần danh, không cần tiền, không cần mạng, không phải như thế không thể làm nên việc lớn.” Người mà danh lợi, kim tiền, sinh mạng đều không cần rất là ít! Phần đông, vì kim tiền mà trói buộc thân thể, vì danh dự mà thiếu kém nghĩa lý, bỏ tình người; vì tiếc mạng kết quả biến thành một người khiếm nhược. Những người này đều là tự trói tự buộc, kiếm cách nào cũng không ra. Đây đều là do lúc thường không thể làm chính đáng sự công ngay, rõ tà chánh, chẳng giữ một chút tâm công bình

đưa đến nỗi này.

Nhưng, nếu chúng ta có thể trụ trong tâm Bồ-tát Quán Thế Âm, chặt đứt khóa ngã chấp, dùng một tâm nhìn bình đẳng, thì sẽ biết: danh lợi, vốn là giả danh của nhân duyên hòa hợp; sanh tử, vốn là hiện tượng biến hóa. Nếu như bị ánh sáng trí tuệ này của ta chiếu đến, thì trói buộc tự nhiên giải thoát, tự nhiên có thể được tự do tự tại, không ai đến trói buộc ta, cái trói buộc ta không gì ngoài chính mình.

Cho dù thật bị trói buộc, mà có tâm của vị Bồ-tát Quán Âm này, cũng không chỗ nào chẳng tự do.

Thiền sư Trí Giác đời Đường, lúc chưa xuất gia, từng làm Thái thú, nhưng lúc ông làm Thái thú, gặp đói kém, ông lấy gạo trong kho lương thực ra cứu giúp dân chúng bị nạn đói. Bất kể anh là Thái thú một châu, nếu như không tuân theo mệnh lệnh của chánh phủ trung ương, tự mình mặc tình mở kho quan, là mắc tội rất lớn. Nhân đây ông cứu cùng mang tội bị trói. Thánh chỉ đưa xuống, bắt ông giải đến Kinh đô, để tiện danh chính điển hình.

Nhưng, thiền sư đã dự đoán được làm như thế mình sẽ mất mạng, do đó chẳng chút sợ hãi, cam lòng chấp nhận gánh vác. Vua Đường sớm biết Thiền sư vì người, nghe được việc này cũng nghĩ trong đây nhất định có ẩn tình gì, bèn sai thuộc hạ, xem Thiền sư có cử chỉ lời nói khác thường gì, phải tâu cho vua hay.

Đến ngày xử tội, Thiền sư được đem từ lao ngục ra, đến lúc gươm đao chặt đầu, thiền sư không đổi sắc

mặt, ngược lại thần nhiên nói: “Đem một mạng này, bố thí chúng sanh”.

Quan sứ thấy tình hình này, lập tức thu đao, đem việc này báo vua. Không lâu, thánh chỉ truyền xuống, muốn tra vấn kỹ lại. Thiên sư cũng chiếu theo sự thật mà trả lời.

Hành vi này của Thiên sư là hành vi từ bi, hoàn toàn từ lòng đại bi phát ra, một chút tì vết cũng không có. Tình nguyện hy sinh mạng mình để cứu chúng sanh đói khát, hành vi này đúng là rất vĩ đại! Nhưng pháp luật quốc gia, cũng không thể theo tình, do đó bèn tha tội chết mà khiến ông xuất gia. Sau ông là thiên sư Trí Giác.

Thiên sư thật có thể nói là quyền hóa của Quán Âm, do đây có thể thấy, lòng đại bi có thể trừ được trói buộc hữu hình, theo đây mà liệt kê từ xưa đến nay chẳng biết bao nhiêu mà kể!

Nhược tam thiên đại thiên quốc độ, mãn trung oán tặc, hữu nhất thương chủ, tương chư thương nhân, tê trì trọng bảo kinh quá hiểm lộ, kỳ trung nhất nhân, tác thị xướng ngôn: “Chư thiện nam tử, vật đắc khủng bố, nhữ đẳng ưng đương nhất tâm xưng Quán Thế Âm Bồ-tát danh hiệu, thị Bồ-tát năng dĩ vô úy thí ư chúng sanh; nhữ đẳng nhược xưng danh giả, ư thử oán tặc, đương đắc giải thoát!” Chúng thương nhân văn, câu phát thanh ngôn: “Nam mô Quán Thế Âm Bồ-tát!” xưng kỳ danh cố, tức đắc giải thoát.

Đây là **nạn giặc** sau cùng trong bảy nạn.

Ba ngàn đại thiên thế giới tương đồng với vũ trụ

đã nói ở trước, ba ngàn đại thiên thế giới trong một tâm ta, trong một tâm lại đây đây oán tặc.

Vương Dương Minh nói: “Phá giặc trong núi dễ, bắt giặc trong tâm khó.” Giặc trong tâm thân thông quảng đại, biến hóa tự tại, có thể lên trời, có thể vào đất, muốn vây bắt cũng không dễ dàng vây bắt. Bất kể người nào muốn bắt giặc trong tâm, nếu như bắt giặc trong tâm như thế, người ấy có thể nói đại trượng phu. Nhưng, nếu anh thật tình muốn bắt giặc trộm ăn cắp đồ, anh cần phải biết cái nguy hiểm đến sinh mạng, vì anh bắt nó, nó nhất định liều mạng chống cự anh. Bắt giặc trộm bên ngoài, còn khó khăn như thế. Bắt giặc trong tâm vô hình so với nó còn tệ hại hơn, có thể biết càng không dễ dàng. Nhưng nếu thể hội được tâm từ bi bình đẳng của Quán Âm thì giặc này cũng dễ bắt.

Quá khứ có thượng nhân Không Dã, lúc đi đường gặp cướp. Thượng nhân trông thấy, thương xót rơi lệ, giặc cướp thấy thế cười nhạo Ngài:

- Thật là một người xuất gia chả có đạo hạnh!

Thượng nhân Không Dã đáp:

- Không! Lão tăng chẳng phải vì tiếc của mà buồn, ta nghĩ đến các ông có thân thể khỏe mạnh hơn người bình thường, trên thế gian có thể làm được rất nhiều việc, chẳng biết đã tạo nhân ác gì mà bây giờ lại làm kẻ cướp, thêm nặng tội nghiệp của mình. Ta nghĩ đến các ông tương lai phải chịu báo ứng đáng sợ, do đó bất giác rơi lệ.

Thượng nhân Không Dã nói xong, nước mắt lại rơi lã chã, lòng bi thương này cuối cùng làm cảm động bọn cướp, về sau chúng đều lễ thượng nhân Không Dã làm thầy, chịu làm đệ tử của Ngài.

Lại có hòa thượng Hằng Thuận cũng có một câu chuyện giống như thế. Một hôm có ăn trộm lên vào chỗ Ngài ở.

- Đưa tiền đây!

Tên cướp vừa nói vừa vung dao. Hòa thượng chẳng thềm để mắt tới, nói:

Được, được!

Hòa thượng nói xong vét hết tiền đưa cho hắn, tên cướp đút tiền vào bụng, định lên ra ngoài. Hòa thượng chột kêu:

- Đợi một chút!

Tên cướp dừng chân.

- Người đòi người ta đồ vật, không cảm ơn một tiếng mà chạy, có đạo lý như thế sao? Tiền này ta định cúng Phật, chỉ cần người cảm ơn Phật một tiếng là được rồi!

- Cảm ơn!

Tên cướp nói xong bèn đi. Không bao lâu, hắn phạm án ở nơi khác và bị bắt. Hắn khai có lấy trộm tiền của Hòa thượng. Cảnh sát mang hắn đến gặp Hòa thượng. Hòa thượng trông thấy vội nói:

- Không sai, đêm mồng mấy tháng mấy có một người đàn ông vào đây xin tiền tôi và tôi đã cho hắn

tiền. Cái này không phải hấn ăn trộm mà là tôi bằng lòng cho. Điều này có chứng cứ gì ư? Nhớ lúc hấn đi ra, hấn có cảm ơn rồi mới đi.

Cảnh sát nghe xong nói:

- Ý Hòa thượng muốn cứu hấn, nhưng hấn ăn trộm rất nhiều lần ở chỗ khác mắc tội rất lớn, không thể để hấn trốn thoát.

Hòa thượng nghe cảnh sát nói xong, chạy đến nắm tay tên cướp, khóc nói:

- Ta vốn là người rất nghèo, đã đem tiền cho anh, thậm chí bảo anh cảm ơn Phật, đầu dè lòng thành của ta chẳng đủ, chẳng thể cảm động anh, khiến anh đến chỗ khác ăn trộm.

Tên cướp này nghe rồi không nói một lời, hổ thẹn đầy mặt. Ở trong lao tù, tên trộm vẫn không quên lời Hòa thượng, sau khi ra tù, hấn tìm đến Hòa thượng sám hối, từ đây cải tà quy chánh, nỗ lực làm người tốt.

Đây là sự cảm hóa của từ bi, đoạn kinh này chính là biểu thị ý này. Oán tặc, oán là đoạt mạng người, tặc là đoạt của người.

Giống như có một nhà buôn, dẫn rất nhiều con buôn, đem theo vật quý báu vàng bạc, đi qua hẻm núi cheo leo nơi oán tặc ở. Núi là núi ngũ uẩn. Ngũ uẩn là sắc, thọ, tưởng, hành, thức hòa hợp thành thể của mạng sống. Nói khác đi chính là ta. Trong núi ngã kiến tập hợp tám vạn bốn ngàn oán tặc phiền não.

Nhà buôn chính là tâm vương – thức thứ 8 – A-

lại-da thức. A-lại-da là tiếng Phạn nghĩa là “tàng”, ý hàm chứa tất cả hạt giống, cũng chính là chủ thể của tất cả tâm.

Bấy thức trước từ A-lại-da sanh. Theo hầu tâm vương này là cái thuộc về tâm vương, gọi là tâm sở. Tâm vương, tâm sở... cộng chung 94 pháp, thuộc pháp hữu vi, có thêm 6 pháp vô vi. Ở trên nói các con buồn, chính là chỉ tác dụng của pháp thân, tâm sở này.

A-lại-da tức là gốc của động tác tâm. Từ phương diện hoạt động hướng ngoại của nó, có năm thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân. Năm thức này là cái do tiếp nhận sự kích thích của bộ phận bên ngoài mà có nhận thức. Đối tượng nhận thức của nó là sắc, thanh, hương, vị, xúc. Tức là mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân cảm xúc. Từ phương diện nội tại của nó mà nói, cái tổng hợp năm loại này chính là tác dụng của ý thức thứ sáu, đối tượng của ý thức là pháp. Lại theo cái tiềm ẩn của nó hướng vào trong vọng chấp làm ngã gọi là Mạt-na thức.

Tâm này, có giữ của báu có thể thành Phật mà cũng có giữ giặc đọa vào mê. Nên thức A-lại-da căn bản hàm cả hai nghĩa giác và bất giác. Nhân đây trong tâm chúng ta, lấy trì bảo và oán tặc làm dụ.

Trong đó nếu có một người, mặc cho hoàn cảnh hiểm ác bao nhiêu đi nữa, dùng vô ngã đánh dẹp ngã chấp, dùng từ bi đuổi bỏ tham dục, lấy dũng mãnh hàng phục sân giận, lấy trí tuệ chiếu tan ngu si. Nếu có thể như thế thì oán tặc phiền não sẽ chạy mất,

đường núi cheo leo, cũng có thể an toàn đi qua. Từ ý nghĩa này, chúng ta có thể biết Bồ-tát Quán Âm đích xác có thể khiến chúng ta không sợ, do đó nói có thể bố thí vô úy cho chúng ta.

Đến đây đã nói xong bảy nạn.

Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ-tát Ma-ha-tát, oai thần chi lực, nguy nguy như thị.

Đây là văn kết thúc bảy nạn.

Ma-ha-tát là nói tắt của Ma-ha Tát-đỏa, Ma-ha là Đại, Tát-đỏa là Hữu tình hoặc Chúng sanh. Ma-ha Tát-đỏa gọi chung là Chúng sanh lớn, chúng sanh lớn là tối thượng bậc nhất của các chúng sanh.

Ma-ha-tát còn gọi là Đại Bồ-tát. Chỗ này chính là dùng để tôn xưng Bồ-tát Quán Thế Âm thêm một bước nữa. Nguy nguy là hình dung sự cao lớn của núi. Chỗ này là chỉ sức oai thần của Bồ-tát Quán Thế Âm nguy nga như núi cao.

2- Nạn Ba Độc

Nhược hữu chúng sanh đa ư dâm dục, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ-tát, tiện đắc ly dục.

Trước giảng bảy nạn là từ ngoại cảnh đến, đây giảng ba độc, là từ nội bộ mà ra.

Ba độc là tham dục, sân giận, ngu si. Ba độc này đều là vật độc hại trong thân tâm chúng ta, mà trong tham dục cái nặng nhất chẳng qua dâm dục, không gì hơn dâm dục mà có thể độc hại thân tâm chúng ta.

Dâm dục tức là tính dục được giảng phổ thông.

Tính dục nếu theo ý nghĩa sanh tồn là bản năng tất yếu. Đây không chỉ giới hạn ở nhân loại mà tất cả sinh vật đều dựa vào đây mà truyền tiếp giống nòi, mới có thể kéo dài sự sanh tồn chẳng dứt. Từ đây mà xét, thì không thể phủ định tính dục. Sở dĩ từ trên đạo đức mà nói, quan hệ giữa vợ chồng, là đạo lớn của nhân luân, tính dục chính đáng không phải là không được, chẳng qua quan hệ tính dục vượt khỏi quỹ đạo của nó thì có hại cho thân tâm. Hơn nữa, ảnh hưởng đến phong tục xã hội, cái hại này không nghĩ nổi. Đạo đức của tính dục, trong Phật giáo chia làm hai loại: tà dâm và không tà dâm. Không tà dâm là quan hệ vợ chồng chính đáng, là tánh hành vi có thể làm; tà dâm là tánh dục không chính đáng, cũng là tánh hành vi không nên có.

Trong giới luật, Phật chỉ dạy vấn đề này rất tường tận, tánh hành vi dưới tình hình phi thời, phi xứ, phi chi, phi lượng thì bị cấm chỉ. Phi thời là giờ không nên làm; phi xứ là nơi chốn không nên làm; phi chi là giao tiếp không phải là cơ năng sanh thực; phi lượng là dâm dục quá độ, nghĩa là hoang dâm.

Kinh Tát Già Ni Kiền Tử nói: “Vợ mình không thấy đủ, dâm dục phụ nữ khác, là người không hổ thẹn, chịu khổ thường chẳng vui”.

Đây là chỉ dạy đạo lý một chồng một vợ cần phải tuân giữ.

Phật giáo chỉ dạy phương pháp làm người là nên

thực hành Thập thiện thân ba, miệng bốn, ý ba. Thân ba là không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm. Miệng bốn là không nói dối, không nói ác, không nói hai lưỡi, không thêu dệt; ý ba là không san tham, không sân giận, không tà kiến. Do đây có thể thấy sự trọng yếu của không tà dâm.

Dâm dục là điều đáng sợ, Khát Dục Văn của Ngụy Văn Đế có nói: “Đứng đầu việc ác không gì bằng sắc dục, dễ phạm phần nhiều là tà dâm”.

“Anh hùng bạt núi cái thế, ngồi đây mà mất thân vong quốc; bậc sĩ phu miệng gấm lòng thêu do đây mà danh tiết bại hoại. Ban đầu vì một niệm sai, đến nỗi suốt đời không thể chuộc lại.”

“Phù dung mặt trắng, bộ xương khoác thịt; đẹp dễ hồng hào là lợi khí giết người. Dù đối với diện mạo như ngọc như hoa, thường giữ lòng coi như chị như em. Người chưa đi coi chừng trượt chân, người đi rồi kịp sớm quay đầu.”

Kinh Tứ Thập Nhị Chương nói:

“Tưởng người già như mẹ, người lớn như chị, người nhỏ như em, còn bé như con, sanh tâm độ thoát, dứt niệm diệt ác.”

Đàn ông chú ý đến đàn bà là điều tha thiết không gì hơn. Nếu như đàn bà cũng nghĩ như thế, tất cả đàn ông ta nên xem như cha, như anh, như em, như con, cũng có thể diệt hết lòng dâm dục.

Do đó tâm “nếu có chúng sanh nhiều dâm dục” sanh ra, thường niệm Bồ-tát Quán Thế Âm, thì sẽ

không quên tâm trí tuệ, từ bi, dũng mãnh của Bồ-tát Quán Thế Âm. Đối với người trên không mất lòng tôn kính tất cả đàn ông là cha ta, tất cả đàn bà là mẹ ta. Đối với người dưới thường giữ quan niệm tất cả chúng sanh là con trai, con gái của ta, thì tất cả niệm dâm dục, nhất định sẽ tan tành như sương khói.

Nhuộc đa sân nhuế, thường niệm Quán Thế Âm Bồ-tát tiện đắc ly sân.

“Sân” là vẻ phẫn nộ hung hăng. “Nhuế” là phần hận ôm trong lòng. Cái hại của nó lớn lao ở trước đã nói rất nhiều rồi.

Kinh Phật Di Giáo nói: “Giặc cướp công đức không gì hơn sân giận” .

Kinh Pháp Cú nói: “Hay chế phục sân giận của mình, như kèm xe chạy; tâm khéo chế ngự, bỏ tối vào sáng” .

Ở kinh Bách Dụ có một chuyện liên quan đến sân giận rất thú vị:

Có một nơi, rất nhiều người tụ họp phê bình một người. Bọn họ đang phê bình một gã nọ:

- Hấn ta tuy có đức hạnh nhưng vấp hai khuyết điểm, một là rất dễ nổi sùng, hai là hành động bộp chộp.

Vừa đúng lúc đó, gã nọ đi ngang qua nghe được, từ cửa sau chạy vào nói:

- Các ông nói gì?

Nói xong bèn xông vào vạt ngã người phê bình

hắn lẩn quay ra đất.

- Sao mà thô bạo dữ vậy?

Mọi người đều mắng hắn.

- Tôi dễ nổi sùng hoi nào? Hành động bộp chộp hoi nào? Tôi vốn không phải người như vậy, mấy ông phê bình ầu, do đó không đánh các ông không xong!

Nói như thế, người bàng quan đều biết hắn là một người dễ nổi sùng, hắn tuy tự nói mình không giận, nhưng dễ giận rớt cuộc là chuyện thường tình, muốn áp chế thì không được.

Lại kinh Bách Dụ có một chuyện tương đồng:

Một nơi nọ, có một ao nước, nước trong ao đã cạn, có hai chim ưng thấy một con rùa thiếu nước rất khổ, chim ưng bảo rùa:

- Anh rùa, anh có thể ngậm một cành cây, chúng tôi hai đứa ngậm hai đầu cành bay lên, đưa anh đến nơi có nước. Nhưng mà anh không được nói chuyện nhen!

Rùa nghe rồi bèn ngậm cành cây, hai chim ưng ngậm hai đầu bay lên. Lúc bọn chúng bay qua một làng nọ, con nít trong làng ở bên dưới trông thấy la lên:

- Ối chà! Rùa bị chim ưng ngậm đi!

Rùa nghe xong nổi giận nói:

- Tụi bay biết cái gì!

Lời vừa ra khỏi miệng, rùa đã bị té rơi xuống đất mà chết.

Căn bản sân giận của chúng ta chính là do ngã chấp mà khởi, vì chẳng chịu thua người.

Sân là một loại tình cảm ác tính, có đối phương, nảy sinh một cách bộp chộp với người. Nhưng đối phương không nhất định phải nổi sân như thế. Chỉ cần ngộ rằng không có đối phương thì sân phiền não tự nhiên cũng sẽ biến mất. Thường niệm Quán Thế Âm, biết căn cảnh là một. Có thể viên thông căn và cảnh thì không có ta và đối phương thì sân giận cũng sẽ không nổi lên, càng không có nhân nại phải cần. Nếu như một lòng xưng danh, thường niệm Thánh hiệu của Bồ-tát Quán Thế Âm, thì muốn sân cũng sân không được.

Phật ở trong kinh Tạp Bảo Tạng có răn sân giận thế này: “Được thắng thêm oán, lúc thua thêm lo, không tranh hơn thua, là vui bậc nhất!”

Chẳng tranh hơn thua là an trụ trên quan niệm mình người bình đẳng, là chiến thắng lòng sân giận. Cái quan niệm mình người bình đẳng này có thể nói là chỗ dạy của Bồ-tát Quán Thế Âm, lúc anh nổi giận nếu như thành tâm xưng niệm Nam mô Đại bi Quán Thế Âm Bồ-tát thì tâm có thể an trụ ở từ nhẫn, không khởi ghét bỏ, sân giận cũng tiêu mất.

Quá khứ có một vị tướng quân, khí lượng rất mực hẹp hòi, có một chuyện bé xiu cũng nổi nóng với bộ hạ, vợ ông cũng không có cách gì, do đó rất ư khổ não. Nhưng vị tướng quân này ngược lại rất tín ngưỡng Phật giáo. Ông tuy xưng tụng Thánh hiệu Phật Bồ-tát,

chỉ là hoài nghi về pháp lạc lợi ích của công đức xưng niệm Phật Bồ-tát có thể được ánh sáng trùm khắp, ánh sáng chạm đến êm dịu. Nhưng, một sáng sớm nọ, vợ ông làm trái ý ông một chút, ông đem lòng giận dữ đến trước Phật xưng niệm Thánh hiệu Phật Bồ-tát. Ngay lúc mở miệng niệm, tâm chợt biết khí lượng nhỏ hẹp và thiếu kiến quá khứ là không đúng, khi xưa đều sai, bất giác vượt ra. Đồng thời tâm địa bình hòa, được ánh sáng hoan hỷ chiếu, tâm ông mới quang đảnh minh bạch. Đây chính là pháp lạc ánh sáng chiếu khắp, chạm ánh sáng được nhu nhuyễn. Cảnh giới này là ích lợi hiện lộ của thường niệm cung kính liên được lìa sân giận.

Nhược đa ngu si, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ-tát tiện đắc ly si.

Đây là ngu si thứ ba trong ba độc.

Ngu si là phản diện của trí tuệ, nó có thể che đậy ánh sáng trí tuệ mà thành vô minh. Trong kinh nói người có thể tăng trưởng ba độc, cũng là căn bản sanh tử của tất cả phàm phu, là cội nguồn của tám vạn bốn ngàn phiền não. Ngu si tăng trưởng thì thành tà kiến, từ tà kiến sẽ chịu quả báo súc sanh. Ái dục lấy nước làm thí dụ, sân giận lấy lửa để thí dụ, đây là từ mặt hữu hình mà nói. Ngu si có thể đem gió mà thí dụ, vì biển lớn trí tuệ để cho gió ngu si thổi đến mờ mịt.

Kiến hoặc có hai loại:

- 1- Là kiến hoặc khởi từ trí thức.
- 2- Là ngu si không biết rõ đạo lý, hoặc tuy rõ

ràng đạo lý nhưng không cho là đúng, mà ở trên cảm tình sanh ra kiến hoặc. Kiến hoặc là không rõ đạo lý Đại thừa, không biết có sanh thì có tử. Đây là pháp tắc biến hóa của muôn vật, việc đó chỉ là sự tình trên hiện tượng. Hoặc không hiểu rõ trên bản thể là cái bất sanh bất diệt, hoặc phủ nhận pháp nhân quả hiển lộ trên hiện tượng biến hóa đó, mà bác không nhân quả, không có việc nhân lành quả lành, nhân ác quả ác. Anh thấy tôi trung thực mà bần cùng, hấn không trung thực mà giàu có; tự mình hiếu thuận nuôi dưỡng cha mẹ mà thường bệnh hoạn, người kia không hiếu thuận với cha mẹ ngược lại thường mạnh khỏe. Do đó nói nhân quả đều chẳng đúng. Trên thế gian người ô nhiễm giải này rất nhiều, đều do không biết đạo lý nhân quả. Trung thực và hiếu thuận là nhân quả trên đạo đức. Phú quý và bần cùng là nhân quả trên kinh tế. Bệnh hoạn và không bệnh hoạn là nhân quả trên vệ sinh. Cứ cho anh ta là một người trung thực mà anh ta chỉ tiêu tiền bậy, không biết kiếm tiền, tự nhiên sẽ bị nghèo thiếu. Đến như con cái không hiếu thuận, vì họ chú ý vệ sinh, thân thể bèn mạnh khỏe. Đây là sự thực rất dễ biết rõ. Trộn lẫn với nhân quả mà bàn, đây chính là ngu si từ kiến hoặc sanh ra.

Nói đến nhân quả mà không từ quá khứ, hiện tại, vị lai khảo sát, cứ xem sự thực trước mắt mình mà đoán định thì không chính xác. Đạo lý thì rõ ràng mà không biết do đâu thành cái đạo lý này là tư hoặc, đây cũng có thể nói là ngu si. Sánh với người thế gian, nếu có người thân chết, lập tức họ sẽ khóc lóc, vì chết được

cho là việc đáng đau lòng, sao không chấp nhận rằng người kia đã vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc rồi? Giả sử nghĩ như thế, há không phải là không còn bi thương nữa sao? Đây chính là không thể quên tình chấp, cũng chính là rất ngu si vì tư hoặc, kiến hoặc ở phương diện này, nếu như hiểu rõ tẻ ra như thế, thì dễ dàng đoạn trừ. Như ở phương diện tư hoặc, thì rất khó đoạn trừ. Chính là biết rõ điều này là đúng, sau lại sanh những ngu si “nhưng mà... hoặc tuy nói như thế...” Đây là một loại chấp trước. Nếu như dùng trí tuệ của Bồ-tát Quán Âm mà quán chiếu, bỏ đi mê hoặc này thì ngu si tự nhiên tiêu trừ.

Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ-tát, hữu như thị đẳng đại oai thần lực đa sở nhiều ích, thị cố chúng sanh, thường ứng tâm niệm.

Đây là văn kết thúc chỗ giảng ba độc ở trên. Đức Phật lại đem danh tự Vô Tận Ý đại biểu trong thánh chúng thưa hỏi kê lại để bảo Ngài: Quán Thế Âm có sức oai thần lớn bất khả tư nghì làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, có thể khiến chúng sanh xa lìa dâm dục, sân giận, ngu si... như vừa nói. Do đó chúng sanh nên một lòng xưng niệm.

Bảy nạn ở bên ngoài là nạn nhỏ mà ba độc nổi lên bên trong mới là nạn lớn. Đem nạn lớn dâm dục này chuyển thành từ bi, sân giận chuyển thành dũng mãnh, ngu si chuyển thành trí tuệ. Dùng sức từ bi, dũng mãnh, trí tuệ này làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, gọi là đại oai thần lực.

3- Hai Cầu Nguyện

Nhược hữu nữ nhân, thiết dục cầu nam, lễ bái cúng dường Quán Thế Âm Bồ-tát, tiện sanh phước đức trí tuệ chi nam; thiết dục cầu nữ, tiện sanh đoan chánh hữu tướng chi nữ, tức thực đức bốn, chúng nhân ái kính. Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ-tát hữu như thị lực!

Chương thứ ba của lợi ích ngầm là hai cầu nguyện.

“Cúng dường” nghĩa là dâng cúng giúp nuôi dưỡng. Có 3 loại cúng dường:

- 1- Trang nghiêm nhà cửa, cung kính cúng dường.
- 2- Tụng kinh lễ Phật, tu hành cúng dường.
- 3- Âm thực y phục, lợi ích cúng dường.

Trong văn trên có một câu: “Phước đức trí tuệ”.

“Phước” là đức hữu hình, tức là đức về ăn, mặc, ở của thân.

“Đức” là đức vô hình, tức là đức của tâm viên thành đầy đủ.

“Trí” là thể của tuệ, tức là sức nhắm vào tuệ mà chọn lựa phán đoán.

“Tuệ” là công dụng của trí, tức là dụng định rõ thiện ác, tà chánh.

Chiếu theo đoạn văn này mà đọc, nếu có đàn bà muốn sanh con trai, nguyện với Quán Thế Âm liền có thể sanh con trai đẹp đẽ; muốn sanh con gái, nguyện với Quán Thế Âm, cũng có thể sanh con gái diễm lệ. Bản văn nói không ngoài lợi ích này. Nam là tiêu biểu

trí tuệ, nữ là biểu thị từ bi. Như muốn cầu trí tuệ thanh tịnh, lấy lòng thành, ý thành, lễ bái cúng dường Quán Thế Âm, thông đạt lý thật tướng của các pháp mà Quán Thế Âm thông đạt đem sự tôn kính, xác tín này dựng lập lên, thì có thể đạt đến chân trí viên mãn, từ bi bình đẳng. Nếu như muốn được đại từ bi, nên thường dùng tâm của Quán Âm làm tâm, trọn tinh tấn không xa lìa thì tự nhiên sẽ sanh được tâm từ bi nhận sự tôn kính của người. Nếu như thân miệng ý hợp nhất mà lễ bái cúng dường, thì Quán Thế Âm cũng sẽ chẳng rời mình.

Lúc một lòng xưng niệm Quán Thế Âm, trời đất muôn vật thành một Quán Thế Âm, giữa mình và Quán Thế Âm không có khu biệt, không có chướng ngại. Ngay lúc này, đại trí tuệ, đại từ bi, đại dũng mãnh của Quán Thế Âm ở chính mình cũng có thể hiển hiện.

Thiền sư Diễn Pháp đem đoạn kinh văn này làm thành một loại thai giáo. Đó là đàn bà cầu con đem lòng quy hướng Quán Thế Âm đại trí tuệ, đại từ bi, đuổi trừ các thứ mê vọng, xa lìa tất cả tà kiến, do đây, nếu như sanh con trai, ắt là phước đức, trí tuệ viên mãn. Nếu sanh con gái, ắt là đoan chánh có tướng, được người yêu kính. Đoạn văn kinh này trừ linh nghiệm thần bí có lợi ích ngầm ra, cũng có thể từ phương diện hiện thực này mà giải thích.

Đặc biệt “túc thực đức bốn” này là nói nghiệp lành đời trước, hiển hiện ở đời này thành cội đức, mà có thể khiến người yêu kính. Do đó trong Phật giáo,

chỗ nói đời trước sanh tiền (quá khứ) cho đến từ sanh đến chết (hiện tại), chết rồi về sau (vị lai), thông với quan hệ nhân quả. Do đó “Túc thực đức bản” này là nhân lành quá khứ từ trước khi sanh, trở thành quả lành hiện tại. Đứa bé trong bụng mẹ, lúc chưa sanh, người đàn bà sắp làm mẹ, nếu tâm lý và hành vi đoạn chánh, thì không những là dạy trong thai, y theo đạo lý di truyền mà nói, nhục thể và tinh thần đứa con được sanh đều có ảnh hưởng, do đó phải nên đặc biệt chú ý đoạn văn này.

Căn cứ đoạn văn này nói, ở phương diện con trai, có phước đức trí tuệ, ở phương diện con gái là đoạn chánh có tướng. Đây là vì con gái trọng yếu về phương diện tư dung hơn con trai, do đó lược đi phước đức trí tuệ. Phía con trai thì lược bớt đoạn chánh có tướng. Kỳ thực, phước đức trí tuệ là chỉ tâm, đoạn chánh có tướng là chỉ thân. Hai việc này đều nên cầu đủ.

Phước, lấy việc may mắn hữu hình làm chủ; đức là tâm hạnh vô hình. Trên thế gian, có người có phước mà thiếu đức, tuy có rất nhiều tiền bạc, nhưng lại khiến người chán ghét. Người có đức mà vô phước, tuy rất chính trực nhưng nhiều bất hạnh.

Hiện tại chỗ hy vọng là có phước có đức, hơn nữa cần có trí tuệ, nghĩa là có tiền, có người ngưỡng mộ, lại thêm hiền đức. Đoạn chánh có tướng là chỉ hình dung đẹp đẽ. Ở đây chú ý hai chữ đoạn chánh, hạn chế hành vi là đoạn, vì trong Phật giáo, không phải chỉ nắm tư dung, như trong kinh Ngọc Da nói: “Đàn bà dung mạo đoạn chánh không gọi là người đẹp, chỉ

tâm hạnh đoan chánh, được người yêu kính mới gọi là người đẹp”. Do đó, người đẹp không hẳn là tư dung trang trọng đẹp đẽ yêu kiều, mà chú trọng hơn về tâm hạnh đoan chánh, trinh tĩn, u nhàn. Đức Phật giảng đến chỗ này, lại bảo Vô Tận Ý rằng: Quán Thế Âm Bồ-tát có sức như thế.

Nhược hữu chúng sanh, cung kính lễ bái Quán Thế Âm Bồ-tát, phước bất đường quyền.

Một câu này thấu kết văn trước. Nhân có chúng sanh sợ trì danh không công, do đó lại nói nếu có chúng sanh cung kính lễ bái thì công không uổng phí. Đường quyền là phí uổng, công bất đường quyền là công không bỏ phế.

Bảy nạn trở xuống đều là thuyết minh lợi ích ngấm của ba nghiệp thân, miệng, ý của Quán Thế Âm. Bảy nạn ban đầu là từ ngoài vào, do đó ở miệng xưng tụng Bồ-tát Quán Thế Âm; ba độc từ trong khởi, do đó ở tâm thường thường quán tưởng nhớ nghĩ Bồ-tát Quán Thế Âm; hai cầu nguyện là thân cầu, hiển thị thân hành cung kính lễ bái. Đây tức là đem ba nghiệp thân, miệng, ý nhất trí tương ứng, do đây có thể nhận được lợi ích ngấm gia hộ.

4- Khuyến Trì

Thị cố chúng sanh, giai ứng thọ trì Quán Thế Âm Bồ-tát danh hiệu. Vô Tận Ý! Nhược hữu nhân thọ trì lục thập nhị ức hằng hà sa Bồ-tát danh tự, phục tận hình cúng dường ẩm thực, y phục, ngọa cụ, y dược, ư nhữ ý vân hà? Thị thiện nam

tử, thiện nữ nhân công đức đa phủ? Vô Tận Ý ngôn: Thập đa, Thế Tôn! Phật ngôn: Nhược phục hữu nhân, thọ trì Quán Thế Âm Bồ-tát danh hiệu, nãi chí nhất thời lễ bái cúng dường, thị nhị nhân phước, chánh đẳng vô dị, ư bách thiên vạn ức kiếp, bất khả cùng tận. Vô Tận Ý! Thọ trì Quán Thế Âm Bồ-tát danh hiệu, đắc như thị vô lượng vô biên phước đức chi lợi.

Đoạn này không có ý thuyết minh gì đặc biệt, chính là biểu minh lợi ích ngậm của Bồ-tát Quán Thế Âm đã nói ở trước, là điều chân thật không hư dối, là việc nhất định có thể đạt đến, và không phải là cái rỗng không mà chẳng thực. Do đó tất cả chúng sanh đều nên thọ trì danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm. Đây không giống như cúng tẩm thẻ bằng gỗ hay cầm phù chú vẽ trên giấy là xong.

Nhưng, anh cúng tẩm thẻ gỗ, cầm giấy bùa chú, thì có thể yên tâm, do đó không thể nói là chẳng tốt, chỉ là theo căn bản mà nói, cần phải trong thâm tâm thọ trì ba đức trí tuệ, từ bi, dũng mãnh của Bồ-tát Quán Thế Âm, khiến cho chẳng mất, đây mới là việc khẩn yếu.

Thọ trì danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, rốt cuộc công đức được bao nhiêu? Chúng ta xem tỉ dụ của Phật thì có thể biết. Đức Phật hỏi Bồ-tát Vô Tận Ý: “Nếu như có người thọ trì danh hiệu 62 ức số cát sông Hằng, thẳng đến lúc chết, ông ta đều nhiệt tâm cúng dường ăn uống, áo quần, thuốc men, giường chõng, như thế thiện nam tử hay thiện nữ nhân này có công đức nhiều hay ít?” “Công đức ấy rất nhiều, bạch Thế Tôn!” Vô Tận Ý cung kính trả lời. Đức Phật nghe xong lại

nói: “Nếu như có người, chỉ một lúc thọ trì danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, không thọ trì suốt đời. Lúc có thể thọ trì lễ bái cúng dường đó, công đức bằng với người suốt đời lễ bái cúng dường 62 ức hàng sa Bồ-tát ở trên, không hề sai khác chút nào. Công đức này trong thời gian dài lâu trăm ngàn vạn ức kiếp không có cùng tận. Công đức thọ trì Bồ-tát Quán Thế Âm nhiều như thế, lớn như thế đó!

Văn trên nói 62 ức là hình dung cho số nhiều, nói nhiều đến nỗi không đếm hết được, tương đồng với vô lượng vô số. Trong Phật giáo bất kể là nói số gì, nhất định là đều có chỗ căn cứ, như cùng nói là 62 ức, hoặc là bao nhiêu ức, đều là có định nghĩa của nó. Chữ “sáu” trong 62 ức là chỉ cho sáu đại: đất, nước, lửa, gió, không và thức. Trong sáu đại này, đất – nước – lửa – gió – không là SẮC, thức là TÂM, tức là tương đương với Tâm và Sắc, chủ quan và khách quan, vật chất và tinh thần. Nhưng ở đây thêm số cát sông Hằng nhiều như thế, do đó có thể hiểu là Bồ-tát nhiều vô lượng vô số.

Một bên là suốt đời lễ bái cúng dường vô lượng vô số Bồ-tát, một bên chỉ nhất thời lễ bái cúng dường Bồ-tát Quán Thế Âm, bảo rằng công đức cả hai bằng nhau, đây thật là diệu chỉ của Thật giáo Đại thừa.

Thật giáo Đại thừa nói vạn vật một thể, muôn vật tương quan, hiển thị lý một và nhiều không hai. Một và nhiều tương dung tương nhập, nêu một tức hàm chứa tất cả, nêu tất cả tức hàm một. Do đó trong kinh Hoa Nghiêm, thậm chí quán sát trong một hạt

bụi tức bao quát hết pháp giới. Tuy nói là một hạt tro bụi trên bàn, nếu như muốn tìm lai do của nó, thì phải tập hợp lực lượng của tất cả vạn vật mới có thể rơi lên bàn. Một hạt tro bụi này, nếu như từ mặt giấy mà sanh, thì giấy và bụi không thể tách rời quan hệ, tìm tòi thêm một bước nữa, giấy là cây cối chế tạo thành, thì cơ giới chế biến cây này, nhân viên công tác, quần áo thức ăn, chỗ ở nuôi sống công nhân, đều có quan hệ mật thiết không thể tách rời. Áo quần thức ăn chốn ở từ đâu mà có? Đó lại chẳng thể tách rời tất cả mọi người trên thế giới cung cấp chúng. Lại có đất đai sản sinh ra tư liệu này, ánh sáng và sức nóng của mặt trời, nếu thiếu một thứ, hạt bụi này không thể được tạo thành.

Do đó nói trong một gồm nhiều, trong nhiều gồm một. Một và nhiều là quan hệ trong và ngoài, trọn không có hai thứ riêng biệt. Chiếu theo đây mà xem, cúng dường Bồ-tát Quán Thế Âm, và cúng dường 62 ức hàng sa Bồ-tát, công đức bằng nhau, đương nhiên không có gì để nghi hoặc.

Cái dài của suốt đời, và cái ngắn của một lúc, suy cho kỹ cũng chẳng có gì bất đồng.

Xưa nay nói nhiều ít, dài ngắn, lớn nhỏ, đều là thuyết pháp trên so sánh, là cái tương đối. Ở cảnh địa tuyệt đối mà nhìn, đều không có phân biệt như nhiều ít, dài ngắn, lớn nhỏ, xa gần. Đều là hồn nhiên dung hợp, không thể chia cách, hoàn toàn là bình đẳng nhất như.

Lúc nói đến Bồ-tát Quán Thế Âm, tất cả chư Phật Bồ-tát đều ở trong đó, 62 ức hàng hà sa Bồ-tát đều có thể xem là hóa thân của Bồ-tát Quán Thế Âm. Từ phương diện chủ quan thì như trước đã nói, người người đều là một Quán Tự Tại, số mục ấy thật vô lượng vô biên, nhưng đều đồng một đấng Quán Thế Âm, do đó không nên dùng nhiều ít, dài ngắn để so sánh.

Lúc Phật nói đạo lý này:

“Vô Tận Ý!” Đức Phật lại gọi Vô Tận Ý đại biểu cho tất cả chúng sanh nêu câu hỏi. “Mọi người đều nên thọ trì danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm. Nếu thọ trì được, thì có thể được lợi ích có vô lượng vô biên phước đức”. Đây là văn kết thúc lợi ích ngầm.

Trong văn hiển thị, công đức cúng dường tất cả Bồ-tát, nhiếp về cúng dường Bồ-tát Quán Thế Âm, đem danh hiệu vô lượng Bồ-tát nhiếp về danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, đây chính là tín ngưỡng tôn giáo nên quy về một mối, có thể trụ tâm vào một, thì sẽ không mê hoặc. Đồng thời, do tâm nhất chí này, có thể đưa đến sự hoạt động của từ bi, trí tuệ, dũng mãnh, có thể thoát khỏi tất cả nguy nan, tràn đầy tất cả hy vọng.

Đến như phân tâm tạp niệm, thì tâm thành tán loạn, không thể đến được nơi an ổn chân chính, do đó, nhất tâm bất nhị, mới là đạo chủ yếu.

Liên quan đến điều này, có một câu chuyện thú vị:

Quá khứ có hai người, một người tin tưởng rất

nhiều thần tiên, trong túi anh ta đựng rất nhiều danh hiệu hoặc bùa chú thần tiên. Người kia chỉ tin tưởng Bồ-tát Quán Thế Âm, trong túi anh ta, cũng đựng danh hiệu Quán Thế Âm.

Có một hôm, hai người đang đi trên đường, bất ngờ một tên hung ác từ bên đường vọt ra, nhắm hai người chém mấy dao, một người bị chém nhầm một chút, người kia thì hoàn toàn vô sự. Người không có một chút thương tích nào, mở túi ra xem, thấy danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm bị dao chặt mẻ một chút. Điều này, nhất định nhân vì ông ta tin thờ Quán Thế Âm, Quán Thế Âm phù hộ ông ta, dùng thân thay thế. Ông ta từ đây càng tín ngưỡng Quán Thế Âm. Người bị chém trúng trong lòng rất buồn bực, nói lép nhép không ngừng: “Lòng tin của tôi so với anh chàng kia không khác chút nào, tôi tin tưởng nhiệt tình như thế, thẻ gỗ và bùa chú của thần tiên rất nhiều trong túi tôi, tại sao không bảo vệ tôi chút nào thế?” Người bị chém trúng đó, khi đang áo nã đầy bụng, thần tiên trong túi chợt nói: “Thật xin lỗi anh! Chúng ta không phải là không định giúp anh, nhưng thần tiên trong túi anh rất nhiều, nếu ở trước các thần tiên khác mà bảo vệ anh thì rất thất lễ. Ngay lúc anh nguy hiểm, chúng tôi thỉnh Thiên Đế đến cứu anh, Ngài lại đẩy qua mời Nguyên Thủy Thiên Tôn, Nguyên Thủy Thiên Tôn lại đẩy qua mời Ma Tổ, Ma Tổ lại đẩy thỉnh Bắc Đẩu Tinh Quân, chính lúc đang nhường như thế, anh đã bị chém trúng rồi. Trong túi người kia chỉ có một vị Bồ-tát Quán Thế Âm, do đó mới cứu ông ta mau chóng.”

Đây thật là một câu chuyện rất thú vị. Nếu chúng ta tín ngưỡng một mối, mới có thể đạt được sở cầu. Nếu nói là không tin sùng Bồ-tát Quán Thế Âm đại từ đại bi, mà đi tin rất nhiều thần tiên khác, thứ tín ngưỡng không thuần khiết ấy, là không thể đạt được mục đích tín ngưỡng tôn giáo.

B- LỢI ÍCH HIỂN

1- Ba Mười Ba Thân

a- Thân Thánh

Vô Tận Ý Bồ-tát bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Quán Thế Âm Bồ-tát vân hà du thử Ta-bà thế giới? Vân hà nhi vị chúng sanh thuyết pháp? Phương tiện chi lực, kỳ sự vân hà ?

Ở trước mở đầu là nêu câu hỏi về danh hiệu và nhân duyên của Bồ-tát Quán Thế Âm. Thế Tôn trả lời là xưng danh, thường niệm, lễ bái, thì có thể được cảm ứng, do đó nó là lợi ích ngầm. Đoạn này Bồ-tát Vô Tận Ý hỏi về ba nghiệp thân miệng ý của Bồ-tát Quán Thế Âm.

Ba nghiệp thân miệng ý này, là nói việc gì? Đây là ở trên hiện tượng hữu hình mà nói. Thí dụ như đức Phật trả lời: “Nếu người do thân Phật mà được độ, liền hiện thân Phật mà vì họ nói pháp”. Đây gọi là lợi ích hiển. Nhân vì quyền hóa của Bồ-tát Quán Thế Âm, do đó không khác biệt lắm với chỗ giảng ở trước.

Ở đây Bồ-tát Vô Tận Ý hỏi có chủ ý, chia làm ba điểm quan trọng:

1- Hỏi Bồ-tát Quán Thế Âm đến thế giới Ta-bà này thế nào? Hiện thân ra sao?

Ta-bà là tiếng Phạn, dịch là nhân độ (cõi nhân). Kinh Bi Hoa giải thích: “Gọi là Ta-bà, các chúng sanh này chịu ba độc và các phiền não, hay nhân các ác ấy nên gọi là nhân độ.” Đức Phật Thích-ca sở dĩ rủ dấu vết ứng hiện ở Ta-bà để giáo hóa, chính là muốn cho chúng sanh giải thoát khổ não của cõi này.

2- Hỏi lại khẩu nghiệp của Bồ-tát Quán Thế Âm là làm sao vì chúng sanh diễn thuyết diệu pháp?

3- Lại ngược hỏi ý nghiệp của Bồ-tát Quán Thế Âm, sức phương tiện độ chúng sanh, rốt cuộc là thế nào?

“Phương tiện” ở đây nói, phương là phương pháp, tiện là thích nghi. Tế độ chúng sanh phải dùng phương pháp thích nghi, gọi là phương tiện. Đây không phải chỉ sự hư ngụy đối trá mà thế tục dùng, gọi là “phương tiện”. Trong Pháp Hoa Văn Cú, có ba lối giải thích ý nghĩa phương tiện:

1- Phương là cách, tiện là dùng, tùy thuận tâm ý chúng sanh, dùng các thứ phương pháp dạy dỗ họ.

2- Phương tiện là cửa, dùng phương tiện này mà có thể dẫn vào cửa Phật. Hoặc là tùy tâm ý chúng sanh, hoặc là tùy ý của mình, dùng các thứ phương tiện dạy dỗ chúng sanh.

3- Phương là bí, tiện là diệu, không dám đo đoán

ý người, chiếu theo suy nghĩ của mình, thuyết pháp khiến người được lợi ích.

Tùy theo ý người hoặc theo ý mình, hay gồm cả hai, dùng phương pháp như thế cứu giúp chúng sanh, chỉ đúng là sức phương tiện.

Hiện tại hỏi: Bồ-tát Quán Thế Âm rốt cuộc dùng sức phương tiện gì ở thế giới Ta-bà giáo hóa chúng sanh? Về vấn đề này, đức Phật đáp dùng hiện 33 thân, 19 thuyết pháp. Trong 33 thân tức gồm có 19 thuyết pháp, 19 thuyết pháp cũng chính là thị hiện 33 thân.

Phật cáo Vô Tận Ý Bồ-tát: “Thiện nam tử! Nhược hữu quốc độ chúng sanh, ứng dĩ Phật thân đắc độ giả, Quán Thế Âm Bồ-tát tức hiện Phật thân nhi vị thuyết pháp.”

Phật trả lời câu hỏi của Bồ-tát Vô Tận Ý: “Trên thế giới Ta-bà, nếu có chúng sanh cần phải dùng thân Phật đến cứu giúp, thì Bồ-tát Quán Thế Âm sẽ hiển thân Phật mà nói pháp cho họ.” Đây là hiển thị bậc nhất dùng thân Phật thuyết pháp.

“Đắc độ” là ý được độ thoát. Độ tức là qua sông, tức là từ bờ này phiến nảo, đưa qua bến bờ kia Bồ-đề. Đây chính là nghĩa bỉ ngạn, bờ kia.

Nói đến thân Phật là chỉ cái gì? Thân Phật có thể chia làm ba loại thuyết pháp: 1- Pháp thân, 2- Báo thân. 3- Ứng hóa thân.

Thân Phật được nói ở đây là chỉ Ứng thân vì căn cơ của chúng sanh mà ứng hiện.

“Pháp thân” là nhân cách hóa chân lý vũ trụ, phổ cập không gian vô cùng và thời gian vô tận, không

chỗ nào chẳng khắp, không thời gian hạn chế, tức là pháp thân Phật Tỳ-lô-giá-na.

“Tỳ-lô-giá-na” nghĩa là khắp tất cả chỗ, nhân lấy dụ ánh mặt trời trừ tối, sáng khắp, do đó còn gọi là Đại Nhật Như Lai.

“Báo thân” là người thể nhận được chân lý vũ trụ, cùng là một với chân lý vũ trụ không phải là hai, đứng ở cảnh đại giác. Nói theo không gian, đầy khắp mười phương, gọi là Vô Ngại Quang; nói theo thời gian, chứng được sinh mạng vĩnh hằng, đó là Vô Lượng Thọ. Có đủ Vô Lượng Quang và Vô Lượng Thọ tức là đồng thể với Phật A-di-đà.

“Ứng thân” vì thương xót chúng sanh đời uế trước, ứng hiện đến thế giới Ta-bà này, như Phật Thích-ca giảng sanh, xuất gia, tu hành, thành đạo, thuyết pháp. Bất kể vị Phật nào, đều có đủ ba thân này, ba thân tức là một, là cái không thể tách biệt.

Lấy một thí dụ, pháp thân giống như y học, bác sĩ nghiên cứu y học là báo thân; người ứng dụng y học để trị bệnh, nghe thuốc mà thi hành y thuật là ứng thân.

Hiện tại, Bồ-tát Quán Thế Âm vì người cần thân Phật để được độ, Ngài liền hiện thân Phật vì họ nói pháp, do đó có thể xem thế này: Đức Thích-ca hiện ở thế giới Ta-bà này thuyết pháp độ chúng sanh, cũng là thị hiện của Bồ-tát Quán Thế Âm.

Vì Bồ-tát Quán Thế Âm là chân lý của vũ trụ, quyền hóa của từ bi, mà sự xuất hiện của Phật Thích-

ca chính là hiển thị chân lý của vũ trụ, quyền hóa của từ bi. Về điểm này, bèn nói Thích-ca là Quán Thế Âm, Quán Thế Âm là Thích-ca, tôi nghĩ cũng được.

Ứng dĩ Bích Chi Phật thân đắc độ giả, tức hiện Bích Chi Phật thân nhi vị thuyết pháp; ứng dĩ Thanh văn thân đắc độ giả, tức hiện Thanh văn thân nhi vị thuyết pháp.

“Bích Chi Phật” tiếng Phạn là “Tất-lặc-tử-đề ca”, giải thích là Duyên giác hoặc Độc giác, Ngài không chờ đợi sự phụ tá của người khác, có thể riêng mình hướng đến đường giải thoát. Do đó, trước lúc Phật ra đời, hoặc ở chỗ Phật chưa truyền giáo, có thể thể hội được bộ phận của chân lý vũ trụ, thì gọi là Bích Chi Phật. Có thể nói triết gia Hy Lạp, Thánh nhân Trung Quốc đều là Bích Chi Phật.

Đây là chỗ hay đặc biệt của Phật giáo. Trong Phật giáo không hề có tư tưởng hẹp hòi không được Phật Thích-ca chỉ dạy thì không thể giải thoát. Không đợi nhận giáo pháp của Phật Thích-ca cũng có thể giác ngộ một mình – Độc giác.

Hiện tại Bồ-tát Quán Thế Âm, người cần dùng thân Phật Bích Chi được độ, liền hiện thân Phật Bích Chi vì họ nói pháp. Do đó, Socrate cũng tốt, Platon cũng tốt, Khổng Tử cũng tốt, Jésus cũng tốt, Mohamet cũng tốt, đều có thể xem là ứng hiện của Bồ-tát Quán Thế Âm.

Bồ-tát Quán Thế Âm tựa như một vầng trăng sáng trên trời trong, bất luận ở sông, ngòi, biển, bể đều có thể hiện ra. Chân lý là một, thể hiện chân lý

vũ trụ lại bất đồng. Do đó thích ứng với thời đại hay đất đai bất đồng mà hiện thân giáo hóa chúng sanh. Đây là đặc sắc của Phật giáo, phải cần phát huy thêm.

Đương nhiên, Phật Bích Chi này là Duyên giác. Nhưng ngay trong Duyên giác cũng có hai loại: Duyên giác của Duyên giác và Thanh văn của Duyên giác. Duyên giác của Duyên giác là người không chịu sự giáo hóa của Phật Thích-ca, có thể quán sát đạo lý nhân duyên sanh tử mà ngộ nhập. Nhưng nói đến Thanh văn của Duyên giác, thì phải gặp đức Thích-ca ra đời, nghe mười hai nhân duyên sanh tử mới có thể ngộ nhập. Do đó từ quá khứ đến vị lai, chúng ta ở trong nhân duyên sanh tử, con mắt trí tuệ bị mờ, không thể thấy được chân lý sáng rõ. Đó là do vô minh mà sanh ra hành, nhân hành mà sanh ra thức và phân biệt, cái thức này liên lạc với ngoại cảnh bèn sanh danh sắc; danh sắc này giao thiệp với ngoại giới sanh ra lục nhập: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; do lục nhập này tiếp xúc với ngoại cảnh sanh ra xúc; do xúc mà cảm thọ; do thọ mà sanh ái; do ái mà chấp trước sanh thủ; y thủ mà nghi giữ gìn cái mình có; cuối cùng cảm thọ cái khổ sanh và già chết. Y theo quả sanh mạng này, lại sanh khởi vô minh, nương vô minh mà có hành (nghiệp); có hành nên có khổ, có khổ nên có hoặc; như thế cả ba hoặc – nghiệp – khổ như vòng tròn không đầu mối.

Thanh văn nghe lời dạy dỗ của Phật mà thấy được căn bản của khổ (Khổ đế), là ác nghiệp của thân – miệng – ý tích chứa (Tập đế) mà thành, chỉ cần đem

cái này đoạn dứt, tức có thể được ngộ (Diệt đế), nhưng đoạn tập, chứng ngộ, ắt phải tu đạo (Đạo đế). Phật từng nói: Quả của mê là khổ, nhân của mê là tập; quả của ngộ là diệt, nhân của ngộ là đạo. Một nhóm chúng sanh nghe đạo lý Tứ đế Khổ – tập – diệt – đạo này được khai ngộ gọi là Thanh văn, nói tắt là đệ tử Phật. Tư tưởng căn bản của Phật giáo chính là Tứ đế này. Từ Phật giáo Nguyên thủy cho đến Phật giáo Hậu kỳ, cũng tức là từ Tiểu thừa đến Đại thừa, tất cả kinh điển đều từ Tứ đế này khai triển ra. Do đó nghe tiếng Phật, hoàn toàn không nhất định phải sanh vào đời Phật, đích thân nghe tiếng Phật. Phật tại thế là có Phật thuyết pháp; Phật diệt độ rồi, thì có pháp của Phật lưu truyền. Giáo pháp lưu truyền là kinh điển do tôn giả A-nan theo hầu Phật rất lâu, đích thân nghe tiếng Phật, tụng ra, các phương đều có phiên dịch lưu truyền, đây đều là pháp âm của Phật.

Nhân đây, tuy là Thanh văn cũng không nhất định sanh vào thời Phật ra đời. Mà Thanh văn tức là đệ tử Phật, đây chính là chỉ rất nhiều đệ tử Phật theo giáo pháp của Phật xuất gia tu trì thành đạo. Người dùng kiểu gì có thể độ thoát, thì hiện loại thân đó đến độ thoát họ.

Từ cách nhìn này mà nói, Bồ-tát Mã Minh, Bồ-tát Long Thọ và Tổ sư Đạt-ma ở Ấn Độ; Đại sư Trí Giả của tông Thiên Thai, Quốc sư Hiền Thủ của tông Hoa Nghiêm, Đại sư Huệ Viễn, Đại sư Thiệt Đạo của tông Tịnh Độ; Đại sư Truyền Giáo, Đại sư Hoàng Pháp, thượng nhân Nhật Liên của Nhật Bản, đều

dùng thân xuất gia mà vì chúng sanh thuyết pháp, do đó cũng có thể xưng hiện thân Thanh văn.

Như dạng này mà nói, những vị này đều là Bồ-tát Đại thừa, nói họ là Thanh văn, hoặc giả không đúng cũng chẳng thể biết. Nhưng Thanh văn này, có người tự cam phận Tiểu thừa, gọi là Ngũ Pháp Thanh Văn; có người tiến tu Đại thừa, gọi là Quảng Tuệ Thanh Văn. Chẳng những như thế, ngay Bồ-tát Đại thừa, người có thể hiện thân Thanh văn mà độ được, liền hiện thân Thanh văn, loại đại từ bi của Bồ-tát Quán Thế Âm này, bèn từ tinh thần này biểu hiện ra.

Thân Phật, thân Phật Bích Chi, thân Thanh văn ở trên đều là bậc Thánh khai ngộ, do đó gọi là thân Tam thánh.

b- Thân Trời, thân Người

Ứng dĩ Phạm vương thân đắc độ giả, tức hiện Phạm vương thân nhi vị thuyết pháp; ứng dĩ Đế Thích thân đắc độ giả, tức hiện Đế Thích thân nhi vị thuyết pháp; ứng dĩ Tự Tại Thiên thân đắc độ giả, tức hiện Tự Tại Thiên thân nhi vị thuyết pháp.

Văn trên đã nói hiện thân ba bậc Thánh thuyết pháp, độ những chúng sanh đáng độ. Bây giờ là giảng hiện thân Phạm vương, Đế Thích, thân trời Tự Tại thuyết pháp. Đối với việc hiện thân thuyết pháp ở đây, cần phải từ mấy phương tiện mà khảo sát.

Lúc cho là thích hợp dùng thân Phạm vương được độ, chẳng những là hiện thân Phạm vương, mà cần

phải hiện tâm Phạm vương; lúc nên dùng thân Đế Thích được độ, chẳng những hiện thân Đế Thích, còn cần có tâm của Đế Thích. Vì để đồng hóa đối tượng, tự thân hiện ra tướng giống như đối tượng, đây có thể xem là vận dụng đồng sự nhiếp của Bồ-tát.

“Đồng sự”, là phương tiện giáo hóa của Bồ-tát Đại thừa. Ông có hình dạng gì, Ngài liền hiện hình mạo đồng dạng để giáo hóa, cùng ông làm việc chung một nơi, đây thực tại là từ bi của Bồ-tát.

Giống như lúc người mẹ định gọi con thơ ăn món gì, ngay miệng của bà ta bất giác cũng há ra. Bồ-tát Đại thừa vì muốn giáo hóa chúng sanh, thương xót hộ niệm chúng sanh, do đó mới hiện thân giống như chúng sanh.

Từ góc độ khác mà nhìn, Bồ-tát Quán Thế Âm muốn cho tâm chúng ta thành Phạm vương, hoặc tâm của Đế Thích như thế, ở trong lòng bèn cần phản tỉnh nhìn vào trong, khiến sự thị hiện giống y như lòng đại từ bi của Bồ-tát. Đây là ở trên sự tu dưỡng rất khiến người ta phải suy nghĩ.

Bây giờ, phương tiện thị hiện ứng hóa của Bồ-tát Quán Thế Âm, chiếu theo sự thuyết minh ở trên mà nhìn, chúng ta phải nên luôn luôn phản tỉnh nhìn vào nội tâm, cần phải thấy được Quán Thế Âm trong tâm chính mình.

“Đại Phạm vương” hoặc là “Trời Đế Thích” là đối tượng được tín ngưỡng từ xưa đến nay ở Ấn Độ. Nếu dùng ánh mắt Phật giáo mà nhìn, những vị này đều là

các vị thần của Bà-la-môn, người do những thần này mà có thể an tâm lập mạng được tiến vào đại đạo cũng không ít. Do đó trong Phật giáo, quyết không bài xích những thần này; chẳng những không bài xích mà người đầu tiên nhất tín ngưỡng những thần này, về sau quay về hết lòng với Phật giáo cũng rất nhiều. Do đó bèn tôn những vị thần ấy làm thần ủng hộ Phật giáo. Vì những thần này tuy không thể tu dưỡng thành Phật, nhưng đều ở trên phạm phu chúng ta.

Trong Phật giáo do truyền thuyết của Ấn Độ từ xa xưa, nói thế giới này chia làm ba cõi Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. “Ba cõi bất an giống như nhà lửa”.

Mục đích tu học Phật pháp, chính là có thể vượt khỏi ba cõi này. Cõi thứ nhất trong ba cõi là Dục giới, trong Dục giới có sáu đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, A-tu-la, nhân gian, cõi trời.

Trong các trời, cách chúng ta không xa là trời Dục giới, trong trời Dục giới có trời ở đất và trời ở trên không. Trời ở mặt đất không rời khỏi đất, còn trời ở trên không thì đã rời khỏi mặt đất.

Trời ở dưới đất, căn cứ theo truyền thuyết Ấn Độ cổ đại, chính là do núi Tu-di thành lập. Tu-di sơn tiếng Phạn là Tu-mê-lô, nơi bốn phương có người ở: phương Đông gọi là Phất-bà-đề châu, phương Tây gọi là Câu-da-ni châu, phương Bắc gọi là Uất-đơn-việt châu, phương Nam gọi là Diêm-phù-đề châu. Châu Diêm-phù-đề chính là đất chúng ta ở. Phần bụng của núi Tu-di có Tứ thiên vương: Đông phương Trì Quốc

Thiên Vương, Tây phương Quảng Mục Thiên Vương, Nam phương Tăng Trưởng Thiên Vương, Bắc phương là Đa Văn Thiên Vương. Đây là khởi điểm của Dục giới. Lại lên trên là trời Đao Lợi, trời này ở trên đỉnh núi Tu-di; bốn phương, mỗi phương có tám trời, bốn lần tám là ba mươi hai trời; trung ương có trời Đế Thích, cộng chung lại gọi là trời Tam thập tam.

Từ đây tiến vào trời ở không trung, thấp nhất là trời Dạ-ma, trên là trời Đâu-suất, trời Hóa Lạc, trời Tha Hóa Tự Tại, đến đây là chung điểm của Dục giới, cộng có sáu trời, trên nữa là Sắc giới.

Dục giới, là chưa có đoạn trừ hoàn toàn Dục tình, đến Sắc giới, là hoàn toàn không có dục tình, ở đó có mười tám trời.

Thứ nhất là Sơ thiên thiên, ở cõi trời này có trời Phạm phụ và trời Phạm chúng, trên nữa là trời Đại Phạm. Trên Sơ thiên thiên là Nhị thiên thiên, trong Nhị thiên thiên có ba trời. Trên Nhị thiên thiên là Tam thiên thiên, Tam thiên thiên có ba trời. Trên Tam thiên thiên có Tứ thiên thiên, Tứ thiên thiên có chín trời. Cộng chung Sắc giới có mười tám trời.

Trên Sắc giới là Vô sắc giới. Vô sắc giới không những là không có dục tình, ngay cả nhục thể cũng không có, do đó bốn trời Vô sắc giới gọi là trời Không vô biên xứ, trời Thức vô biên xứ, trời Vô sở hữu xứ, trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Đây là hai mươi tám trời của ba cõi.

Những giai cấp như thế có thể xem là giai đoạn ở

lúc tinh tư tĩnh lự, đạt đến tinh thần nhàn tịch của chúng ta.

“Trời”, trong luận Bà-sa nói: “Ánh sáng chiếu rọi gọi là trời.” Phật giáo nói ánh sáng, chẳng kể khi nào đều là tỉ dụ trí tuệ, do đó ở nhân gian nếu không mờ mịt đối với dục tình, thì có thể vận dụng trí tuệ. Giai cấp Tứ thiên vương tuy vẫn chưa lìa bỏ dục tình, nhưng đã nhạt mỏng; đến trời Đế Thích, nhục dục đã không có nữa, chỉ còn có ái tình trên tinh thần. Như thế dần dần lên đến Phạm Thiên là tương đương với Sơ thiên thiên của Sắc giới. Nhân vì hay lìa dâm dục của Dục giới, tịch tĩnh thanh tịnh, thường sanh tâm lành, do đó gọi là Phạm Thiên. Lớn hơn Phạm Thiên thì gọi là Đại Phạm Thiên. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Thân tâm diệu viên, oai nghi chẳng thiếu sót, cấm giới thanh tịnh, để mà minh ngộ; người này đúng thời có thể thống lãnh Phạm chúng, làm Đại phạm vương, một loại như thế gọi là Đại Phạm Thiên.”

“Trời Đế Thích” cũng là đại thiện thân, ở trung ương trời Đạo Lợi, là chúa của 32 trời, cai quản rất nhiều trời và nhân dân, thủ hộ Phật pháp.

“Trời Tự Tại” là trời Tha Hóa Tự Tại, trời thứ 6 cao nhất của Dục giới, tiếng Phạn gọi là “Bà-la-duy-ma-bà-xa-bạt-đề”, Đại Trí Độ Luận quyển 9 nói: “Trời này đoạt chỗ biến hóa của người khác, mà tự vui chơi, nên nói là Tha Hóa Tự Tại.” Câu Xá Luận Sớ, phẩm Thế Gian quyển 1 nói: “Trời Tha Hóa Tự Tại, ở trong sự biến hóa của người khác được tự tại.” Trời này chính là chẳng cần tự mình vui vì biến hiện đủ loại,

mà thích hóa làm trời cõi dưới, mượn việc vui của người khác, tự tại dạo chơi, mới gọi là trời Tha Hóa Tự Tại. Trời này cùng với trời Ma-ê-thủ-la (trời Đại Tự Tại trong trời Tứ thiên) đều là trời Ma vương phá hoại chánh pháp. Ở giữa có cung điện Ma vương. Nhân đây, thường thường sai chúng ma đến thế gian của chúng ta, khiến chúng ta tăng thêm nhiều khổ nạn, đều do những đại ác thần này.

Nhưng Bồ-tát Quán Thế Âm, chẳng quản anh là Thiện thần, đại Ma vương, trời Đế thích hoặc là Ác thần Tự Tại Thiên, đều tế độ như thường. Đây có thể xem Bồ-tát Quán Thế Âm ở thế gian, người thiện thì dùng thiện dẫn dụ, người ác thì dùng ác cảnh giác.

Do đó phương tiện ứng hóa của Bồ-tát, có hai môn nhiếp thọ và chiết phục. Hoặc dùng yêu thương bao dung nhiếp thọ, hoặc dùng sức trừng phạt ngăn cấm chiết phục. Muốn độ chúng sanh tất yếu phải có cả hai phương diện này. Nếu chỉ có ái mà không có lực, thì khó để tuân phục; chỉ có lực mà không có ái, thì dễ vờ sự phản kháng.

Nhân đây, ái và lực, nhiếp thọ và chiết phục đều rất trọng yếu. Người mà thiện thần có thể hóa độ, liền hiện thiện thần hóa độ; người mà ác thần có thể hóa độ, liền hiện ác thần hóa độ.

Có loại người nghe được việc lành của người khác, có thể phát khởi cái lành của chính mình, hoặc thấy cái ác của người khác, dễ dàng phản tỉnh cái ác của mình; căn cơ của chúng sanh rất nhiều, do đó ứng

hiện của Bồ-tát cũng mỗi mỗi bất đồng.

Tâm nếu thanh tịnh, trí tuệ thì giác sẽ mạnh mẽ xuất hiện. Đây là Bồ-tát Quán Thế Âm hóa làm Đại Phạm vương thị hiện ở trong tâm chính mình; tâm nếu không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không hai lưỡi, không ác khẩu, không nói lời vô ích, không xan tham, không sân hận, không tà kiến..., mười đường lành sanh ra, đây là Quán Thế Âm hiện trời Đế Thích để giáo hóa; tâm nếu sanh khởi tà niệm, vọng tưởng, mê mờ trí tuệ của chính mình, thì Bồ-tát Quán Thế Âm hiện thân Đại Tự Tại Thiên đến để phản tỉnh, khiến chúng ta phải tự giác như thế. Một đoạn thuyết pháp này, là phải nên suy đi nghĩ lại.

Ứng dĩ Đại Tự Tại Thiên thân đắc độ giả, tức hiện Đại Tự Tại Thiên thân nhi vị thuyết pháp; ứng dĩ Thiên đại tướng quân thân đắc độ giả, tức hiện Thiên đại tướng quân thân nhi vị thuyết pháp; ứng dĩ Tỳ-sa-môn thân đắc độ giả, tức hiện Tỳ-sa-môn thân nhi vị thuyết pháp.

“Tự Tại Thiên” ở trước là trời thứ sáu cao nhất Dục giới, là đại ác thần. “Đại Tự Tại Thiên” ở đây là trời cao nhất Sắc giới, cũng là đại ác thần. Nhưng Bồ-tát Quán Thế Âm vì sao phải hiện thân ma vương? Về vấn đề này, cư sĩ Duy-ma nói là cứu tà khiến vào Phật đạo. Trong phẩm Bát Tư Nghì ở kinh Duy-ma nói: “Bấy giờ Duy-ma-cật nói với ngài Đại Ca-diếp: Này nhân giả! Trong vô lượng vô số thế giới ở mười phương, người làm ma vương phần nhiều là Bồ-tát trụ giải thoát bất khả tư nghì, giáo hóa chúng sanh nên hiện

làm ma vương.”

Cư sĩ Duy-ma, chúng ta đương nhiên có thể xem là Bồ-tát Quán Thế Âm hiện thân cư sĩ mà thuyết pháp. Đoạn văn này chính là bài thuyết pháp của Bồ-tát Quán Thế Âm. Bồ-tát Quán Thế Âm hiện làm Tự Tại Thiên hay làm Đại Tự Tại Thiên, đều như đoạn kinh Duy-ma này nói. Diệu lực bất khả tư nghì giải thoát của Bồ-tát Quán Thế Âm, không độ hết cõi ma, quyết không ngừng nghỉ. Đây đều là nêu cao bi nguyện.

“Đại Tự Tại Thiên” tiếng Phạn là Ma-ê-thủ-la Thiên, là trời thứ mười tám trong 18 cõi trời Sắc giới, ở đỉnh cao nhất của Sắc giới; hoặc gọi là trời Sắc Cứu Cánh hoặc trời A-ca-ni-trá, cũng gọi là trời Ma-ê-thủ-la. Đại Tự Tại Thiên vương, là thiên chủ của trời này, cõi trâu trắng 3 mắt 8 chân, Ấn Độ cho vị này là bản thể sáng tạo thế giới, là chúa tạo ra muôn loài, do đó được người sùng bái.

Hiện tại âm thanh vi diệu từ bi thuyết pháp của Bồ-tát Quán Thế Âm, tiến vào cõi trời để hóa độ. Nhưng chẳng kể là cõi tịnh của Phạm Thiên, Đế Thích, cũng chẳng kể là cõi ma của Tự Tại Thiên, Đại Tự Tại Thiên. Đây chẳng phải cõi trời nào xa tít, mà là trên thân của chính chúng ta.

“Thiên đại tướng quân” là gia tướng của trời Đế Thích. Lúc Đế Thích và A-tu-la đánh nhau, đại lực sĩ tiên phong ra trận chính là Thiên đại tướng quân, còn gọi là Na-la-diên tướng quân, Kiên Cố Lực Sĩ; Lộ Hình

Thần, Kim Cang Lực Sĩ.

Cửa sơn môn của chùa chiền có hai vua, bên trái là Na-la-diên Kiên Cố Lực Sĩ; bên phải chính là Nam-mật-giá Kim Cang Lực Sĩ, đều gọi là Thiên đại tướng quân.

Bây giờ theo văn kinh mà xem, đây là thị hiện tâm đại dũng mãnh của Quan Âm, đức dũng mãnh của Ngài, dùng sự xuất hiện của Thiên đại tướng quân mà giữ trách nhiệm thủ hộ Phật pháp. Từ sức đại từ, đại trí và đại dũng dẫn phát, Bồ-tát Quan Âm có ba đức viên mãn này, thật là đối tượng được sùng tín trong lý tưởng của chúng ta.

“Tỳ-sa-môn” còn gọi là trời Tỳ-sa-môn hay Thiên chủ Tỳ-sa-môn, tiếng Phạn chính âm là Xá-la-noa, dịch là Biến văn, Phổ văn. Giáo đồ Bà-la-môn gọi vị này là thần tài, là thần gìn giữ tài bảo vàng bạc.

Thần này ngồi trấn tại 9 cung thủy tinh tầng thứ tư ở núi Tu-di. Vì quản lý Dạ-xoa, La-sát do đó còn gọi là Bắc Phương Đa Văn Thiên. Đây là thần đã quay về tin phụng Phật giáo. Trong kinh Tỳ Sa Môn Thiên Vương, những vị này rất có phước đức tiếng tăm. Chân Ngôn Tông và Thiên Thai Tông cũng rất tôn sùng vị thần này. Như thế phước đức của họ từ đâu tới? Ý cứ theo kinh Tỳ-sa-môn Thiên Vương thì Thiên Vương này có 10 phước đức là:

- 1- Phước vô tận.
- 2- Phước mạng sống dài lâu.
- 3- Phước quyền thuộc, ở trên là quả đức do bố thí.

- 4- Phước thiện thức, đây là quả đức do trì giới.
- 5- Phước được yêu kính, đây là quả đức do nhẫn nhục.
- 6- Phước thắng quân.
- 7- Phước ruộng tốt.
- 8- Phước tâm thực, đây là quả đức của tinh tấn.
- 9- Phước Phật quả, đây là quả đức của thiên định.
- 10- Phước trí huệ, đây là ánh sáng trí huệ từ thiên định phóng ra.

Y theo đây mà xem, phước của Tỳ-sa-môn thiên quyết không phải từ ngoài đến, là quả báo nương theo đại hạnh Bồ-tát sáu ba-la-mật mà tu, tự nhiên cảm ứng được. Do đó bất kể là ai, chỉ cần tu hạnh Lục độ là có thể được đủ 10 phước này.

Trong 10 phước này, phước vô tận là thứ nhất, còn gọi là phước biết đủ, là phước thường biết đủ. Một người biết đủ là điều trọng yếu nhất.

Ứng dĩ Tiểu vương thân đắc độ giả, tức hiện Tiểu vương thân nhi vị thuyết pháp; ứng dĩ Trưởng giả thân đắc độ giả, tức hiện Trưởng giả thân nhi vị thuyết pháp; ứng dĩ cư sĩ thân đắc độ giả, tức hiện cư sĩ thân nhi vị thuyết pháp, ứng dĩ Tể quan thân đắc độ giả, tức hiện Tể quan thân nhi vị thuyết pháp; ứng dĩ Bà-la-môn thân đắc độ giả, tức hiện Bà-la-môn thân nhi vị thuyết pháp.

“Tiểu vương” là khác với các Phạm Thiên, Đế Thích, Tỳ-sa-môn ở trước, đây là vua trong nhân gian, do đó gọi là Tiểu vương, còn có thể gọi là Túc tán vương.

“Túc Tán Vương” là nói số Tiểu vương nhiều, nhiều như lúa rải, hoặc là cõi nước do Tiểu vương thống lãnh tên là nước Túc Tán, nhân vì so với vũ trụ to lớn của cõi trời, nó nhỏ như một hạt thóc rải trên đất, vị vua thì gọi là “Túc Tán Vương”.

Vua của trời gọi là Thiên chủ, vua của người gọi là Nhân vương. Trong các vua của người, vua nước lớn gọi là Đại vương, vua nước nhỏ gọi là Tiểu vương. Hoặc là Đại vương còn gọi là Phụ vương, Tiểu vương còn gọi là Thái tử. Tóm lại chẳng kể là đại vương, tiểu vương đều là người chi phối nhân dân.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói: “Nếu các chúng sanh thích làm nhân vương, ta ở trước họ, hiện thân nhân vương mà thuyết pháp cho, khiến họ thành tựu.”

Đây chính là nghĩa quốc vương là người thống trị, người chi phối, dùng sự dũng mãnh lớn, trí tuệ lớn đến giáo hóa nhân dân. Chiếu theo ý này, Thánh chúa minh quân xưa nay đều có thể nói là hiện thân của Quan Âm, do đó có người tán thán quân chủ Thánh Minh là hiện thân của Bồ-tát Quán Thế Âm.

Kính lễ Cửu thế Quán Thế Âm
Truyền đăng Đông phương Túc Tán Vương
Giá tòng Tây phương lai dẫn sanh
Diễn thuyết diệu pháp độ chúng sanh.

Nếu như nói tiểu vương là Thánh chúa minh quân giống như vua A-dục ở Ấn Độ; Tùy Văn Đế, Đường Thái Tông, Minh Thái Tổ, Thanh Thuận Trị Đế của Trung Quốc đều là người hộ pháp trung thực

của Phật giáo, đều có thể xem là hiện thân của Quán Thế Âm. Nếu như nói tiểu vương theo nghĩa Thái tử, chính như thái tử Chiêu Minh đời Lương của Trung Quốc, thái tử Thánh Đức của Nhật Bản hoàng dương chánh pháp dốc hết sức lực cũng có thể xem là hóa thân của Bồ-tát Quán Thế Âm.

Kinh Tâm Địa Quán nói, người chi phối đất nước ắt phải có đủ 10 đức. 10 đức này là:

1- Năng chiếu: dùng mắt trí tuệ, soi chiếu thế giới.

2- Trang nghiêm: dùng đại phước trí trang nghiêm nước.

3- Dữ lạc: cho nhân dân an lạc thái hòa.

4- Phục oán: hàng phục tất cả oán định.

5- Ly bố: hay trừ tai nạn, lìa khủng bố.

6- Nhậm hiền: tập hợp các người hiền, chia lo việc nước.

7- Khiến nhân dân ở yên trong nước.

8- Dùng pháp quản lý thế gian.

9- Nghiệp chủ: các nghiệp đều quy về quốc vương.

10- Tất cả nhân dân lấy vua làm chủ.

Ắt phải dùng 10 đức này giáo hóa dân chúng mới có thể xưng là thị hiện của Quán Thế Âm.

“Thân Trưởng giả”, hiện tại rất nhiều địa chủ, phú ông đều xưng là Trưởng giả. Kỳ thực, địa chủ, phú ông hoàn toàn chẳng phải là trưởng giả đúng đắn. Trưởng giả thứ thiệt ắt cũng cần phải đủ 10 đức.

Trong 10 đức này có 5 đức thuộc về thân, 5 đức thuộc về tâm. Đây theo “Phiên Dịch Danh Nghĩa Tập”, thứ tự nêu ra:

Thân đức: tách quý, vị cao, đại phú, oai mãnh, lớn tuổi.

Tâm đức: trí sâu, hạnh tịnh, lễ đủ, trên khen, dưới phục.

1- Tách quý: con nhà danh giá, hiển dương bốn phương.

2- Vị cao: cấp bậc công huân thấy đều cao trọng.

3- Đại phú: của cải tài sản, phong phú dồi dào.

4- Oai mãnh: uy nghiêm đầy đủ, người đều kính sợ.

5- Tuổi lớn: tuổi phải tròn 50, đức độ hơn người.

6- Trí sâu: trí lự hơn người, mưu tính sâu xa.

7- Hạnh tịnh: phẩm hạnh thanh tịnh, đáng làm mô phạm.

8- Lễ đủ: lễ nghĩa đầy đủ, không sót điều gì.

9- Trên khen: tin dùng đức vang xa, bậc trên đều khen ngợi.

10- Dưới phục: kẻ bề dưới, ngóng đức mà quy phục.

Cư sĩ tiếng Phạn là Ca-la-việt, theo thói thường gọi tín đồ Phật giáo tại gia là Cư sĩ.

Tổ Đình Sự Uyển nói Cư sĩ ắt phải đủ 4 đức:

1- Không mong làm quan.

2- Ít muốn, nuôi đức.

3- Tài sản giàu có.

4- Giữ đạo tự vui.

Luật Thập Tụng nói: Cư sĩ là trừ vua, vương thân và Bà-la-môn, những người áo trắng ở nhà gọi là Cư sĩ.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói: Nếu các chúng sanh, thích bàn danh ngôn, sống đời thanh tịnh, ta sẽ ở trước họ, hiện thân cư sĩ mà thuyết pháp khiến họ thành tựu.

Lại cũng kinh trên khi giảng về “Tể quan” tiếp theo, có nói thế này: “Nếu các chúng sanh, ưa trị nước, chia cắt bang ấp, ta sẽ ở trước họ hiện thân Tể quan mà thuyết pháp khiến họ thành tựu.”

“Tể quan” là quan coi về chính trị, có thể xem là tất cả quan sứ. Chính là nghĩa những người nên dùng thân quan sứ mà được độ, tức hiện thân quan sứ đến để tế độ.

Trung Quốc thời xưa có chín phẩm bậc về quan chức, đều là người vâng pháp nước mà trị dân. Đây đều có thể gọi là Tể quan. Do đó trên từ đại thần xuống đến thôn trưởng cũng đều là Tể quan. Tất cả tể quan nếu như tự mình là hóa thân của Quán Thế Âm, thì nước này bèn có thể đại trị rồi vậy.

“Bà-la-môn” là dòng họ tối thượng trong 4 dòng họ của Ấn Độ. Giáo đồ Bà-la-môn cũng gọi là tăng lữ. Ấn Độ có 4 giai cấp:

1- Bà-la-môn (Tăng lữ)

2- Sát-đế-lợi (Đế vương quân nhân)

3- Phệ-xá (thương nhân)

4- Thủ-dà-la (nông dân).

Sự cách biệt của 4 giai cấp này rất không bình đẳng. Đã không thể kết hôn với nhau, cũng không thể hưởng quyền lợi ngang nhau, sang hèn chia ra rất là đáng sợ!

Phật giáo hoàn toàn bác bỏ sai biệt giai cấp bất bình đẳng này. Tại toàn Ấn Độ, chẳng kể thuộc giai cấp nào, đã vào Phật giáo đều gọi là dòng họ Thích. Nhưng, Bồ-tát Quán Thế Âm, nếu có người cần dùng thân Bà-la-môn để được độ liên hiện thân Bà-la-môn mà thuyết pháp. Người tu hành hoặc người truyền đạo ngoài Phật giáo ra, lúc nào thích đáng cần phải tế độ, Ngài liên hiện thân tế độ. Có thái độ bao dung tín đồ tôn giáo khác này, có thể thấy sự vĩ đại của Phật giáo và Bồ-tát Quán Thế Âm. Tức là người dùng thân nhà Nho hay Mục sư để được độ, Bồ-tát Quán Thế Âm cũng có thể hiện nhà Nho hay Mục sư mà thuyết pháp.

Bà-la-môn tiếng Phạn là Brahmana, dịch là Tịnh Hạnh. Đây là người tịnh hạnh cao quý, từ bỏ pháp ác. Họ học rộng biết nhiều, trong 4 dòng họ, là thuộc giai cấp tăng lữ học giả trên hết. Tự xưng là do Phạm Thiên thời thượng cổ sinh ra, là dòng tộc cao nhất, quyền uy của họ trên Sát-đế-lợi, cho là truyền thánh ý của chư thánh chư thần. Dòng tộc một đời tuân giữ giáo quy rất nghiêm khắc, đến khi đứng tuổi, đều phải học thông những kinh luận 4 bộ phệ-đà, 18 đại kinh.

Đến tuổi 40, sợ đoạn dứt việc nối dõi tông đường, trở về nhà cưới vợ, sanh con nối dõi. Đến 50 tuổi, vào núi tu đạo. Dòng Bà-la-môn này chỉ có ở Ngũ Thiên Trúc, các nước khác không có.

Ứng dĩ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di thân đắc độ giả, tức hiện Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di thân nhi vị thuyết pháp.

Tỳ-kheo là đàn ông xuất gia cạo đầu thọ đại giới cụ túc.

Tỳ-kheo là tăng chúng trong bốn chúng đệ tử của đức Phật. Tiếng Phạn chính xác nên đọc là Bí-sô, dịch là Khất sĩ. Ý nghĩa của Khất sĩ là trên theo Như Lai xin pháp để nuôi huệ mạng; dưới đến người đời xin thức ăn để nuôi sắc thân nên gọi là Khất sĩ. Người ăn xin ở đời chỉ xin áo cơm không xin chánh pháp, không gọi là Khất sĩ. Lại theo nguyên ý của Tỳ-kheo mà giải thích nên có 6 nghĩa:

- 1- Bối ma: Xuất gia rồi, xác lập đạo tâm Bồ-đề, thì các ma sợ hãi.
- 2- Sát tặc: Dem tâm Bồ-tát tu đạo, có thể giết sạch giặc phiền não.
- 3- Khất sĩ: Trên xin pháp của chư Phật, dưới xin thức ăn của chúng sanh.
- 4- Ứng cúng: Bạc trên cầu Bồ-đề đáng thọ nhận 4 việc cúng dường của người tại gia.
- 5- Phá ác: Đạo đức xuất gia có thể giữ 10 cấm giới nặng của Tỳ-kheo, liền có thể phá các niệm ác trong tâm.

6- Vô sanh: Điều đã phá, không cho cảnh giới sanh trở lại.

Tỳ-kheo Ni là âm trại của Bí-sô Ni, dịch là Khất sĩ nữ. Đức Phật xuất gia thành đạo rồi, di mẫu Ma-ha Ba-xà-ba-đề phu nhân là người xuất gia đầu tiên.

Ưu-bà-tắc là nam chúng tại gia đệ tử của Phật thọ trì năm giới nương Phật đạo tu hành, dịch là Cận thiện nam, Cận túc nam, Cận sự nam, nghĩa là thân cận phụng sự Tam bảo. Hoa Nghiêm Sớ Sao giải thích là gần gũi Tỳ-kheo mà thừa sự.

Ưu-bà-di là đệ tử nữ tại gia thọ trì năm giới nương Phật tu hành, dịch là Cận thiện nữ, Thanh tịnh nữ, Cận sự nữ, cũng là nghĩa thân cận phụng sự Tam bảo. Hoa Nghiêm Sớ Sao giải thích là gần gũi Tỳ-kheo ni để thừa sự.

Đệ tử Phật tại gia xuất gia này, cần độ thoát thế nào, sẽ hiện thân như thế mà thuyết pháp.

Thời xưa, đời Lương Võ Đế, đại sư Đạt-ma từ Ấn Độ sang.

- Cái gì là Thánh đế đệ nhất nghĩa? - Lương Võ Đế hỏi đại sư Đạt-ma.

- Rỗng rang không thánh! - Đại sư Đạt-ma đáp.

- Đối diện trẫm là ai?

- Không biết!

Nhân vì lối hỏi đáp này không thể khế hợp căn cơ, đại sư Đạt-ma liền đi đến chùa Thiếu Lâm ở Tung Sơn. Sau Võ Đế quy y với hòa thượng Bảo Chí, bàn

đến việc cũ này.

Hòa thượng Chí Công nói:

- Đạt-ma là hóa thân của Bồ-tát Quán Thế Âm, truyền tâm ấn của Phật.

Tại sao lại nói đại sư Đạt-ma là Bồ-tát Quán Thế Âm tái lai? Đây là chứng minh Bồ-tát Quán Thế Âm hiện thân Tỳ-kheo thuyết pháp. Giống như chuyện này, Bồ-tát Quán Thế Âm hóa hiện Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di mà vì chúng sanh thuyết pháp chẳng biết bao nhiêu mà kể!

Ứng dĩ trưởng giả, cư sĩ, tể quan, Bà-la-môn, phụ nữ thân đắc độ giả, tức hiện phụ nữ thân nhi vị thuyết pháp.

Trong Phật giáo, rất nhiều người vì không tôn trọng phụ nữ, như thuyết pháp kiểu này thật là lầm lẫn! Phật giáo chẳng qua chỉ dạy đàn ông tu hành, sợ có chỗ chướng ngại việc tu do đó nói không nên gần gũi đàn bà, chứ không hề có một điểm xem thường đàn bà.

Chính phụ nữ cũng có thể tu đến địa vị Phật, Bồ-tát. Lúc Phật còn tại thế, như phu nhân Thắng Man, đức Phật đều đã chấp nhận lời thuyết pháp của bà. Hiện tại trong Đại Tạng Kinh còn lưu giữ kinh Thắng Man.

Phu nhân Thắng Man là hóa thân của Phật Phổ Quang, nhưng cũng có thể xem bà là hóa thân của Bồ-tát Quán Thế Âm.

Ở đây có trưởng giả, cư sĩ, tể quan, Bà-la-môn, không nhất định phải câu nệ ở văn tự này, tất cả đàn

bà tại gia, phụ nữ đã làm vợ người, phụ nữ sắp làm vợ người, người đã làm vợ người mà hiện tại ở góa, tất cả đều có thể gọi chung là đàn bà. Nếu bà ta hiện có đại từ bi, đại trí tuệ, đại dũng mãnh, là có thể xem là Bồ-tát Quán Thế Âm thị hiện thuyết pháp.

Kinh Ngọc Da nói: “Rời hẳn nhà mình, lấy nhà chồng làm nhà, cùng chồng khác thân mà đồng lòng, săn sóc cha mẹ chồng như săn sóc cha mẹ mình, tôn sùng kính cẩn, không có tâm kiêu mạn, khéo điều khiển việc nhà, có thể tiếp khách khứa, làm gia đình phong phú, làm rạng danh gia đình, đây là đạo của đàn bà.”

Phụ nữ đến nhà chồng mới hết đạo làm đàn bà, gọi là quy gia. Nhà của cha mẹ mình là nhà giả tạm thời, tiến đến nhà chồng, mới là trở về nhà chân chính.

Do đó phụ nữ và chồng trưởng giả, cư sĩ, tể quan, Bà-la-môn đều cùng chung nêu ra.

Trong ba đức từ bi, trí tuệ, dũng mãnh, thứ nhất là từ bi, nhân vì đạo của phụ nữ, tuy có nhiều thứ nhưng cái căn bản không ngoài từ bi.

Từ bi là cái trọng yếu nhất trong đức tính, Bồ-tát Quán Thế Âm hiện tướng nữ, chính là vì đức tính này, là đại biểu có khả năng nhất của nữ tánh. Vì thế trong nữ tánh nên lấy đây làm đệ nhất.

Nếu là nữ tánh mà thiếu đức tính này, nói tất là không có giá trị của nữ tánh.

Phong khí gần đây, hiện tượng biểu hiện trên xã

hội là cái gì? Nữ tánh phần nhiều thiếu đức tính từ bi này. Trong đó nhất là quan niệm về trinh tiết rất không được chú ý, chỉ vì tiền bạc, tất cả đều có thể không cần. Tư tưởng Âu Tây không lắm, nhưng toàn là nuốt trọng, cứ mô phỏng trên ngoại hình, trọn là điều nguy hiểm! Đức tính của phụ nữ sở dĩ sa đọa, đại khái chính là vì thế.

Hy vọng phụ nữ từ đây về sau, không thể không nuôi dưỡng đức tính tốt đẹp khiêm nhường. Đây không phải chỉ riêng phụ nữ, đàn ông cũng rất cần thiết. Nhưng khiêm nhường và nhút nhát không thể lẫn lộn. Hiểu lầm khiêm nhường mà thành nhút nhát, thì dễ thành khiếm nhược yếu hèn. Đây cũng là cái không đáng giữ.

Đức của nữ tánh nên chú ý nói năng hành động, rất trọng yếu, là đức tính tốt đẹp không thể thiếu.

Ứng dĩ đồng nam, đồng nữ thân đắc độ giả, tức hiện đồng nam đồng nữ thân nhi vị thuyết pháp.

Đồng nam, đồng nữ, đây là con trai và con gái suốt đời không bị nhiễm ái dục, không nhất định chỉ riêng cho trẻ thơ. Đến 40, 50 tuổi, đàn ông không lấy vợ, đàn bà không lấy chồng đều có thể gọi là đồng nam, đồng nữ. Nhưng lối nói như thế, lại không bằng đem đồng nam đồng nữ rất gần sự thật ấu thơ ra nói tốt hơn. Chuyện hiện thân đồng nam đồng nữ mà độ những chúng sanh ngoan cố rất nhiều, rất nhiều.

Ngày xưa dưới thành Quảng Đảo nước An Nghệ, có một người tên Hồ Bình Vệ. Nhưng mọi người thích

gọi ông là Phật Hồ Bình Vệ. Ông ta là một người đánh ngựa thồ, sống đời cùng khổ, nhân vì từ bi nên rất được người tôn kính.

Trước kia, ông vốn là một tên hung ác tham lam tà kiến. Mọi người ghê sợ ông ta như rắn độc, đều gọi ông ta là quỷ Hồ Bình Vệ. Vì sao mà Hồ Bình Vệ thậm chí bị gọi là quỷ, hiện tại lại có thể đổi gọi là Phật Hồ Bình Vệ? Việc này té ra có một đoạn đạo lý sau đây:

Hồ Bình Vệ đánh xe ngựa thồ, có lần bị bệnh, nằm giường rất lâu. Một đêm, vợ ông vỗ lưng người chồng bệnh mà nói:

- Vật có thể bán được đã bán sạch rồi. Bây giờ chẳng có lấy một đồng, không còn cách nào, ngày mai chắc tôi phải đi xin ăn!

Ông chồng nghe xong cũng rơi nước mắt, vợ chồng cùng than thở. Lúc ấy đứa con 8 tuổi tên Vạn Tạng nằm bên đang trườn mền vùng khóc ré lên.

- Vì sao khóc? Nằm mơ thấy gì hả? – Người mẹ hỏi con thơ của mình.

- Không! – Vạn Tạng đáp – Mẹ! Ngày mai con đi đánh xe ngựa thồ, mẹ đừng bắt con đi xin ăn!

Người mẹ chẳng biết con mình nghĩ gì trong lòng, sáng sớm ngày thứ hai, Vạn Tạng dẫn ngựa ra chuẩn bị đi. Vì là một đứa bé thấp lùn, không thể đặt yên lên lưng ngựa. Người mẹ thấy con có tâm thù thắng như thế cũng cảm động, nhân đây giúp con đặt yên, trong lòng một mặt lo lắng, một mặt cũng hối con đi.

Hôm ấy không có việc gì xảy ra. Đến chiều, lúc trở về, chú cầm một chút tiền. Mỗi ngày cứ như thế đi làm.

Lại một hôm trời chiều, quý Hồ Bình Vệ lành bệnh, chạy đến chỗ mã phu tụ họp tìm việc, thấy Vạn Tạng cột ngựa ở đó ngồi khóc.

- Ủa! Vì sao cột ngựa ở đây mà khóc? Chẳng lẽ đau bụng hả? Mau lên một chút đi kiếm việc làm!

- Không! Con không phải đau bụng mà khóc, mà vì hôm nay họ chẳng cho con chở gì cả!

- Sao? Vậy mà khóc hả? Đây là việc thường có, có cách nào khác! Con ăn cơm chưa?

- Không ăn, vì không có việc làm, do đó đem cơm về cho cha mẹ.

- Ôi! Vậy sao? Không có việc thì không ăn cơm à!

- Dạ! Đúng vậy! – Vạn Tạng thật tình đáp.

Hồ Bình Vệ nghe xong rất cảm động và bội phục con mình.

- Con sanh trong nhà ta, một chút cơm là cái được ăn!

Hồ Bình Vệ nói xong, dẫn cậu về nhà. Vợ của Hồ Bình Vệ nghe xong rồi cũng rất buồn bực, liền nướng một mâm cá an ủi cậu. Vạn Tạng ăn cơm xong, không ăn cá.

- Ủa! Sao con không ăn cá? – Cha mẹ đều hỏi cậu thế.

- Vì con không muốn ăn, không biết vì sao. Chỉ nhớ trong nhà mình, quá khứ lúc cha mẹ không biết

lạ cái gì, một chút cá thịt cũng không ăn, do đó con cũng không ăn.

Hồ Bình Vệ nghe xong cảm động nước mắt tuôn rơi, từ đó về sau, sửa đổi lòng dạ hung bạo thành Phật Hồ Bình Vệ.

Chú bé Vạn Tạng 8 tuổi này, thật có thể xem là hiện thân của Bồ-tát Quán Thế Âm, tâm quỷ của Hồ Bình Vệ chuyển thành tâm Phật, chính là tà chánh nhất như, chỉ cách bề trong và bề ngoài của một trang giấy mà thôi.

Kế đó, nêu thêm hai sự kiện có thật thị hiện thân đồng nữ:

Cuối đời Mãn Thanh, chính là khoảng Minh Trị Đại Chính của Nhật Bản, Lục-áo Tông Quang được coi là nhà ngoại giao bậc nhất của Nhật Bản, lúc chiến tranh Trung Nhật kết thúc, chính phủ phái ông và Y Đằng Bác Văn đại biểu Nhật Bản cùng đại biểu Mãn Thanh Lý Hồng Chương đến Hạ Quan đàm phán giảng hòa. Lúc ấy cô con gái 17 tuổi của ông đang bệnh liệt giường, bất cứ ai nhìn thấy cũng đều cho là tiểu thư của ông bị bệnh bất trị. Tông Quang đã là đại thần của một nước, lại mang trách nhiệm đàm phán giảng hòa, đương nhiên chẳng thể vì việc riêng ở lại săn sóc con gái mà không lo việc đại sự quốc gia.

Thế là, Tông Quang với vài câu an ủi con gái. Lúc ông lên đường, nén đau gọi người trong nhà lại nói, cho dù có tai biến trọng đại nào cũng không cần báo cho ông.

Lại nói cuộc đàm phán giảng hòa sắp đến lúc ký tên đóng dấu, bỗng nét mặt Tông Quang có chút vẻ khó coi hiện ra, Y Đằng trông thấy rất lo, hỏi ông vì sao.

- Không có, không có gì!

Trong lòng Tông Quang dường như có điều khó nói. Y Đằng càng thêm nôn nóng hỏi dồn. Tông Quang đành kể thật:

- Thật là vì con gái tôi mang bệnh bất trị, nghe nói chúng ta đàm phán sắp xong, trong nhà mới nhận tin con gái tôi cuối cùng không thể cứu được, trước khi lâm chung có một vấn đề muốn hỏi tôi. Nghĩ đến con gái yêu quý của mình đã biết bệnh mình không trị được, mong nói với tôi một lời, nhưng tôi thân mang trọng trách, hôm nay làm sao về được? Trong lòng phiền não dấy lên, đại khái là hiện lên mặt.

Y Đằng nghe xong rất thông cảm nói:

- Đã sắp ký tên đóng dấu rồi, anh có thể ủy thác cho tôi làm, mau về gặp mặt con gái cưng của anh đi.

Tông Quang vui mừng lên đường trở về.

Lại nói tiểu thư thấy cha về, hỏi cha:

- Cha ơi! Con đã biết không cứu được rồi, con sắp chết nhưng sau khi chết con sẽ đi về đâu?

Tông Quang tuy là một nhà chính trị lớn, vấn đề này lại không có cách trả lời. Ông nghĩ đến chính mình tại sao xưa nay không nghĩ đến chuyện này? Dùng sức mình tuy muốn kéo dài mạng sống của con một chút mà cũng không thể được. Nhưng đã là cha

con, con gái hỏi sau khi chết đi đâu? Câu hỏi này đáp chẳng ra, như thế thật bi ai! Bây giờ phát giác điều này ngay nằm mộng cũng không nghĩ đến, lại không thể trả lời bậy bạ. Ông nghĩ đi nghĩ lại, cuối cùng nói thế này:

- Cha có thể chẳng biết nói đi đâu, nhưng mẹ con bất cứ việc gì, thậm chí đến sanh và tử cũng đều phó thác cho Bồ-tát Quán Thế Âm. Do đó, đây là điều chẳng lầm, hành tung của con nhất định có Bồ-tát Quán Thế Âm dẫn lối!

Con gái Tông Quang nghe cha nói có vẻ yên lòng chấp tay hướng Bồ-tát Quán Thế Âm rồi nhắm mắt qua đời.

Từ đây về sau, Tông Quang do động cơ này, quy y Phật giáo, thành một người tu hành vĩ đại. Về việc này, Tông Quang cho rằng Bồ-tát Quán Thế Âm hóa thân mở mắt tâm mê mờ cho ông, Tông Quang tin sâu như thế và đem nó công bố cho mọi người.

Lại có một chuyện liên quan đến tình hình này:

Ngày xưa ở chốn nọ có một cặp vợ chồng rất tham lam bòn xén, trong nhà tài sản rất sung túc nhưng sự tình của công chúng xung quanh, họ keo kiệt không giúp ai được một đồng. Cùng người giao tế, bàn đến việc tốn tiền thì không đến nữa. Việc kiếm ra tiền thì chỉ sợ mình không đến trước được.

Dưới gối của vợ chồng này có một cô con gái, xem như con trai, họ thương yêu như ngọc quý trên tay. Tuy tham lam bòn xén, nhưng ngược lại đối với con

gái lại chiều chuộng mềm mỏng. Thật là thích gió có gió, thích mưa có mưa, bất cứ cái gì đều kiếm cách làm tròn ý nguyện của con, chẳng để con cảm thấy đau khổ tí nào trong cuộc sống. Họ cứ thế nuông chiều con gái.

Trên đời rất cuộc việc không vừa lòng lại nhiều. Con gái nhỏ mắc bệnh nằm liệt giường, vì bệnh của ái nữ, họ tìm thầy thuốc cố nhiên khỏi cần nói, hễ việc gì làm được đều hết sức mà làm, chỉ cần làm được là làm, nhưng đều không kiến hiệu. Lúc thọ mạng sắp hết, đây là việc không cách vãn hồi. Bây giờ cô gái nhỏ biết rằng chỉ còn đợi hơi thở cuối cùng. Vợ chồng keo kiệt thấy con mình sắp tắt thở bèn đến bên gối con nói:

- Con cần gì không? Bất cứ vật gì, chỉ cần con nói là cha mẹ sẽ mua cho con.

Cha cô nói thế, cô nương bé nhỏ nọ lập tức đặt cánh tay ồm yếu lên đầu gối cha:

- Cha mẹ nuôi nấng con không có việc gì không như ý con. Con vốn rất mãn nguyện, nhưng bây giờ lại có một ước muốn, chỉ cần việc này tròn đủ thì con chẳng mong gì nữa.

- Cái gì? Con hãy nói nghe! – Cha mẹ đều khẩn thiết hỏi cô.

- Như thế thì con nói đây! Lúc còn sống, tất cả của cải cha mẹ đều chịu cho con xài, bây giờ con sắp chết, có cách gì đem theo một chút tài sản đó không?

Bị câu hỏi này, vợ chồng biết rõ không thể mang

đi, nhưng lại không thể đáp rõ ràng cho cô. Ngay lúc không biết đáp thế nào, vẻ mặt cô gái nằm trên giường dần dần biến đổi, cô tắt thở.

Đôi vợ chồng này nghĩ tới việc không đáp được vấn đề cuối cùng của con gái, trong lòng ôm lấy nỗi dày vò vô hạn. Họ rất áy nỡ, vì sao quá khứ không chú ý đến việc này chút nào? Vì không chú ý đạo lý, do đó lúc con gái có yêu cầu sau cùng, đã khiến họ bó tay hết cách. Nếu như bình thường nghe một chút Phật pháp, lần này chẳng phải có thể giảng trước mặt con gái sao? Đáng hận quá khứ trong lòng chỉ nghĩ đến tiền, tiền, tích trữ tiền! Ngoài ra không biết gì cả, đây là việc rất đáng buồn! Từ đây vợ chồng họ bèn phát tâm thăm viếng cao tăng học đạo, giống như được sanh lại lần nữa, sau đó trở thành một nhà đại từ thiện.

Cô nương nhỏ bé này chính là dùng thân đồng nữ thuyết pháp cho cha mẹ, đích xác có thể xem là hóa hiện của Bồ-tát Quán Thế Âm.

Phẩm 27 trong kinh Pháp Hoa có ghi hai người là thái tử Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn, khuyên cha mẹ tiến vào Phật đạo, dùng đồng nam đồng nữ làm duyên, khiến cha mẹ phát tâm Bồ-đề, điều này kể ra không ít.

c- Thân Bát Bộ, Thân Chấp Kim Cang

Ứng dĩ Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, nhân, phi nhân đẳng thân đắc độ giả, tức giai hiện chi nhi vị thuyết pháp.

Phần trước là thuyết pháp cho người, từ đây là hiện thân thuyết pháp cho Long Ca-la Bộ. Thiên long bát bộ còn gọi là Bát bộ long thần, vì Thiên long đứng đầu trong 8 bộ chúng. 8 bộ là:

1- Trời, 2- Rồng, 3- Dạ-xoa. 4- Càn-thát-bà, 5- A-tu-la, 6- Ca-lâu-la, 7- Khẩn-na-la, 8- Ma-hầu-la-già.

Bây giờ giải thích từng bộ như sau:

1- Trời: là dịch âm của chữ Đề-bà, có 6 trời cõi Dục và các trời cõi Sắc và Vô sắc.

Pháp Hoa Luận nói: “Thanh tịnh trong sáng, tối tôn tối thắng nên gọi là trời. Đây là gọi chung các Thiên bộ cõi vui ngoài Đế Thích, Tự Tại Thiên, Tỳ sa môn thiên ra.

2- Rồng: tiếng Phạn là Na-già, là vua của loài cầm thú dưới nước. Thân rồng ẩn hiện tự tại khắp nơi. Kinh Pháp Hoa có kể tên 8 vua rồng lớn.

3- Dạ-xoa: Đây là quỷ mạnh mẽ, quỷ bạo ác, loài quỷ có thể phi hành trên hư không.

4- Càn-thát-bà: Tiếng Phạn là Ngạn-thát-phược, dịch thành nhiều thứ không đồng: tầm hương, thực hương, khướu hương, hương thân, dùng mùi thơm làm thức ăn, tấu kỹ nhạc hầu Đế Thích, thường ở phía Nam núi Tu-di, trong hang Kim Cang, có thể phi hành trên hư không.

5- A-tu-la: Chính âm nên đọc là A-tố-lạc, dịch là phi thiên, quả báu của họ giống như trời mà không phải trời là một loại quỷ thần, cũng dịch là không

đoan chính, nghĩa là đàn ông thì xấu, đàn bà đẹp dễ, còn dịch là không rượu, vì đời trước thích rượu, mà không thể tùy thuận ý mình, nên giữ giới không uống rượu. A-tu-la, rất nhiều nơi gọi tắt là Tu-la.

Tu-la đời trước tuy cũng tu Ngũ giới, Thập thiện, nhưng họ có tâm ngã mạn lấn lướt người khác, niệm đố kỵ rất mạnh, sau khi chết liền thành A-tu-la, hay ganh ghét với trời Đao Lợi, nên hằng có chiến đấu, thường chịu khổ vạc đồng, kiếm kích...

Người thế tục dễ dàng nổi giận gọi là bị lửa giận Tu-la thiêu đốt, là từ đây mà ra. Tu-la không nhất định là ở trên trời, loài người khắp nơi đều có Tu-la.

6- Ca-lâu-la: là một quái điểu trong thần thoại Ấn Độ, âm tiếng Phạn là Yết-lộ-trà, dịch là Chim cánh vàng hay Diêu xí điểu; còn gọi là Ca-lâu-la vương, tức là vua các loài chim ở trong Đại Thiết Thọ phương bắc núi Tu-di, lông cánh màu vàng, hai đầu cánh cách nhau 336 dặm. Ngày ngày đi tuần 4 thiên hạ ở núi Tu-di, bắt rồng mà ăn. Trên đầu có đeo châu như ý, thường phun lửa mạnh, do đó còn có tên là Ca-lâu-la viêm.

7- Khẩn-na-la: Chính âm tiếng Phạn là Kililmara, dịch là Nghi nhân hay Nghi thần vì hình người mà trên đầu có một sừng, người trông thấy thường nghi là giống như người hay không phải người, nên có tên này, là nhạc thần của Đế Thích, hay dùng ca múa hầu hạ Đế Thích, hình dáng hơi giống thân người đầu ngựa, thân chim đầu người.

8- Ma-hầu-la-già: chính âm là Mâu-trá-lạc-ca, dịch là Đại Phúc Hành hay Mãng thân, là hình người đầu rắn.

Tám bộ trời rồng đã nói như trên. Những bộ này xưa nay đều xuất phát từ thần thoại Ấn Độ. Vì người Ấn Độ trước khi Phật ra đời, đều lấy những vị này làm đối tượng thờ phượng. Do đó, sau khi Phật thành đạo, quán căn cơ để thuyết pháp, tùy duyên nhiếp hóa, tất cả ác ma, thần, quỷ, tướng trời, trong Phật giáo đều bao dung hết, để ban cho họ cơ hội tiến vào đại đạo chân chính.

Câu “nhân phi nhân đấng” là gọi chung 8 chúng này. Trong 8 bộ chúng, có chúng giống người mà lại không phải là người như Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già. Có chúng hoàn toàn không phải người như rồng... do đó nói “người và không phải người...”

Ở trên đã nói, chính là hiển thị núi sông đất đai, hữu tình vô tình, bất kể là vật gì đều là đối tượng để Bồ-tát Quán Thế Âm Phổ Môn thị hiện giáo hóa.

Ứng dĩ Cháp Kim Cang thân đắc độ giả, tức hiện Cháp Kim Cang thần nhi vị thuyết pháp.

Cháp Kim Cang thân, tiếng Phạn là Bạt-xà-la ba-nị. Bạt-xà-la dịch là Kim Cang, Ba-nị dịch là Thủ (tay). Vì tay cầm chày Kim Cang, do đó gọi là Cháp Kim Cang thân hoặc gọi là Kim Cang Mật Tích thiên, Kim Cang Thủ, Kim Cang Lực Sĩ... vì thống lãnh 500 Dạ-xoa, do đó còn gọi Kim Cang Dạ-xoa.

Đây có thể gọi là thần thủ hộ Phật giáo. Ở bên

cửa lớn của chùa chiền có thờ hai vị vua, bên phải là Kim Cang thân, bên trái là Mật Tích Lực Sĩ. Mặt phải biểu thị thiện, mặt trái biểu thị sự đoạn hoặc. Do đó mặt phải mở miệng thành chữ “A”, mặt trái ngậm miệng thành chữ Hống. Đây gọi là hai tướng A Hống. Kỳ thực là một vua biến hóa, hai vua thực tại là một thể.

Nói tóm lại, ý Bồ-tát Quán Thế Âm hiện tướng vị thân này mà thuyết pháp. Kim Cang là kiên cố, nếu như dùng sự kiên cố này đoạn trừ lậu hoặc sanh thiện thì tinh thần nhất trí, việc gì chẳng thành? Mặc cho khó khăn thế nào, sức kiên cố kim cang cũng phá tan được.

Chấp Kim Cang chỉ là biểu hiện nhân cách kiên nhẫn khó lay chuyển.

Ở trên là 33 thân, 19 thuyết pháp nổi tiếng của Bồ-tát Quán Thế Âm, đến đây đã xong. 33 thân từ hiện thân Phật thứ nhất đến hiện thân thân Chấp Kim Cang cuối cùng, có 33 thân chia làm 19 lần thuyết pháp. Kỳ thực, theo lý mà giảng thì chẳng hạn cuộc ở 33 thân, 33 thân là chỉ ý nghĩa vô tận. 33 thân, 19 thuyết pháp, theo đồ biểu sau:

BA MƯỜI BA THÂN

Thân Chấp Kim Cang	Thân 8 bộ	Hai thân trẻ con	Bốn thân nữ	Bốn thân chúng	Năm thân người	Sáu thân trời	Ba thân thánh
Thân A-tu-la, Thân Ca-lâu-la, Thân Khẩn-na- la, Thân Ma-hầu-la- già	Thân trời, Thân rồng, Thân Dạ-xoa, Thân Càn-thát-bà	Thân đồng nam, Thân đồng nữ	Thân phụ nữ trưởng già, Thân phụ nữ Tế quan, Thân phụ nữ cư sĩ, Thân phụ nữ Bà- la-môn	Thân Tỳ-kheo, Thân Tỳ-kheo ni, Thân Uú-bà-tắc, Thân Uú-bàdi	Thân Tiểu vương, Thân trưởng già, Thân cư sĩ, Thân tể quan, Thân Bà-la- môn	Thân Đại tướng quân, Thân Tỳ- sa-môn	Thân Phật, Duyên giác, Thanh vấn
1 thuyết pháp	1 thuyết pháp	1 thuyết pháp	1 thuyết pháp	1 thuyết pháp	5 thuyết pháp	6 thuyết pháp	33 thuyết pháp

33 thân, tức 19 thuyết pháp, tức như trên đã nói.

Ở trước đã nói, 33 thân là chỉ số nhiều, không phải chỉ cho 33 thân này. Chúng ta có thể xem là tất cả sự tướng trong vũ trụ cái có thể khai phát chúng ta sanh tâm đại từ bi, đại trí tuệ, đại dũng mãnh, đều là thị hiện của Bồ-tát Quán Thế Âm.

Vô Tận Ý! Thị Quán Thế Âm Bồ-tát, thành tựu như thị công đức. Dĩ chủng chủng hình, du chư quốc độ, độ thoát chúng sanh.

Mặt trước từ hiện thân Phật đến hiện thân thần Cháp Kim Cang là thị hiện sự hiện thân mỗi mỗi chẳng đồng của Bồ-tát Quán Thế Âm, đó gọi là đáp riêng, đoạn này là đáp chung. Đức Phật đáp chung rằng: “Vô Tận Ý! Bồ-tát Quán Thế Âm thành tựu công đức lớn như mặt trước thị hiện, hiện các thứ thân hình, đạo các thế giới mười phương, độ thoát tất cả chúng sanh”.

33 thân là thị hiện số vô lượng. Đến một câu “dùng các thứ thân hình” trong đoạn văn này cũng có thể thấy rõ.

Xưa nay, bản địa của Bồ-tát Quán Thế Âm đã sớm là Phật Chánh Pháp Minh, pháp thân trùm khắp ba ngàn đại thiên thế giới. Quán Thế Âm vốn đã sớm thành Phật, ứng với niệm của chúng sanh, phân thân hóa hiện, vì là xứ xứ thân do đó xứ xứ hiện, giống như một vầng trăng sáng trên bầu trời, muôn sông muôn hiện. Đây tức là nói không những là 33 thân, không những là 19 thuyết pháp, Bồ-tát Quán Thế Âm có thể

hiện mấy ngàn mấy trăm ức muôn thân, có thể thuyết mấy ngàn mấy trăm ức muôn pháp. Trong kinh Kim Quang Minh nói: Chân pháp của Phật, giống như hư không, ứng vật hiện hình, như mặt trăng trong nước.

Đây chính gọi là “dùng các thứ thân hình, đạo các cõi nước, độ thoát chúng sanh”.

2- Anh Lạc Cúng Đường

Thị cố nữ đẳng ứng dương nhất tâm cúng đường Quán Thế Âm Bồ-tát, thị Quán Thế Âm Bồ-tát ma-ha-tát, ư bố úy cấp nạn chi trung. Năng thí vô úy, thị cố thử Ta-bà thế giới, giai hiệu chi vi thí vô úy giả.

“Thế nên” là lời nương ở trên để bắt đầu đoạn dưới, Bồ-tát Quán Thế Âm vì có các thứ công đức như trên, do đó đức Phật khuyên chúng sanh nên một lòng cúng dường Bồ-tát Quán Thế Âm. Cái “một lòng” này như trước đã nói rất là quan trọng.

Nếu như không phải một lòng, thì tinh thần tản mạn chẳng thể được mười phần công đức của Bồ-tát. Tâm nếu chuyên ý thì tinh thần tập trung, cần gì ứng nấy.

Cái “một lòng” này chính là tâm của Bồ-tát Quán Thế Âm. Nếu như miệng thường niệm thánh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, ý thường suy nghĩ từ bi của Bồ-tát Quán Thế Âm, thân thường có đủ thành ý cung kính lễ bái, thì ba nghiệp thân miệng ý của chúng ta cùng với ba nghiệp thân miệng ý của Bồ-tát Quán Thế Âm nhất trí. Đem Bồ-tát Quán Thế Âm trong tâm chúng

ta gọi đây. Tâm chúng ta và tâm Bồ-tát Quán Thế Âm hợp nhất, đem tâm này để cúng dường.

“Cúng dường” nghĩa là cung cấp giúp nuôi dưỡng, mặt này bao hàm có nhiều cách, bây giờ cái muốn nói là ba nghiệp cúng dường. Trong Pháp Hoa Văn Cú nói: Thân nghiệp cúng dường là lễ bái, khẩu nghiệp cúng dường là xưng tán, ý nghiệp cúng dường là quán tưởng tướng tốt. Trong kinh Đại Đồng lại chia ra lý cúng dường và sự cúng dường. Hiểu lý mà chứng nhập gọi là lý cúng dường, cúng hương hoa quả phẩm... gọi là sự cúng dường. Lý và sự, sự và lý, viên dung vô ngại. Nếu như tâm hội được lý, thì thân hiện sự. Nếu như thân hiện sự thì tâm hội lý. Lý và sự nhất trí, tâm và thân nhất như, mới đủ nghĩa thành ý cung kính.

Tiếp theo là giải thích “Quán Thế Âm Bồ-tát ma-ha-tát”. Ma-ha là lớn, do đó còn gọi Bồ-tát Quán Thế Âm là Đại Bồ-tát. “Bố úy” nghĩa là rất sợ sệt khủng khiếp. “Cấp nạn” là một loại khó khăn rất khó ứng phó. Nếu như lúc chúng ta ở chỗ sợ hãi, bị giam hãm chỗ khó khăn, dưới trạng thái tối lui đều cùng đường, Bồ-tát Quán Thế Âm này sẽ có thể ban cho chúng ta sự không sợ hãi, do đó ở thế giới Ta-bà này, sợ hãi bí lối đây đây trong đây. Trong thế giới sợ hãi quá nhiều này, khiến chúng ta được một chút an tâm đều là do Bồ-tát Quán Thế Âm ban cho. Trong kinh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm, Bồ-tát Quán Thế Âm bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Con lại dùng cái nghe này huân văn - tu, Kim Cang tam-muội, Vô tác diệu lực, cùng tất cả chúng sanh trong sáu đường thuộc ba đời ở

khấp mười phương đồng bi ngưỡng, khiến các chúng sanh ở thân tâm con được 14 loại công đức vô úy.

Trong 14 loại vô úy này, loại trọng yếu nhất lại là dùng đức đại trí tuệ, đại từ bi, đại dũng mãnh làm tất cả việc. Nếu có thể như thế, tức đã có thể thư thái chẳng sợ.

Nếu dùng trí tuệ, hiểu được đạo lý thật tướng của các pháp. Trên từ bi, có bác ái mình người bình đẳng; trên dũng mãnh có tinh thần chiến thắng bất cứ khó khăn nào. Có sự giác ngộ này, trên thế gian chẳng còn sợ hãi nữa. Bồ-tát Quán Thế Âm có thể khiến chúng sanh đến được an định này, nên gọi là “Thí vô úy”.

Phật giáo nói bố thí chia làm 3 loại:

1- Tài thí: Ban cho vật chất có hình tướng.

2- Pháp thí: Ban cho chân lý vô hình.

3- Vô úy thí: Khiến cho trên vật chất, trên tinh thần được an tâm không sợ sệt.

Bất kể tài thí, pháp thí đều không thể rời vô úy mà đạt được mục đích.

Bồ-tát Quán Thế Âm dùng vô úy này bố thí, có thể khiến chúng ta an thân lập mạng, nên ở đây phải nhất tâm cúng dường.

Vô Tận Ý Bồ-tát bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Ngã kim đương cúng dường Quán Thế Âm Bồ-tát”, tức giải cảnh chúng bảo châu anh lạc giá trị bách thiên lượng kim, nhi dĩ dĩ chi, tác thị ngôn: “Nhân giả! Thọ thử pháp khí trân bảo anh lạc.”

Bồ-tát Vô Tận Ý nghe công đức rộng lớn của Bồ-

tát Quán Thế Âm như trên đã nói, nhân đây bạch với đức Phật: “Con muốn cúng dường Bồ-tát Quán Thế Âm”. Nói xong, bèn cỡi anh lạc giá trị cao quý có gắn bảo thạch dâng lên Bồ-tát Quán Thế Âm, thưa: “Nhân giả! Mong Ngài nhận món pháp thí này!” “Anh lạc” là vật trang sức làm đẹp thân của Ấn Độ . Trên đầu gọi là “anh”, trên thân gọi là “lạc”, phẩm chất y theo thân phận mà có nhiều loại khác nhau. Căn cứ phong tục này, Phật Bồ-tát cũng dùng nó để trang nghiêm.

Nhưng theo lý của đoạn văn kinh này mà quan sát hoàn toàn không phải là chỉ bảo thạch bằng vàng bạc chạm trở hữu hình, Bồ-tát Vô Tận Ý nhiều kiếp tích lũy công đức vô tận, anh lạc trang điểm trên thân Bồ-tát chẳng qua là lấy để ví dụ mà thôi.

Do đó, Bồ-tát Vô Tận Ý đem anh lạc dâng cho Bồ-tát Quán Thế Âm đều không phải tài thí hữu hình, mà là pháp thí vô hình, nên trong kinh gọi là pháp thí, trên bảo anh lạc trong kinh thường lấy anh lạc dụ cho công đức. Kinh Bốn Nghiệp Anh Lạc nói: “Ánh sáng là trăm vạn a-tăng-kỳ công đức, anh lạc là ánh sáng, trang điểm thân Phật.”

Lại nói: “Tất cả Bồ-tát, dùng anh lạc công đức, trang nghiêm hai loại pháp thân của Bồ-tát.”

Hai loại pháp thân tức là lý pháp thân và trí pháp thân. Trí pháp thân là giác ngộ nương sức tu hành mà mài luyện ra. Lý pháp thân là đức tánh của chân như sẵn có đầy đủ xưa nay. Đức của chân như tuy người người vốn có, chẳng ai không có, nhưng

không tu trì thì không thể chứng được. Cái đạt được do nương tánh khởi tu là trí pháp thân.

Lý pháp thân xưa nay là giác, tức là Bản giác, nhưng ánh sáng của Bản giác ẩn dấu, nếu dùng sức tu hành tức được Thủy giác; Trí pháp thân tức là Thủy giác đạt được. Nhưng nếu chứng giác đến thủy - bổn không hai; lý - trí nhất như, hai loại pháp thân này bèn hợp làm một. Hiện tại Vô Tận Ý đại biểu trí tuệ vô tận, Quán Thế Âm hiển thị từ bi rộng lớn, do đó đem công đức của phương tiện trí tuệ tích tụ vô tận, lại hiển hiện cúng dường cho từ bi quảng đại vô biên; cũng chính là dùng trí tuệ của Vô Tận Ý cấp cho Quán Thế Âm đại từ bi.

“Nhân giả” là người muôn hạnh đại bi, tức là Bồ-tát, chỗ này chỉ ngài Quán Thế Âm.

Một tiết Vô Tận Ý đem anh lạc cúng dường, kinh Duy Ma là chú cước bộ Phổ Môn Phẩm này. Giải thoát không nghĩ bàn của Duy-ma chính là sức diệu trí của Quán Thế Âm, Duy-ma-cật chính là Quán Thế Âm hiện thân cư sĩ thuyết pháp. Tiết này cùng lúc cuối của phẩm Bồ Tát thứ tư của kinh Duy-ma, trưởng giả Thiện Đức đem anh lạc tặng cư sĩ Duy-ma, hoàn toàn giống nhau.

Một chương Thiện Đức trong kinh Duy-ma, Duy-ma-cật là đối thủ của trưởng giả Thiện Đức. Có lần trong nhà trưởng giả Thiện Đức bày 7 hội bố thí cúng dường tất cả Sa-môn, Bà-la-môn và các ngoại đạo, người nghèo, thấp hèn, cô độc, ăn mày, đây là tài thí.

Duy-ma liền hướng trưởng giả Thiện Đức khai thị rộng lớn về lợi ích pháp thí. Trưởng giả Thiện Đức nghe xong sanh tâm thanh tịnh, hoan hỷ vô lượng, liền cởi anh lạc bảo châu giá trị trăm ngàn lạng vàng dâng cho Duy-ma, biểu thị lợi ích lớn do lìa tài dục, ưa thích pháp thí.

Trong bộ Phổ Môn Phẩm này, một tiết Vô Tận Ý cúng dường, Bồ-tát Quán Thế Âm mở cửa đại bi, để dạy pháp thí lớn, do đó Vô Tận Ý bèn sanh lòng cảm tạ, đem anh lạc bảo châu hữu hình của chính mình, dâng Quán Thế Âm. Anh lạc này như mặt trước đã nói, nên xem là công đức tích lũy.

Thời Quán Thế Âm Bồ-tát bất khảng thọ chi. Vô Tận Ý phục bạch Quán Thế Âm Bồ-tát ngôn: “Nhân giả! Mẫn ngã đẳng cố, thọ thử anh lạc.”

Bồ-tát Vô Tận Ý thành tâm thành ý đặc biệt đem anh lạc tặng cho Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Quán Thế Âm chẳng chịu tiếp nhận, vì sao mà không chịu nhận? Vì cái người thường mong muốn là tài vật, là danh dự, ở đây Bồ-tát Quán Thế Âm không chịu nhận, một mặt là biểu thị không tham của báu này, tất yếu là Bồ-tát Quán Thế Âm thật không có cầu. Từ phương diện Bồ-tát Quán Thế Âm mà nhìn, Ngài có đủ công đức vô lượng vô biên, công đức của anh lạc ấy sớm đã nghiêm sức thân mình. Ở phương diện con người mà nhìn, bất cứ ai cũng đều có giữ báu Phật tánh vô giá, hoàn toàn không có cái gì cho và nhận để nói. Trên cảnh giới bình đẳng tuyệt đối mà xem thì không có ghét yêu lấy bỏ tương đối nào để nói. Vì để bày rõ lý

này, do đó chẳng chịu tiếp nhận.

Nhân đây Bồ-tát Vô Tận Ý lại dâng lên nói: “Vì thương xót chúng con, xin thỉnh Ngài tiếp nhận cho!” cảnh tương đối phân biệt ta và người mà nhìn, Bồ-tát Quán Thế Âm chẳng cần cũng chưa thể biết, nhưng vì thương xót tất cả chúng sanh lại thỉnh Ngài nhận, Ngài cũng nhân đây mới chịu tiếp nhận.

Giáo nghĩa của Phật giáo, là phá trừ cái có sai biệt tương đối, là Giả đế – nhân duyên sanh ra, từ giả đế mà tiến vào Không đế – bình đẳng tuyệt đối, lại từ Không đế đó tiến vào Trung đế – thật tướng của các pháp. Từ “có” tiến đến “không” là cửa Trí tuệ, từ “không” vào “có” là cửa Từ bi, do trí tuệ không nhận cái này, do đó vì sự thỉnh cầu khẩn thiết của chúng sanh mà nhận là hiển thị từ bi.

Nhĩ thời Phật cáo Quán Thế Âm Bồ-tát: “Đương mẫn thử Vô Tận Ý Bồ-tát, cập Tứ chúng, Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, nhân phi nhân đẳng cố, thọ thị anh lạc.” Tức thời Quán Thế Âm Bồ-tát, mẫn chư tứ chúng, cập dĩ Thiên long nhân phi nhân đẳng, thọ kỳ anh lạc, phân tác nhị phần: nhất phần phụng Thích-ca mâu-ni, nhất phần phụng Đa Bảo Phật tháp.

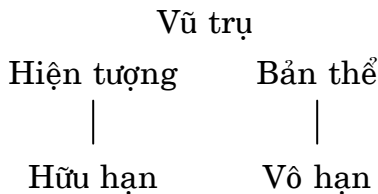
Vào lúc này, Phật bảo Bồ-tát Quán Thế Âm: “Nên thương xót Bồ-tát Vô Tận Ý, và bốn chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, nhân, phi nhân... nhận anh lạc này.”

Bốn chúng tức là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Trời, Rồng... là tám bộ chúng, mặt trước đã nói qua rồi, ở đây không nói lại nữa.

Tóm lại, đó là Quán Thế Âm vì lợi mình mà không nhận một vật; vì chúng sanh, vì lợi người lại không được từ chối, do đó đành nhận nó. Rồi lại chia làm hai: Một phần dâng cho Phật Thích-ca Mâu-ni, một phần dâng tháp Phật Đa Bảo. Nhưng tháp Phật Đa Bảo này là nói cái gì? Trong phẩm Hiện Bảo Tháp thứ mười của kinh Pháp Hoa, nói từ đại địa vọt lên tháp Phật Đa Bảo, trong đó có Phật tên Đa Bảo.

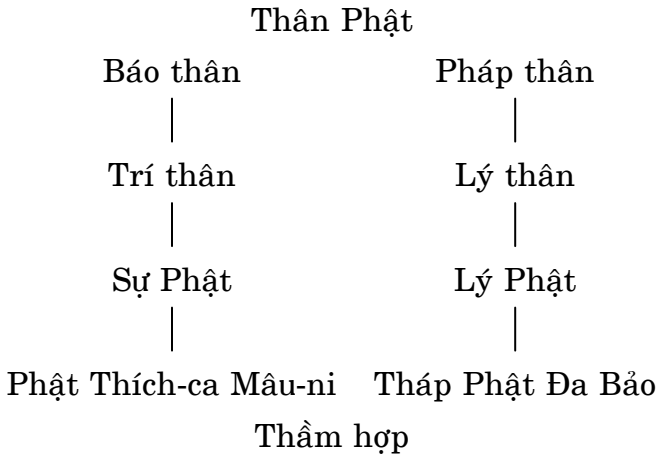
Tháp Phật Đa Bảo này là pháp thân Phật, bản thể vũ trụ được nhân cách hóa, cũng tức là lý thể. Phật Thích-ca Mâu-ni thể đắc được lý thể này mà hiện sự tướng, do đó một là lý Phật, một là sự Phật. Về nguyên nhân chứng đắc ấy, một là đoạn diệt tất cả phiền não mà tiến nhập Niết-bàn, kế đó là viên mãn nhất thiết chủng trí mà thành tựu Bồ-đề. Theo hai nghĩa sự lý mà nhìn, tháp Phật Đa Bảo là lý Phật của Pháp thân, tức là lý thân của Bản giác; Phật Thích-ca Mâu-ni là sự Phật của Báo thân, tức là trí thân của thủy giác.

Tuy có thể giải thích như thế, nhưng trên thực tế, sự lý là cái không thể chia làm hai, đây là trong thực tướng các pháp viên dung, có chân lý trung đạo. Rõ ràng điều này thì vũ trụ quan là như sau:

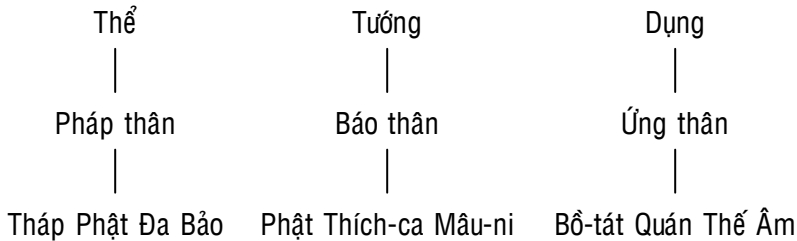


Sai biệt	Bình đẳng
Giả đố	Không đố
Sự	Lý
Viên dung	
(Trung đố)	

Đối với Phật mà nói, có thể xem như sau:



Như trước đã nói lúc thân Phật chia làm ba thân, Phật Thích-ca Mâu-ni là Ứng thân, bây giờ nói Phật Thích-ca Mâu-ni là Báo thân, chẳng khỏi khiến người hoài nghi. Đây vì ứng hiện ở thế giới Ta-bà, khiến Phổ Môn lợi ích chính là Bồ-tát Quán Thế Âm, do đó có thể xem là ngoài thể và tướng có thêm dụng:



Hiện tại anh lạc chia làm 2 phần: Một phần

dâng tháp Phật Đa Bảo, một dâng Thích-ca Mâu-ni. Bồ-tát Quán Thế Âm là Ứng thân này đem anh lạc dâng cho lý Phật pháp thân, sự Phật báo thân, để biểu thị 3 thân 1 thể, có thể giải thích như thế.

Ở đây có một nghi vấn: Bồ-tát Quán Thế Âm vì bốn chúng tám bộ mà nhận, cần phải chia ra cho bốn chúng tám bộ mới đúng, sao lại đem dâng tháp Phật Đa Bảo và Phật Thích-ca? Phải biết đây đã là vì bốn chúng tám bộ mà nhận, chỉ nhân vì muốn bốn chúng tám bộ thấy đều ngộ nhập lý ba thân tức một, do đó mới chia thành hai phần, từ tay Bồ-tát Quán Thế Âm ứng thân dâng lên tháp Phật Đa bảo pháp thân và Phật Thích-ca Mâu-ni báo thân. Đây tức là tam thân nhất như, không chia kia đây. Từ đồng một tâm Phật này mà nói, trên tâm của chúng ta bèn hiện có ba thân này. Do đó đại sư Lâm Tế nói:

“Ánh sáng thanh tịnh trên một niệm của ông là Phật pháp thân trong nhà ông.

Ánh sáng không sai biệt trên một niệm tâm của ông là Phật báo thân trong nhà ông.

Ánh sáng sai biệt trên một niệm tâm của ông là Phật hóa thân trong nhà ông.”

Ánh sáng thanh tịnh là lý Bản giác bình đẳng. Chúng sanh chúng ta nhân vọng chấp sai biệt mà mờ lý này, không thể chứng được cảnh giới ấy. Trí bình đẳng phá vỡ sai biệt này là ánh sáng không sai biệt. Ánh sáng không sai biệt này lại ở trên tâm bình đẳng, xét xem trở lại sai biệt của chúng sanh mà ứng cơ giáo

hóa, là ánh sáng sai biệt. Nhân đây, ánh sáng sai biệt là từ bi, ánh sáng không sai biệt là trí tuệ, do đây mà có thể thành tựu đức của pháp thân.

Tâm, ví như một mặt gương xưa nay có đủ ánh sáng, đây chính là ánh sáng thanh tịnh của Pháp thân. Nhưng nhân vì chúng sanh có tro bụi vô minh phiền não che lấp ánh sáng vốn có của gương. Do đó cần dùng trí tuệ tu hành phủ đi tro bụi kia, cho đến không còn một chút tối tăm, tức là ánh sáng không sai biệt của Báo thân. Nhưng, chỉ có ánh sáng mà không dùng thì cái gương này cần để làm gì? Do đó cái gương cần ánh hiện sai biệt của sum la vạn tượng mới có đủ công dụng của gương. Đây chính là ánh sáng sai biệt của Ứng thân (còn gọi là Hóa thân). Ở trên chân không vô sai biệt, có diệu hữu sai biệt. Đây gọi là “chân không diệu hữu”. Chân không diệu hữu này, chính là trí tuệ của Bồ-tát Quán Thế Âm, chính là từ bi của Bồ-tát Quán Thế Âm.

Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ-tát, hữu như thị thần lực, du ư Ta-bà thế giới.

Đức Phật giảng đến đây lại kêu Bồ-tát Vô Tận Ý – người thưa hỏi – mà bảo với Ngài, Bồ-tát Quán Thế Âm dùng thần lực tự do tự tại không thể nghĩ bàn như trên đã nói mà dạo chơi ở thế giới Ta-bà này. Dùng chữ “dạo chơi” của câu “Dạo chơi ở thế giới Ta-bà này” để tóm kết, lại rất có ý nghĩa.

Chúng sanh chúng ta ở thế gian lúc hành từ bi, trọn có chút phần miễn cưỡng, chẳng thể nói dạo thế giới một cách thoải mái. Nhưng Bồ-tát lúc hành từ bi,

xả bỏ tất cả báo thù, chỉ có hoan hỷ, không có miễn cưỡng, Bồ-tát vui với công tác vì đời vì người. Do đó dùng chữ “dạo chơi” này là thích đáng không gì hơn.

Ở trên là giảng xong trường hàng thể tán văn. Tiếp theo giảng đến kệ tụng thể văn vần. Nhìn chung thì kệ tụng đều là lặp lại văn trường hàng.

KỆ TỤNG

PHẨM PHỔ MÔN

1- Hạnh Nguyễn Đại Bi

Mặt trước đã nói qua, phẩm Phổ Môn chia ra hai loại thể tài: Trường hàng thể văn xuôi và kệ tụng thể văn vần. Trường hàng giải thích xong rồi, dưới đây giải về kệ tụng.

Về kệ tụng của phẩm này, Tam tạng pháp sư Cưu-ma-la-thập đời Diêu Tần đầu tiên lược đi chưa phiên dịch, đến đời Tùy Văn Đế, có hai Hòa thượng từ Bắc Thiên Trúc đến, một vị là Xà-na-quật-đa, một vị là Đạt-ma-cấp-đa, kệ tụng này chính là do hai người này dịch ra và thêm vào.

Kệ tụng còn được gọi là Trùng tụng, là phần văn xuôi đã nói qua ở trước, trong kệ tụng dùng văn vần thuật lại một lần nữa. “Kệ” tiếng Phạn là Già-đà, đây dịch là “Tụng”. Hoa Phạn gọi chung, do đó gọi là Kệ tụng. Là một loại ca hay, liên hợp lời đẹp mà ca tụng ra. Kệ tụng được gọi ở đây, chính là ngang với thi ca.

Nhĩ thời Vô Tận Ý Bồ-tát dĩ kệ vấn viết.

Ngay lúc Phật Thích-ca nói đến đây, Bồ-tát Vô Tận Ý lại dùng giọng điệu văn vần ra hỏi.

*“Thế Tôn diệu tướng cụ
Ngã kim trùng vấn bỉ
Phật tử hà nhân duyên
Danh vi Quán Thế Âm?”
Cụ túc diệu tướng tôn
Kệ đáp Vô Tận Ý.*

“Thế Tôn diệu tướng cụ”, đây là câu Bồ-tát Vô Tận Ý tán thán Phật. “Thế Tôn” là gọi chung mười loại đức hiệu của Phật. Ý là bậc tôn trọng không gì hơn ở thế giới Ta-bà. “Diệu tướng cụ”, đây là nói Thế Tôn trong thì đủ muôn đức, ngoài hiển 32 tướng tốt 80 vẻ đẹp. Nên có lời khen rằng: “Trên trời dưới trời không ai bằng Phật, mười phương thế giới cũng không sánh được, tôi thấy hết mọi thứ trên thế gian, tất cả không có gì bằng Phật”.

“Ngã” là Vô Tận Ý tự xưng.

“Trùng” ở văn xuôi trước đã thưa hỏi, nay hỏi lại.

“Bỉ” chỉ Bồ-tát Quán Thế Âm.

“Phật tử” cũng chỉ Bồ-tát Quán Thế Âm. Tất cả chúng sanh trong ba cõi, đều là đệ tử của Phật Thích-ca Mâu-ni, do đó Quán Thế Âm cũng là Phật tử. Bồ-tát Vô Tận Ý hỏi Bồ-tát Quán Thế Âm do nhân duyên nào mà được tên này, tuy chỗ hỏi giống như ở văn xuôi, nhưng Thế Tôn trả lời lại có điểm khác. Ở văn xuôi, thì chuyên biểu thị diệu lực từ bi của Bồ-tát Quán Thế Âm, mà ở kệ tụng lại hiển thị nguyện và hạnh của Bồ-tát Quán Thế Âm, do đó hơi có điểm bất đồng. “Nhân duyên”, ở văn xuôi chỉ giải thích là lý do gì. Ở kệ tụng

nói Bồ-tát Quán Thế Âm cách vô lượng kiếp trước phát nguyện thanh tịnh lớn là nhân, chúng sanh có khổ không vui là duyên. Vậy là đại nguyện chính mình hành hóa là nhân, lấy chúng sanh làm duyên. Nương theo nhân và duyên này, khắp ở thế gian ứng hiện hóa độ.

“Bồ-tát Quán Thế Âm ngay đây có thể tiếp nối huệ mạng Phật-đà, do nhân duyên gì mà được tên ấy?” – Bồ-tát Vô Tận Ý hỏi như thế. Thế Tôn dùng kệ tụng trả lời:

*Nhữ thính Quán Âm hạnh
Thiện ứng chư phương sở
Hoằng thệ thâm như hải
Lịch kiếp bất tư nghì
Thị đa thiên ức Phật
Phát đại thanh tịnh nguyện.*

“Nhữ”, chỉ Bồ-tát Vô Tận Ý. Vô Tận Ý tuy nghe qua Bồ-tát Quán Thế Âm do nhân duyên gì mà được tên. Nhưng vì hiển thị Bồ-tát Quán Thế Âm tu hành thế nào, do đó Phật lại khiến Ngài hãy nên lắng nghe diệu hạnh của Quán Thế Âm. Giảng đến tu hành chứng giác xưa nay vốn chẳng phải hai, nhưng từ phàm phu tu hành đến chứng giác thì nên chia ra để nói. Một mặt gương trong tâm chúng sanh, vốn là thanh tịnh sáng suốt (đây ý nghĩa tương đồng với Bản giác) nhưng lúc để bụi bặm vô minh phiền não che lấp sanh tăm tối thì cần phải dùng sức tu hành lau chùi bụi bặm tối đen trên gương (đây gọi là Thủy giác) để tiện khôi phục làm hiện ra ánh sáng thanh tịnh xưa

nay. Đạt đến sự hợp nhất tu hành và chứng giác, đây gọi là thủy - bản không hai. Do đó bước đầu tiên tu hành tức là bước đầu chứng giác. Đến như Bồ-tát Quán Thế Âm vốn đã đứng trên chứng giác, sự tu hành của Ngài, chẳng qua là sự biểu hiện của chứng giác mà thôi. Chứng giác của Ngài, chẳng qua là sự vận dụng của tu hành mà thôi. Do đó, tuy nói là tu hành, dường như không đồng với tu hành của phàm phu, mà là tu hành trên chứng giác, tức chỗ nói “tu chứng không hai”, tu tức chứng, chứng tức tu.

Bồ-tát Quán Thế Âm khéo ứng các nơi chốn, cũng là tu hành dưới giáo hóa chúng sanh. Tâm Bồ-tát trên chứng giác của Quán Âm, chính là biểu hiện tâm từ bi lớn. “Phương sở” là chỉ các thế giới mười phương. Dùng cõi Phật mà nói: là cõi pháp tánh, cõi thọ dụng, cõi biến hóa. Dùng thân Phật mà nói: là Pháp thân, Báo thân, Ứng thân.

Cõi pháp giới là Tịnh độ của pháp thân Phật, bủa khắp trong thời gian vô hạn, không gian vô hạn, cả vũ trụ này là cõi pháp giới, chỗ nói “Thúy trúc hoàng hoa vô phi Bát-nhã, nhất sắc nhất hương giai thị trung đạo” (Trúc biếc hoa vàng không gì chẳng phải Bát nhã, một sắc một hương đều là trung đạo), ở không gian là khắp tất cả chỗ, ở thời gian là sinh mệnh vĩnh hằng.

Cõi Thọ dụng là Tịnh độ mà Báo thân Phật thọ dụng.

Cõi Biến hóa là quốc độ của Ứng thân Phật ứng với căn cơ chúng sanh, hiện các thứ thân mà tế độ.

Nhân vì muốn tế độ chúng sanh cõi này, Bồ-tát bèn hiện 33 thân, đây như trước đã nói, nhân đây gọi là khéo ứng các nơi chốn.

“Hoàng thệ thâm như hải” là nói Bồ-tát Quán Thế Âm thệ nguyện sâu như biển lớn. Phạm là Bồ-tát đều có đủ bốn thệ nguyện lớn.

“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”. Đây là căn bản của bốn thệ nguyện lớn, chúng sanh là cái vô biên, thệ nguyện phát ra chính là muốn tế độ chúng sanh vô lượng vô biên phổ biến này.

“Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn” là nói phiền não vô tận tôi thệ nguyện đoạn chúng.

“Pháp môn vô lượng thệ nguyện học” là nói pháp môn tuy vô lượng, tôi thệ nguyện đến học tập.

“Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”, Phật đạo tuy là cao tột vô thượng, nhưng tôi phát thệ nguyện lớn muốn hoàn thành Phật đạo.

Nguyện thứ nhất trong bốn hoàng thệ nguyện là lợi tha, nguyện thứ hai và ba là tự lợi, nguyện thứ tư là hai lợi kết thành.

Chúng	Phiền	Pháp
sinh	não	Môn
vô	vô	Vô
biên	tận	Lượng
thệ	thệ	Thệ
nguyện	nguyện	Nguyện
độ	đoạn	học
	chỉ ác	tu thiện
	} Tự lợi	
} lợi tha		
} Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành (2 lợi viên mãn)		



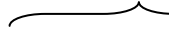




Bồ-tát Quán Thế Âm không những có bốn hồng thệ nguyện này mà lại có “Quán Âm thập đại nguyện văn” tế độ chúng sanh. Văn này và bốn hồng thệ nguyện đối chiếu như sau:

BỐN HOÀNG THỆ NGUYỆN

1- Pháp môn vô lượng thệ nguyện học 2- Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

3- Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

4- Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành

 Trí năng chiếu	 Pháp được học	 Pháp năng hóa	 Cảnh được hóa	 Tham sân si	 Sanh tử lưu lãng	 Biển si căn bản	 Ba thân viên thành	 Thành Bồ-đề đạo	 Cứu cánh Niết bàn
nguyện	nguyện	nguyện	nguyện	nguyện	nguyện	nguyện	nguyện	nguyện	nguyện
tôi	tôi	tôi	tôi	tôi	tôi	tôi	tôi	tôi	tôi
sớm	chóng	sớm	chóng	sớm	sớm	sớm	sớm	chóng	sớm
được	biết	được	độ	được	được	cõi	đồng	hội	lên
mắt	tất	phương	tất	giới	vượt	thuyền	thân	nhà	núi
trí	cả	tiện	cả	định	biển	Bát-	pháp	vô	Niết-
tuệ	pháp	lành	chúng	đạo	khổ	nhã	tánh	vi	bàn
 sanh									

QUÁN ÂM THẬP ĐẠI NGUYỆN VĂN

Quán Âm hằng nguyện sâu như biển cho dù anh nghĩ đến bao giờ cũng không thể nghĩ hết. Nhân vì thệ nguyện lớn rất sâu khó lường, do đó nói nhiều kiếp chẳng nghĩ nghĩ. “Kiếp” là thời gian rất dài, tức nghĩa như trên nói dù thời gian dài thế nào cũng khó mà nghĩ đến.

“Thị đa thiên ực Phật” là nói theo hầu Phật không hạn lượng mà thọ giáo.

“Phát đại thanh tịnh nguyện” là chỉ phát mười nguyện thanh tịnh lớn như bốn hồng thệ nguyện.

Không những cách nhìn khách quan về sự tu hành của Bồ-tát Quán Thế Âm như thế, tại chủ quan trong tâm chúng ta còn có tâm đại từ bi, mà ngày ngày chỗ thấy nghe lại hoàn toàn là giáo huấn của Phật. Chiếu theo đó mà nhớ nghĩ, phản tỉnh, thệ học, nguyện phát ra sẽ không lười biếng, thì chúng ta cũng có thể cho là thể hội được tâm của Bồ-tát Quán Thế Âm.

2- Niệm Bỉ Quán Âm Lực

Ngã vị nữ lược thuyết

Văn danh cập kiến thân

Tâm niệm bất không quá

Năng diệt chư hữu khổ.

Chúng sanh muốn sanh tâm thanh tịnh, đầu tiên cần chuyên nhất tâm mình, đuổi trừ tất cả tạp niệm vọng tưởng. Nếu muốn tiêu trừ tạp niệm vọng tưởng, thì chắc chắn miệng phải thường niệm danh hiệu Quán Thế Âm, ý thường suy nghĩ nguyện hạnh của Quán Âm, thân thường lễ bái hình tượng từ bi của Quán Âm, để khiến ba nghiệp thân miệng ý hợp làm một.

Ba nghiệp cần đầy đủ, thiếu một không được, tỉ như đem thân làm việc, đem miệng giảng nói, nếu không nhất trí, hoặc lấy miệng nói việc, lấy ý suy nghĩ mà mâu thuẫn lẫn nhau thì sao gọi là nhất tâm

được. Về ba nghiệp ở trước tuy đã trình bày qua, bây giờ lại từ mặt bên nói rõ. Nghe tên Quán Âm, thấy tượng Quán Âm, nếu như một lòng xưng niệm, đó sẽ không bị luống qua, đó nhất định có thể tiêu diệt tất cả các khổ.

“Ngã” là chỉ Phật Thích-ca Mâu-ni, “nhữ” là chỉ Bồ-tát Vô Tận Ý. “Lược thuyết”, vì ở văn xuôi đã nói kỹ lưỡng qua rồi, đến ở nhiều kiếp thế rộng rất sâu, nguyện lớn thanh tịnh không thể nghĩ nghĩ, muốn nói ra triệt để thực không thể nói hết, do đó ở đây chỉ có thể nói chỗ trọng yếu.

“Văn danh cập kiến thân”, “danh văn” tức là nghe danh hiệu Nam mô Đại bi Quán Thế Âm Bồ-tát. Nghe xong trong miệng nhất định muốn xưng niệm. Đây là khẩu nghiệp xưng niệm của ba nghiệp.

“Kiến thân”, đối với tượng gỗ khắc vẽ Quán Âm, nếu có thể xem thấy tướng đẹp của Ngài, bèn muốn dùng thân lễ bái cúng dường. Đây là thân nghiệp lễ bái trong ba nghiệp. Có người cho rằng lễ bái khúc gỗ hay trang giấy đâu có gì đáng nói? Đây thực là nghĩ lầm rất lớn.

Lấy thí dụ ra nói: Như dùng lá vỏ tre có thể làm thành giày cỏ mang vào chân, có thể làm thành nón trúc đội trên đầu. Đây tuy là một cội cây, một tờ giấy, nếu như làm thành tượng Phật, vẽ thành hình Phật thì giá trị được lễ bái, cần lễ bái. Cây hay giấy tuy là không chia tôn ti, nhưng tâm hiện ở trên đó thì có thể là vật quý báu!

Bậc đại đức của Thiên tông có nói: Không tại Phật cầu, không tại Pháp cầu, không tại Tăng cầu; lễ bái, chỉ có đem kiến thức này lễ bái, mới có ý nghĩa khắc sâu. Nhưng ý nghĩa khắc sâu này, chẳng phải người thường có thể lãnh hội được!

“Tâm niệm bất không quá” do nhất tâm không để cho luống qua, trong kinh Mười Câu Quan Âm nói: “Sáng niệm Quán Thế Âm, chiều niệm Quán Thế Âm, niệm niệm từ tâm khởi, niệm niệm chẳng rời tâm.” Đây chính là tâm niệm không luống qua, đây là ý nghiệp chí thành lễ bái.

Chỗ nói “Niệm niệm chẳng rời tâm”, chỗ nói “Tâm niệm chẳng luống qua” của ý nghiệp, nói cách khác chính là bất kể lúc nào, muốn cho Quán Âm chẳng rời mình, cần làm đến “Sáng sáng cùng Phật dậy, đêm đêm ôm Phật ngủ”, cần làm đến bất kể ở đâu đều cùng ở với Quan Âm. Nói tóm lại, chính là cần có niềm tin cùng sống với Quan Âm. Người có niềm tin này, do ba nghiệp thân miệng ý thường niệm Bồ-tát, thì thân miệng ý chính mình tự nhiên cũng sẽ thành hành vi của Bồ-tát.

Chính mình cùng sanh với Quan Âm, tất cả cùng tồn tại với Quan Âm, thân này bèn thành thân Quan Âm mà chẳng phải thân của ta; ý này bèn thành ý của Quan Âm mà chẳng phải ý của ta. Đại sư Thừa Dương nói: “Sanh mạng một ngày này, là sanh mạng đáng quý, là hình hài đáng quý. Có thân tâm hành trì này, thường sẽ tự yêu tự kính.” Suy nghĩ kỹ lưỡng câu này, lý do thân đáng quý bèn càng được hiển rõ.

Nếu như chính mình nghĩ như thế, tự mình bèn là thân của Quan Âm, không thể không trịnh trọng, không thể không kính yêu. Mỗi ngày niệm cảm tạ phụng trì càng tha thiết, thì chẳng dám buông lung. Làm sao lại có “chư hữu khổ”? Hoặc dù có khổ vật chất, cũng có thể nhìn thấu ra, lại có thống khổ nào để nói?

Thân này nếu như là thân Quan Âm, thì tay chân miệng cũng không thể không phải của Ngài. Như thế, tay này chẳng thể trộm cắp, miệng này chẳng thể mắng người, từ đây dùng tay để chấp, dùng miệng xưng niệm Nam-mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ-tát, đây là ba nghiệp nhất trí, tự nhiên diệt trừ chư hữu khổ.

“Chư hữu” của “Năng diệt chư hữu khổ” là chỉ ba cõi. Chia ra cũng có thể gọi 25 hữu, chính là 3 cõi sáu đường gọi đó là hữu, tức là gọi tắt của hữu lậu. Hữu lậu là phiền não, căn bản là 3 độc thường nói. Từ 3 độc này sinh ra 3 cõi, 3 cõi này là cõi khổ của 3 độc phiền não. Chỉ cái khổ của 3 độc này gọi là “chư hữu khổ”.

Như 3 nghiệp có thể thanh tịnh, lúc ta và Bồ-tát có thể hợp làm một, bèn có thể trụ ở cõi giải thoát diệt 3 độc mà ra khỏi 3 cõi.

Đây là đáp chung, 7 nạn ở dưới là đáp riêng.

*Giả sử hưng hại ý
Thôi lạc đại hỏa khanh
Niệm bỉ Quán Âm lực
Hỏa khanh biến thành trì
Hoặc phiêu lưu cự hải
Long ngư chư quý nạn*

*Niệm bĩ Quán Âm lực
Ba lãng bất năng một.*

Đây là trùng tụng, hoặc đem điều đã nói ở trước, nói lại lần nữa; hoặc đem chỗ sót mà thuyết minh bổ sung.

Hai bài kệ này tương đương với nạn lửa và nạn nước đã giảng ở trước, như đem giết hại, hại cho bị thương ra nói, đó là bị đẩy vào hầm lửa lớn, lúc đó nếu niệm (nghĩ đến) sức của Bồ-tát Quán Âm, thì hầm lửa lập tức biến thành ao mát mẻ, lửa tự nhiên cũng tiêu diệt, mà người cũng được cứu. Nếu như trôi trong biển lớn mênh mông, gặp tai nạn rồng cá và các ác quỷ, lúc đó nếu niệm sức Quán Âm kia, ngay cho sóng mòi mạnh mẽ thế nào cũng chẳng thể làm chìm đắm chúng ta.

Theo văn tự mà giải thích, niệm Bồ-tát Quán Thế Âm cố nhiên có thể, nếu theo lý mà nói – như trước đã nói – lửa là lửa sân giận, do lửa sân giận này đốt người đến chẳng biết ngó trước nghĩ sau, bằng với bị hãm trong hầm lửa lớn.

Lúc ấy, nếu niệm đại từ bi của Quán Âm, dùng nước yêu thương mát mẻ tôn trọng đến tiêu diệt lửa giận sân hận, thì trong tâm liền thành ao mát mẻ.

“Cự hải” tức biển lớn phiền não, rồng cá các nạn quỷ, đều là sóng mòi ái dục, sóng mòi ái dục nổi lên trên biển lớn phiền não, đến thẳng trầm luân trong vực sâu luyến ái, vờ đến biết bao thống khổ và phiền não.

Thân thể kiêu diễm càng đáng sợ hơn rồng cá. Thái độ yêu kiêu uyển chuyển so với ác quỷ đáng ớn hơn! Lúc ấy nếu dùng đại trí tuệ của Quán Thế Âm, biết rõ thực tướng các pháp, quán sát tất cả đều là nhân duyên giả hợp thì mê chấp ái dục tự nhiên sẽ tiêu diệt.

*Hoặc tại Tu-di phong
Vi nhân sở thôi đọa
Niệm bỉ Quán Âm lực
Như nhật hư không trụ
Hoặc bị ác nhân trục
Đọa lạc Kim Cang sơn
Niệm bỉ Quán Âm lực
Bất năng tổn nhất mao.*

“Tu-di sơn” không nhất định phải xem là núi có thật, đây là núi mà người Ấn Độ giả tưởng, nói là nó cao đến trời, nhưng người gần đây khảo cứu cho núi Tu-di tức chỉ núi Hy-mã-lạp-nhã.

Lúc bị đẩy từ trên núi cao này xuống, nếu niệm sức Quán Âm, sẽ như mặt trời trụ ở hư không, không bị rơi xuống. Lại như an trụ trên đỉnh núi cao lại bị người ác rượt đuổi, từ trên núi Kim Cang rơi xuống, nếu niệm sức Quán Âm, một sợi lông cũng không bị tổn thương.

“Kim Cang sơn”, ở vòng ngoài núi Tu-di, ý nói không thể phá hoại. Về núi Tu-di rốt cuộc như thế nào, núi Kim Cang ra sao, ở đây thật không cần đòi hỏi kỹ lưỡng.

Có người cho rằng chúng ta có đem đội trời đạp đất thế nào đều không thể chướng ngại Phật tánh độc lập tự tại. Do đó bèn sanh ý niệm Thích-ca là người nào, Đạt-ma là ai, như sanh niệm này, liền sanh tâm kiêu mạn, biến thành tự chịu đọa lạc, rồi đến nỗi bị đẩy rơi xuống. Nhưng lúc này có thể niệm bình đẳng đại từ bi của Bồ-tát Quán Thế Âm ấy, thì sẽ không khi dễ người khác; niệm đại dũng mãnh của Quán Âm kia thì có thể tưởng lệ chính mình, như mặt trời an trụ tại hư không, tự nhiên có thể thoả mái trong biển rộng trời trong. Chỗ nói:

Phong xuy bất động thiên biên nguyệt
Tuyết áp nan tôi giản để tùng.

*Gió thổi không lay trăng ven trời
Tuyết đè khó đổ tùng đáy khe.*

Chúng ta thấy mặt trời hoặc mặt trăng treo trên hư không, giống như rất nguy hiểm, nhưng chẳng có một chút quan hệ nào.

Núi Tu-di dụ Phật tánh, nghĩa là cao lớn trùm khắp.

Núi Kim Cang là nghĩa không thể phá hoại, không thể lay động, có thể xem là niềm tin trong tâm chúng ta.

Nói hơi phức tạp một chút, có thể chia nó như sau: Núi Tu-di là vị Diệu giác, núi Kim Cang là vị Đẳng giác. Đây chỉ niềm tin của chúng ta, chính là biểu thị bất kể thế nào, không bị sức bên ngoài làm lay động.

Lập được niềm tin, tiến đến phải làm kiên định nó mới được. Vì ở chung quanh chúng ta, đầy dẫy dụ hoặc và bách hại, luôn luôn thừa cơ lay động và đè lấp niềm tin của chúng ta. Đây giống như trạng thái bị người ác truy đuổi sắp sửa rơi xuống, là điều hết sức nguy hiểm, nhưng lúc đó nếu có thể niệm nguyện hạnh đại dũng mãnh của Quán Âm thì tuy ở trong sự dụ hoặc hay bách hại cũng không mất một sợi lông, mà tự do tự tại, đây chính là chỗ nói “tám gió thổi chẳng động”.

Tám gió là gió bốn phương đông, nam, tây, bắc và bốn hướng đông nam, tây nam, đông bắc, tây bắc. Nhưng trong Phật giáo tám gió là lợi, suy, hủy, dự, xung, cơ, khổ, lạc.

1- Lợi: Hễ cái gì có ích cho mình đều gọi là lợi, hoặc gọi việc như ý là lợi.

2- Suy: Hễ việc gì có tổn giảm cho mình đều gọi là suy, hoặc gọi việc thất ý là suy.

3- Hủy: Vì ghét bỏ người, sau lưng phỉ báng là hủy.

4- Dự: Vì ưa thích người, ngay mặt khen ngợi gọi là dự.

5- Xung: Trọng vọng người, ở trong đám đông khen tốt cho họ gọi là xung.

6- Cơ: Ghét bỏ người, vốn không việc mà nói hư dối thực có việc gọi là cơ.

7- Khổ: Nghĩa bức bách, gặp duyên ác cảnh ác, thân tâm đều chịu bức bách gọi là khổ.

8. Lạc: Nghĩa vui vẻ, gặp duyên tốt cảnh tốt,

thân tâm vui vẻ gọi là lạc.

Những điều này làm lay động tâm chúng ta, tổn hại niềm tin kim cương kia, nhưng nếu chúng ta có thể kiên định niềm tin, không bị cảnh giới dụ hoặc lay động, thì vàng ròng ngay trước mắt, cũng không thay đổi khí tiết; kiếm bén kề cổ cũng không lay động chủ trương, như thế hủy diệt, lợi hại cũng chẳng thể hại chúng ta chút nào.

*Hoặc trị oán tặc nhiều
Các chấp đao gia hại
Niệm bĩ Quán Âm lực
Hàm tức khởi từ tâm
Hoặc tao vương nạn khổ
Lâm hình dục thọ chung
Niệm bĩ Quán Âm lực
Đao tâm đoạn đoạn hại
Hoặc tù cấm giữ tỏa
Thủ túc bị nữ giới
Niệm bĩ Quán Âm lực
Thích nhiên đắc giải thoát
Chú trở chư độc được
Sở dục hại thân giả
Niệm bĩ Quán Âm lực
Hoàn trước ư bốn nhân.*

Giảng đoạn này cũng rút ra từ văn xuôi ở trước.

Bốn câu kệ đầu nói về nạn oán tặc, rất nhiều kẻ ác cầm dao đến bức hiếp, tự mình nếu trụ ở tâm đại từ bi của Quán Âm, dùng đại từ bi đối với kẻ ác, hẳn cũng sẽ sanh tâm từ bi, chuyện đặc biệt của cao tăng

đại đức xưa nay truyền bá trong xã hội rất nhiều như thượng nhân Không Dã ở trước là một ví dụ. Đây là đạo tặc bên ngoài đến, đầu đuôi so ra chỉ là số ít, còn oán tặc trong tâm chính mình chiếm cứ dài lâu, số này đến tám vạn bốn ngàn, mỗi đứa có cầm dao bén, muốn đoạt của báu công đức trong tâm thanh tịnh của chúng ta, chủ nhân ông của oán tặc ấy chính là ngã kiến ngã chấp. Nếu đem đập tan ngã kiến ngã chấp này, trụ ở đại từ bi bình đẳng này thì oán tặc liền sẽ để cho tâm từ bi cảm hóa. Chính như trong “Thái Căn Đàm” nói: “Kiến văn giác tri là giặc ngoài, dục tình ý thức là giặc trong, chủ nhân ông này tỉnh táo chẳng mê mờ thì hóa giặc thành gia nhân.”

Tiếp theo là nói khổ về nạn vua, tương đương với nạn đao trượng ở văn xuôi. Ở thời đại chuyên chế quá khứ, pháp luật là pháp luật của quốc vương, lúc xúc phạm pháp luật sắp bị giết, nếu như niệm sức Quán Âm thì dao tức khắc gãy từng đoạn, không thể chặt được. Thượng nhân Nhật Liên lúc sắp bị chém ở Long Khẩu nói:

- Nếu như có thể lấy kinh Pháp Hoa thay thế cái đầu xấu xí này thì thật rất đáng mừng.

Ngay lúc Ngài đến chỗ hành hình, vì Ngài có đủ tín ngưỡng này, dao bén chặt không thể làm tổn hại. Quốc pháp không thể không tuân thủ, nhưng nó vốn do người định ra. Có lúc cũng không thể không sửa đổi, và không phải cho là hoàn toàn không khiếm khuyết. Chẳng qua, bất cứ thế nào, pháp luật cho dù có khuyết điểm, nhưng pháp luật là cái có lực. Xưa nay, bất cứ ai

phạm pháp đều không thể không xử phạt. Nhưng, ở thời đại chuyên chế, người nắm giữ pháp luật tức người đầu não của quốc gia và là người vận dụng pháp. Nhạc Phi chính là nhân 3 chữ “chẳng cần có” mà chết. Người chấp pháp cho dù phạm pháp, đâu từng dùng pháp để chế tài chính mình? Nếu như nói có khuyết điểm, đây cũng có thể nói là khuyết điểm.

Triết gia Socrate chẳng chút sợ hãi tay cầm chén thuốc độc an nhiên mà chết. Đạo Cơ Đốc khi Lộ Thủy (Jessu? bị đóng đinh trên cây thánh giá dường như tiêu diệt; những ví dụ này xưa nay trong ngoài thật ra rất nhiều. Nam Chính Thành sau khi chết, câu văn Kỳ Ấn của ông được truyền xuống, trong đó có năm chữ “Phi lý pháp quyền thiên”. “Phi” không thể hơn “lý”, “lý” không thể hơn “pháp”, “pháp” không thể hơn “quyền”, “quyền” không thể hơn “thiên”. Do đó trên thế giới, cái mạnh nhất lại là trời. “Trời” này tức là chân lý của vũ trụ, chân lý là cái thắng lợi cuối cùng. Chân lý thắng lợi cuối cùng này chính là biểu hiện thấu suốt pháp thân trong thời gian vô hạn. Do đó cho dù thọ mạng của nhục thân có thể dứt, mà huệ mạng của pháp thân không thể đoạn dứt.

Tù đày gông xiềng hay cùm trói đã nói ở trước. Bất kể có tội hay là vô tội mà lúc chịu thống khổ tay khóa chân cùm, dây nợ trói buộc, nếu có thể niệm sức Quán Âm kia, liền có thể giải thoát. Trên thực tế chúng ta mang cùm tay danh vị, khóa chân tài lợi, lấy chấp trước trói buộc thân mình, nếu như có thể vượt lên đứng ngoài danh lợi, đánh phá giới hạn nhân -

ngã, thì chúng ta liền có thể triển khai cảnh tự do tự tại. “Thích nhiên” là hình thức giải thoát. “Giải thoát” chính là được đến cảnh tự do tự tại.

“Chú trớ”, là một loại hành vi muốn hại người khác. Hoặc giả cầu nguyện ác thần giáng tai họa, hoặc giả bện người rơm đóng đinh, hoặc là đốt bùa, đây đều là chú trớ trừ ếm.

“Chư độc dược”, hễ là cái thứ uống vào làm tổn thương thân, gọi là độc dược. Các độc dược là chỉ số nhiều.

Cho dù có người dùng chú trớ hoặc độc dược này định hại mình, nếu có thể niệm sức Quán Âm kia, chú trớ ấy liền biến thành người kia chịu, độc dược ấy liền ngược lại người kia nuốt.

Loại tâm lý chú trớ ấy, trong tâm chúng ta chẳng lẽ không có sao? Cái tâm đố kỵ cơ hồ không ai không có. Hoặc thấy nhà người có danh tiếng, hoặc thấy sự thành công của nhà người, tự tự nhiên nhiên cũng sẽ có vài câu phê bình người kia, đây là hiển rõ đố kỵ. Lại có một loại thấy người ta thất bại, trong tâm lại rất vui mừng, hoặc giả thậm chí cười cợt rằng: “Điều đó là đương nhiên!” Đây là lòng tật đố, tâm như thế chính là tật đố mà đồng thời lại hàm chứa có chú trớ.

Ly gián người khác, làm tổn thương người khác, có thể nói so với thuốc độc lại muốn tệ hại hơn! Trừ ếm người kết quả là ai chịu báo ứng? Kỳ thực người trừ ếm tự thân sẽ chịu quả báo! Giống như anh tặng món đồ cho người, người ta không chịu nhận, anh

đành phải đem nó về. Người trù ếm cũng vậy. Anh trù ếm người, người ta không biết, hoặc không nhận trù ếm của anh, đó không phải là lại phải trở về với thân mình sao?

Trong sinh hoạt hàng ngày của chúng ta, cho dù là có người tật đố ta, làm tổn thương ta, mà tự chúng ta giữ yên bốn phận nên giữ, không bị cảnh giới này lay động chút nào, trụ trên niềm tin đại bi bình đẳng, chứa nhóm công đức nhẫn nhục, thì quyết sẽ không nhân đây mà chịu lụy.

Trong kinh Tứ Thập Nhị Chương, Phật nói rất hay: “Người ác hại người hiền, như ngược lên trời nhỏ, nhỏ không đến trời, lại rơi xuống mình; ngược gió tung bụi, bụi không đến người, trở lại dơ thân mình, hiền không thể hủy báng, họa ắt diệt mình.”

Đây có thể xem là giải thích ý nghĩa đoạn này.

Hoặc ngộ ác La-sát
Độc long chư quỷ đẳng
Niệm bĩ Quán Âm lực
Thời tất bất cảm hại
Nhược ác thú vi nhiễm
Lợi nha thảo khả bố
Niệm bĩ Quán Âm lực
Tật tẩu vô biên phương
Ngoan xà cập phúc yết
Khí độc yên hỏa nhiên
Niệm bĩ Quán Âm lực
Tâm thanh tự hôi khứ
Vân lôi cổ xế điện

*Giáng bạc chú đại vũ
Niệm bử Quán Âm lực
Ứng thời đắc tiêu tán.*

“Hoặc ngộ ác La-sát” đến “Thời tất bất cảm hại”, tương đương với “Nhược tam thiên đại thiên.. Dạ xoa La-sát dục lai não nhân” ở văn xuôi. Ác quỷ La-sát không cần phải nói lại nữa.

“Quỷ” là nghĩa mong cầu, mong cầu là tâm cầu xin, do đó “tham” gọi là “quỷ”. Trừ quỷ tham ra, lại có một loại quỷ vô minh. Vô minh tức là tâm ngu si, còn gọi là quỷ si. Đây đều là rồng độc chướng ngại việc thiện của chúng ta.

Những thứ này đều là phiền não, nhân vì có phiền não, do đó mới có thể giác ngộ. Phiền não tức Bồ-đề, là căn bản của Đại thừa, do đó nếu đem tâm mê của chúng ta chuyển một phen tức là tâm ngộ. Nhưng vì căn bản của mê là ngã chấp, ngã chấp lại là nguồn của tất cả tội ác. Cái tiểu ngã chấp trước ấy, chúng sanh niệm niệm không quên, do đó ở thời hạn có ngã chấp không thể ngộ được.

Người có phân biệt đây là con tôi, kia là con người, do đó sanh ra tâm yêu ghét hay thiên lệch; lại có phân biệt đây là vật của tôi, kia là vật của người, do đó sanh ra tâm tham lam bòn xén. Nhưng nếu mở cái ta rộng lớn hơn ra, tất cả chúng sanh đều là con của ta, trụ ở ba cõi đều là tâm của ta thì hiển hiện ra công bình, đại từ bi bình đẳng; phiền não lập tức biến thành Bồ-đề không thể hại ta, vị chất của trái hồng

chất sẽ biến thành vị ngọt. Vị chất của trái hồng chất là quả xấu của phiền não, được ánh từ quang của Phật nhật chiếu qua, liền thành vị ngọt Bồ-đề. Đây chính là sự thuyết minh hay nhất của “Phiền não tức Bồ-đề”.

Giữa một tâm chuyển biến này, cái sanh ra là sai biệt mê ngộ, sai biệt phàm thánh. Phật giáo chủ yếu là nói có cái tâm chuyển biến này. Ác quỷ, La-sát, rồng độc, các quỷ tất cả là những thứ hại ta, nhưng lúc gặp những thứ này, nhân niệm sức Quán Âm, những ác quỷ ác thú ấy chẳng dám gia hại nữa. Hoặc ác thú bao vây chúng ta giương móng răng nhọn bén bức bách, nếu niệm sức Quán Âm kia thì ác thú sẽ bỏ chạy không còn tung tích.

“Ác thú” tức trạng thái tâm lý từ ngã kiến ngã mạn sanh ra, trong tâm chúng ta dường như có móng vuốt bén nhọn tương tranh. Nhất là ở thời đại cạnh tranh sinh tồn mà chúng ta đang sống ngày nay, rõ ràng như có rất nhiều ác thú bao vây, loài người nghi ngờ lừa gạt lẫn nhau, hề có cơ hội là muốn dẹp bỏ người khác để chính mình chiếm lấy vị trí cao hơn. Nếu bấy giờ có người có thể niệm tâm đại bi bình đẳng của Bồ-tát Quán Thế Âm thì bốn bề đều là đồng bào của ta, như tay như chân, tương thân tương ái, tất cả ác thú trong tâm và ác thú bên thân đều sẽ tiêu diệt.

“Ngoan xà cập phúc yết”: hổ mang, rắn, rít, bò cạp, đây có thể xem như gọi chung tất cả loại trùng độc. Ác thú ở trước là dụ cho phiền não lớn; rắn độc, trùng độc ví như phiền não nhỏ.

Phiền não nhỏ nếu không chú ý dần dần sẽ thành phiền não lớn, cái hại của nó chẳng khác rắn độc thú dữ. Nhân đây, trong kinh Pháp Cú nói: “Nước chảy tuy nhỏ, dần dần đầy bình, ác lớn vốn không phải lớn, do nhỏ góp thành, nếu không khinh ác nhỏ, thì chẳng gặp ương họa”.

“Khí độc yên hỏa nhiên”, đây là nói hơi độc giống như lửa hừng thiêu đốt, hình dung sự tệ hại của sân giận.

“Tâm thanh tự hồi khứ” là niệm Quán Âm mà khởi bản tánh thanh tịnh sẵn có trong tâm, đem tâm ác chuyển một phen thì tất cả tội ác đáng sợ liền dường như hạt sương trên lá cỏ, gặp mặt trời lên tự nhiên tan mất.

Từ “Vân lôi cổ xé điện” đến “Ứng thời đắc tiêu tán”, bốn câu này nói: Ví như một khoảng trời trong sáng sủa, chợt ùn lên một cụm mây đen, tiếng sấm vang rền, chớp lòe nhấp nháng, mưa đá trút xuống, mưa to xối xả, cảnh như thế đáng sợ biết nhường nào! Tâm chúng ta cũng y như vậy. Trên tâm xưa nay không có một chút hắc ám, bất ngờ mây một niệm mê sanh ra, niệm kia đây ta người theo đó mà đến, thì tiếng sấm sân giận, ánh chớp phẫn nộ, đập nước tham dục, mưa to tự bạo tự hủy đều đến làm khổ chúng ta. Nhưng, lúc này nếu có thể niệm Bồ-tát Quán Thế Âm, tâm cơ vừa chuyển, mây tan mưa dứt, bầu trời tâm sáng rõ, tất cả đều thanh tịnh tự tại.

Đối với các khổ nạn trên, niệm sức Quán Âm kia

liên có thể chuyển tai họa, chiêu vời phước đức, cứu khổ ban vui. Năm chữ “Niệm sức Quán Âm kia” này thực là một cái chốt cửa chuyển tâm ác hướng thiện và chuyển đường mê hướng ngộ.

Sức của chúng ta là sức tương đối, sai biệt. Sức của Quán Âm là sức tuyệt đối bình đẳng. Dem cái tâm chấp trước sai biệt này chuyển thành bình đẳng, dem cái tâm hệ phược tương đối chuyển thành tuyệt đối, đây chính là nghĩa đệ nhất căn bản của Phật giáo. Kinh này chính là lấy Quán Âm làm trung tâm mà thuyết nghĩa đệ nhất trong nghĩa đệ nhất.

3- Năng Cứu Thế Gian Khổ

Chúng sanh bị khổ ãch

Vô lượng khổ bức thân

Quán Âm diệu trí lực

Năng cứu thế gian khổ.

Ở trên là khai 7 nạn thành 12 nạn mà nói lại. Dưới đây sẽ bao quát 3 độc 2 cầu nói chung.

12 nạn nói trên là nói tai nạn từ ngoài đến bức bách, còn từ trong sanh ra là ba độc hai cầu. Gom chung lại nên nói “Chúng sanh bị khổ ãch, vô lượng khổ bức thân”. Khổ của chúng sanh thật là vô lượng vô biên, nhưng căn bản những khổ đó thì là ba độc tham sân si.

Trong Phật giáo, chúng sanh là nhân ba độc mà được tên, do đó trừ ngoài Phật ra là Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn vẫn có ba độc phiền não vi tế, còn tệ

hại nhất là chúng sanh trong sáu đường.

Trong sáu đường, sân giận nặng nhất là địa ngục, tham dục nặng nhất là ngạ quỷ, ngu si nặng nhất là súc sanh; sân giận nhẹ hơn là Tu-la, tham dục nhẹ hơn là loài người, ngu si nhẹ hơn là cõi trời, đây là phân loại trên tinh thần. Chúng ta tuy nói tham dục ít hơn ngạ quỷ, nhưng nhân tham dục mà dẫn khởi thống khổ lại như cát sông Hằng. Trong thống khổ như cát sông Hằng, nhất là vì bốn khổ sanh-già-bệnh-chết và sự bi ai của yêu phải xa lìa, sự phiền não của ghét bỏ phải gặp gỡ, sự sâu muộn của cầu mà chẳng được, sự lừng lẫy của năm ấm làm khổ hại chúng ta. Do đó nói thế gian này như một biển khổ lớn.

Nhưng sức diệu trí của Quán Âm có thể cứu cái khổ của thế gian này. Cái gì là sức diệu trí của Quán Âm? “Diệu” là không thể nghĩ bàn, do đó có thể nói là sức đại trí huệ mà phàm phu chúng ta không thể nghĩ bàn.

Sức trí huệ này có thể nhổ gốc rễ ba độc, có thể cho chúng ta an lạc. Chúng ta chịu khổ do nguyên nhân nào? Nguyên nhân này chính là khởi ba nghiệp thân miệng ý. Nghiệp gây khổ lại từ đâu đến? Đó là vì con mắt trí huệ bị che mờ, không thể biết đạo lý chân thật là từ hoặc sanh ra. Muốn đoạn hoặc chúng chân thì đầu tiên nên không muốn tạo nghiệp cảm khổ. Không tạo nghiệp thì không có buồn lo khổ não. Do đó trong bài văn niệm lúc sám hối có câu:

Ngày xưa đã tạo bao ác nghiệp

*Đều do vô trí tham sân si
Từ thân miệng ý phát sanh ra
Tất cả nay con đều sám hối.*

Căn bản của tham sân si là hoặc, hoặc là nền ở vô minh, nhân vì có vô minh, do đó mê mờ lý thực tướng của các pháp. Vì từ mê vào mê, nên khởi ba độc tham sân si. Đoạn trừ hoặc căn bản này mà chứng chân lý, là từ mặt trí thức ra tay phụ thêm vào sự tu trì. Bồ-tát Quán Thế Âm dùng sức diệu trí cứu khổ thế gian, là từ bi ở mặt tình cảm thêm vào trí tuệ.

Bồ-tát Quán Thế Âm dùng sức diệu trí này mà hành từ bi, cứu tất cả khổ của thế gian. Mười hai nạn đã giảng ở trên là từ ngoài đến, gọi là nghiệp ngoài. Cứu những khổ này gọi là giải thoát nghiệp ngoài. Bốn câu tụng này là cứu các nghiệp ác từ trong sanh ra nhân tham sân si mà tạo. Đây có thể xem là thị hiện giải thoát nghiệp trong.

4- Tam Nghiệp Tán Thán

*Cụ túc thần thông lực
Quảng tu trí phương tiện
Thập phương chư quốc độ
Vô sát bất hiện thân
Chủng chủng chư ác thú
Địa ngục quỷ súc sanh
Sanh lão bệnh tử khổ
Dĩ tiệm tất linh diệt.*

Đây là nói chung về 33 thân. Ở trên đã giảng về sức diệu trí có thể cứu khổ thế gian, sức diệu trí này là thể; ứng dụng diệu trí này thành sức thần thông, đây là dụng; các cõi nước ở mười phương, không cõi nào chẳng hiện thân, đây là tướng.

Diệu trí như ánh sáng của gương, sức thần thông như những cái bóng của sum la vạn tượng hiện rõ trong gương, do đó Quán Âm không rời thể-tướng-dụng mà có thể được tự tại.

Sức thần thông là chỉ tự do tự tại do hoạt động của trí tuệ mà được. Phật và Bồ-tát đều có đủ sức thần thông. Việc có thể quán sát kinh nghiệm trên đây của chúng ta gọi là Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông, hễ việc làm đều được như ý thì gọi là Thần túc thông, xét biết tâm người khác gọi là Tha tâm thông, biết túc mạng đời quá khứ gọi là Túc mạng thông, đoạn sạch tất cả phiền não gọi là Lộ tận thông. Đây đều là chỉ hoạt động siêu phàm của trí tuệ.

Hiện tại Bồ-tát Quán Thế Âm đầy đủ sức thần

thông này, độ khắp chúng sanh. “Quảng tu trí phương tiện” là trong dụng thù thắng, vạn hạnh được hưng thịnh, dùng tất cả phương tiện quyền trí hóa độ chúng sanh. “Thập phương chư quốc độ” chỉ chung tất cả thế giới trong hư không. “Vô sát bất hiện thân”, chữ “sát” là cõi nước, tức là không có một cõi nước nào mà không hiện thân thuyết pháp, do đó không phải chỉ có 33 thân.

Chân lý trùm khắp vũ trụ, chỗ nào cũng là nơi Quán Âm hiện thân. Ví như hàng ngày chúng ta thấy nước bốc hơi trong nồi nước sôi, Ngõa-đặc (Watt) trông thấy lại phát minh ra lực lượng của hơi nước; do sợi nhợ của điều giấy, Phú-lan-khắc-lâm biết có điện; nhân một trái táo rơi, Newton nhân đây biết sức hấp dẫn của vạn vật; hoa cỏ ngoài đồng cung cấp cho thi nhân ngâm vịnh; trăng sáng giữa rừng tùng khiến du tử nhớ quê. Người thấy ăn mày nghèo nàn thì sanh lòng từ bi, thấy người già bệnh suy tàn thì cảm được sự vô thường của thế gian. Dường như những điều này không có một việc gì không phải sự thị hiện của Quán Âm.

“Chúng chúng chư ác thú” là chỉ chúng sanh trong sáu đường ngoài bốn bậc thánh ra, đặc biệt cho địa ngục, quỷ, súc sanh trong sáu đường gọi là ba nẻo ác. “Sanh lão bệnh tử khổ” chính là bốn khổ sanh, già, bệnh, chết của đời người, thứ lớp tiêu diệt nó. Chiếu theo mặt chữ thì dường như thuộc sức bên ngoài làm, kỳ thực Phật Bồ-tát dạy ta muốn được giải thoát, chỉ có đem chân trí chính mình ra, quán thấu chân lý

thực tướng các pháp, mới có thể diệt các nẻo ác và bốn khổ này. Chỗ nói: “Cá cá diện diện Quán Tự Tại, nhân nhân nhất sanh Phổ Đà Sơn”. Mỗi người mỗi mặt Quán Tự Tại, người người một đời Ngũ Đài Sơn; do đó bất cứ lúc nào, nghĩ đến Quán Tự Tại không phải là người khác, cứ như thế không ngừng tu dưỡng, đây là điều trọng yếu nhất.

Chân quán thanh tịnh quán

Quảng đại trí tuệ quán

Bi quán cập từ quán

Thường nguyện thường chiêm ngưỡng

Vô cấu thanh tịnh quang

Huệ nhật phá chư ám

Năng phục tai phong hỏa

Phổ minh chiếu thế gian.

Bốn câu đầu là tán thán ý nghiệp trong tán thán ba nghiệp, tức sự thù thắng của Quán Âm hiển thị sự hóa độ chúng sanh.

Chơn quán, thanh tịnh quán, quảng đại trí tuệ quán, bi quán, từ quán là năm quán của Bồ-tát. Năm quán này có thể nhìn là từ sức Diệu Trí của Quán Âm ở mặt trước mà chia ra. Do đó chia thì thành năm quán mà nhiếp lại thì thành sức Diệu Trí. Ba quán chơn, tịnh và trí trong năm quán xưa nay đều được phối hợp với ba đế KHÔNG GIẢ TRUNG để thuyết minh, nghĩ cho kỹ thực không cần phải câu nệ như thế.

Bồ-tát Quán Âm nhân có sức nhiệm mầu của năm quán, do đó gọi là Quán Tự Tại. Năm quán này hoàn

toàn là từ căn bản trí và hậu đắc trí của Quan Âm mà ra. Nói cách khác, chính là cảnh giới Đại Niết-bàn mà Quan Âm xưa nay an trụ. Chỉ vì muốn độ sanh, do đó bèn chia ra năm loại diệu dụng.

Chân quán là gì? Có thể xem là căn bản trí mà Quan Âm đại ngộ, cũng có thể nói là trí quán. Trong Truyền Tâm Pháp Yếu của Hoàng Bá nói:

“Tánh linh giác này từ vô thủy đến nay thọ bằng hư không, chưa từng chẳng sanh, chưa từng chẳng diệt, chưa từng chẳng có, chưa từng chẳng không, chưa từng chẳng dơ, chưa từng chẳng sạch, cho đến không nơi chốn, không trong ngoài, không số lượng, không hình tướng, không sắc tướng, không âm thanh, dùng ngôn ngữ không thể được, dùng cảnh vật không thể hội, chư Phật Bồ-tát đồng với tất cả hàm linh, đây là Đại Niết-bàn.”

Quán chính là bản tánh của Đại Niết-bàn.

Thanh tịnh quán, sau khi giác ngộ chơn quán viên mãn rồi, căn bản tâm địa liền là thanh tịnh, do đó ánh hiện muôn vật các duyên, tuy hiện tướng đó mà không nhiễm dính, sự không nhiễm dính tức thanh tịnh quán. Trong kinh Viên Giác nói:

“Vì tâm thanh tịnh, kiến trần thanh tịnh; kiến trần thanh tịnh nên nhãn căn thanh tịnh; như thế cho đến mũi lưỡi thân ý cũng lại như thế. Thiệt nam tử! Vì căn bản thanh tịnh, sắc trần thanh tịnh; sắc trần thanh tịnh nên thanh trần thanh tịnh; hương vị xúc pháp cũng lại như thế”

Chiếu theo thứ lớp như thế mà nói, tứ đại đất nước gió lửa, 12 xứ, 18 giới hoặc 25 hữu, cho đến trời đất vũ trụ hoàn toàn là một cõi Viên Giác thanh tịnh. Đây tức là thanh tịnh quán của Quan Thế Âm.

Quảng đại trí huệ quán, đây là nói từ chân quán, thanh tịnh quán mà quán tất cả chúng sanh, rủ lòng đại bi vô duyên mà cứu tế, gọi là đại trí tuệ, do đây tức có thể biểu hiện hậu đắc trí đã chứng. Nhân vì Bồ-tát có chân quán và thanh tịnh quán, bèn tự nhiên sanh lòng cứu độ chúng sanh. Đây tức là quảng đại trí huệ quán.

Nhưng, quảng đại trí huệ quán vì sao mà gọi là đại bi vô duyên? Trong kinh Duy Ma có nói: Tất cả chúng sanh xưa nay là Phật, ái kiến đại bi của quyền thừa, chúng sanh và Phật nhất như mà cho chúng sanh là thật mê trong sanh tử, không phải là đồng bạn với Phật, theo vào tà kiến thực hữu, còn tướng lợi ích. Do đó trong kinh Duy Ma cho đây là đáng chê.

Sự khác biệt giữa đại bi vô duyên và đại bi ái kiến, quốc sư Mộng Song có một thí dụ rất hay:

Ở đầu đường cuối hẻm thường thấy có ăn mày xin ăn. Có người vốn sanh trong nhà bần cùng, từ bé đã sống quá cùng khổ; có người vốn sanh trong nhà phú quý, về sau do nhiều việc xảy ra mà tan nát. Trong hai loại ăn mày này, chúng ta gặp ăn mày vốn sanh trong gia đình phú quý thì rất dễ sanh tâm thương xót. Tâm thương xót này quá hơn thấy ăn mày vốn là nhà bần cùng. Đây thật giống như lòng đại bi của Bồ-tát

Đại thừa, thấy tất cả chúng sanh vốn cùng chư Phật đồng thể, không có tướng sanh tử, vì chúng sanh chợt khởi một niệm vô minh, ở trong vốn không sanh tử mà sanh ra tướng sanh tử, đây đều là việc như mộng như huyễn chẳng có thực. Mà Bồ-tát quyền thừa thì không đồng, cho là chúng sanh vốn là ăn mày sanh trong nhà bần cùng, thực có trầm luân ở sanh tử, nhân đó sanh lòng đại bi ái kiến.

Đại bi vô duyên (hoặc gọi là đồng thể đại bi) của Thật đại Bồ-tát cùng với đại bi ái kiến của Quyền đại Bồ-tát khác nhau chỗ này.

Quán Âm đã đạt địa vị cùng cực của Đại thừa, từ chân quán và thanh tịnh quán mà quán chúng sanh, đều thấy cùng chư Phật đồng thể. Vốn là sanh trong nhà phú quý, chỉ nhân một niệm sai, khiến cho gia đình tan nát, lưu lạc làm ăn mày, không thể không sanh lòng đại bi vô duyên lần nữa. Từ lòng đại bi vốn là vô duyên này, sợ dĩ chúng sanh sanh tử cũng tốt, phiền não cũng tốt, sanh tử không đáng là sanh tử, phiền não không đáng là sanh tử, muốn độ chúng sanh mà không có chúng sanh có thể độ.

Từng có người hỏi thiền sư Hoàng Bá:

- Chư Phật hành đại từ bi thế nào?

Thiền sư Hoàng Bá đáp:

- Chư Phật hành từ bi, nhân vô duyên nên gọi là đại từ bi. Từ, không nên xem có Phật để thành; bi, không nên xem có chúng sanh để độ. Chỗ thuyết pháp không nói, không dạy. Người hỏi pháp không hỏi,

không được. Ví như nhà huyền thuật thuyết pháp cho người huyền.

Như thế mà xem, tất cả chúng sanh xưa nay đồng thể với quý nhân, không có người đáng độ, cũng không có người đáng thành. Như nhà huyền thuật đối với người huyền, như giả thuyết pháp, như giả nghe pháp, mới là quảng đại trí huệ quán của Bồ-tát.

Cái chúng sanh và Phật nhất như này gọi là trí quán bình đẳng, dùng đây độ chúng sanh, do đó không phải là đại bi ái kiến mà là đại bi vô duyên.

Bi quán và Từ quán, là từ quảng đại trí huệ quán chia ra, nhỏ gốc khổ cho chúng sanh là bi quán, ban cái vui cùng cực do chân quán, thanh tịnh quán, khiến trở về nhà cũ đồng thể với chư Phật, là từ quán. Từ và Bi này thật là đại bi vô duyên.

Nhân đây Quán Thế Âm Bồ-tát có đủ hai trí căn bản và hậu đắc, hai lợi ích đã viên mãn, do đó phải “thường nguyện thường chiêm ngưỡng”. Thường nguyện cứu giúp của lòng đại bi, thường chiêm ngưỡng công đức của lòng đại bi.

Tóm lại, chân quán là căn bản trí khế chứng Niết-bàn, từ chân quán ánh hiện vạn vật mà không nhiễm dính, là thanh tịnh quán. Tiếp theo khởi chúng sanh và Phật nhất như tức là quảng đại trí huệ quán, tức là bi quán và từ quán của lòng từ vô duyên.

“Vô cấu thanh tịnh quang”, là tổng hợp năm quán trước, năm quán mỗi thứ đều là vô cấu thanh tịnh, nhất là chỉ trí quán thanh tịnh không nhiễm dính của

Quan Âm làm trí quang thanh tịnh. Trí quang này có thể chiếu phá hắc ám của tất cả phiền não. Trong kinh Vô Lượng Thọ, ánh sáng vượt khỏi mặt trời mặt trăng trong 12 loại ánh sáng của Phật A-di-đà, chính là ánh sáng này. “Huệ nhật phá chư ám” chính là nói ý nghĩa này.

“Năng phục tai phong hỏa”, ngoài hai tai nạn gió lửa ra, cần thêm một nạn nước. Vì sự hạn chế của số chữ trong bài kệ, nên lược bớt. Huệ nhật vô cấu thanh tịnh đó, không những có thể phá các hắc ám, đồng thời còn có thể hàng phục ba tai nạn gió, lửa, nước.

“Phổ minh chiếu thế gian” là nói ánh sáng thanh tịnh vô cấu của Quan Âm giống như mặt trời chiếu soi mặt đất, chiếu cho thế gian sáng sửa trùm khắp, chiếu cho tất cả tai nạn hắc ám đều tiêu diệt.

“Chư ám”, cũng có thể gọi ánh sáng của tâm bị phiền não che蔽, hoặc gọi là phong thủy hỏa tai. Muốn cho gió vô minh phiền não, lửa tham dục sân giận, nước ái dục chấp trước đều phá trừ, khiến tâm chúng ta ngời sáng không có một chút ô uế, nếu từ trên tự tâm mà nói, chính là xác thực ngộ đến đạo lý của các pháp, phát giác ra “té ra như thế mới đúng”. Lúc bấy giờ thật là ánh sáng trí tuệ chiếu đến tâm chúng ta, đợi đến lúc biết “ta lầm rồi!” có một niệm sám hối phát sanh, đen tối trong tâm hoàn toàn tiêu mất.

*Bi thể giới lôi chấn
Từ ý diệu đại vân*

*Chú cam lồ pháp vũ
Diệt trừ phiền não diệt.*

Đây là tán thán sự thuyết pháp của Quan Âm, tuy là khen ngợi khẩu nghiệp, nhưng nên đem khẩu nghiệp phối hợp với ba nghiệp mà xem. Giới của thể bi, là chỉ khẩu nghiệp thuyết pháp, như tiếng sấm vang rền; ý nghiệp của vị thuyết pháp này như đồng với đám mây lớn hòa ái; thân nghiệp của vị thuyết pháp này như đồng với nhân cách hoàn mỹ.

Bi là cứu khổ làm thể, Quan Âm thấy tất cả chúng sanh bị hãm trong thống khổ của tội nghiệp tích tụ, mà phát tâm đại bi, khiến tất cả chúng sanh biết ngăn trái ngừng ác, luyện tập kiên cố, giống như chấn động của trăm tiếng sấm mà có thể nhiếp phục muôn vật, ý là diệt sạch tất cả cái trái và cái ác.

Từ là có thể ban vui cho tất cả chúng sanh, vĩ đại của Quan Âm ở chỗ Ngài không những cứu khổ chúng sanh mà còn có thể ban vui cho chúng sanh, giống như bầu trời bủa đầy mây từ hòa ái, lại giáng mưa pháp như cam lồ, cam lồ này vị thơm ngon, dụ như pháp thực tướng, chân lý vô thượng, do đây mới có thể diệt trừ lửa hừng phiền não.

Trên tâm của chúng ta, nếu như cũng giữ được tinh thần kiên cố cứu khổ, tâm bi ban cho tất cả chúng sanh khoái lạc, thì chính mình sẽ biết lửa tâm phiền não tự nhiên diệt mất. Điều này ở trên sự tu dưỡng của chúng ta khả dĩ thể nghiệm đến.

*Tránh tụng kinh quan xứ
Bố úy quân trận trung
Niệm bử Quan Âm lực
Chúng oán tất thối tán.*

Trong văn xuôi đã giảng qua rồi, Quan Âm là bậc bố thí sự không sợ hãi. Bây giờ nói lại chỗ này, nếu có chúng sanh tiến vào chỗ quan hoặc trong quân trận, chỉ cần niệm sức Quan Âm kia, tự nhiên sẽ khiến oán địch bấy nạn ba độc hại ta hoàn toàn lui tan, đến chỗ không còn sợ sệt.

Tránh là tranh luận, tụng là tố tụng. Lúc sanh ra tranh luận, đấu khẩu, tố tụng, hoặc lúc ở trong quân trận gặp đánh nhau phải bỏ mạng, tuy nói có nhiều khủng bố sợ hãi, nhưng nếu lúc đó có thể niệm sức Quan Âm bèn có thể làm lui tan tất cả oán địch. Như so với nội tâm của chúng ta, thường có vô minh phiền não tranh nhau, đánh nhau, không có một khắc an định, nhưng anh nếu có thể nghĩ nhớ chân quán, thanh tịnh quán, quảng đại trí huệ quán của Quan Âm, suy nghĩ từ quán, bi quán của Quán Âm thì không còn sợ gì nữa.

*Diệu Âm, Quán Thế Âm
Phạm Âm, Hải Triều Âm
Thắng Bỉ Thế Gian Âm
Thị cố tu thường niệm*

Ở trên là nêu năm quán của Quan Âm, bây giờ nói về năm âm. Do năm quán khởi phát mà thành năm âm, do đó năm quán là quan niệm, quán sát quán

tưởng chủ quán, mà năm âm là âm thanh khách quán nghe được, như điệu âm cũng có thể xem như điệu sắc, điệu hương, điệu vị, điệu xúc, điệu pháp. Nhưng trong sáu căn, theo ý nhĩ căn là bậc nhất mà nói, do đó lấy âm thanh làm đại biểu. Điệu Âm và Quán Thế Âm là dung hòa chân quán và thanh tịnh quán ở trước tiến vào thành quảng đại trí huệ quán. Tuy đồng là quảng đại trí huệ quán, nhưng Điệu Âm là dùng tức không mà quán trung đạo. Đây chính là cái trước là hướng thượng, cái sau là hướng hạ. Cái trước song giá không hữu, cái sau song chiếu không hữu, kết quả là một.

Nếu như biết tâm yếu của kinh Pháp Hoa thì gió núi ngàn, sóng trong ao, không gì chẳng phải là điệu âm, âm thanh mua bán trên đời không gì không phải là pháp âm. Quán Âm tức là dùng điệu trí quán chiếu tiếng xung tên của chúng sanh khổ não trên thế gian mà tìm theo tiếng để cứu khổ.

Phạm Âm nghĩa là Bồ-tát thuyết pháp thế gian và xuất thế gian đều thanh tịnh vô nhiễm. Ngay trên thanh tịnh quán mà lập muôn pháp. Thắng Bỉ Thế Gian Âm là siêu vượt sai biệt thế gian mà lập chân quán cao thượng. Bồ-tát mắt thấy tai nghe, đều tuyệt đối bình đẳng. Vận dụng điều này mà thành từ quán và bi quán. Bồ-tát dùng từ bi cứu thế, như nước thủy triều trên biển lớn, suốt ngày đều hoạt động mà không một chút dừng nghỉ, đúng giờ, đúng lúc, hoặc đầy hoặc vơi, ứng dụng tự tại, đây tức là Hải triều âm.

Năm âm này có thể xem như năm dây đàn, tuy có những âm thanh khác nhau, nhưng thật là một vật

đồng nhất, mà xem từ trước sau phải trái mà thôi. Dùng quan sát khách quan đây hoàn toàn là thanh âm của chân lý vũ trụ phát ra. Dùng quan sát chủ quan thì đều là tiếng nội tại tiên thiên nằm trong tâm chúng ta. Do đó đây không phải là tai nghe mà là tâm nghe, không phải mắt thấy mà là tâm thấy. Cái âm thanh tiên thiên tiềm ẩn trong một tâm thành năm âm của Quan Âm mà hiển hiện, do đó thường phóng ở trên tâm để tư duy.

*Niệm niệm vật sanh nghi
Quan Thế Âm tịnh Thánh
Ư khổ não tử ách
Năng vi tác y hộ.*

Từ các phương diện trên trình bày công đức của Quan Âm, sợ trên thế gian lại có người sanh nghi nên lại nói niệm niệm chớ sanh nghi, khuyên người nên tin. Như trước đã giảng qua ‘Phật pháp như biển lớn, chỉ tin mới vào được’. Nếu như anh không tin, thì pháp môn có quý báu thế nào, anh cũng không thể tiếp nhận và tiến vào. Niệm niệm là niệm trước và niệm sau trên tâm chúng ta, nghĩa là bất kể lúc nào. Chúng ta có lúc được người dạy dỗ, đích xác cũng có nhất thời sanh lòng tin, nhưng không lâu lại sanh lòng nghi, đảo ngược niềm tin của niệm trước. Nhân đây đức Phật từ bi, luôn luôn dặn dò đình ninh, răn nhắc chúng sanh, niệm trước tin, niệm sau nghi là người không thực hành. Cần phải niệm niệm thành khẩn tin tưởng, mới có công hiệu. Thiên sư Đạo Nguyên nói: Niềm tin thành tựu thì Phật Tổ thành

tự. Tôn giáo là y niềm tin mà thành lập, tất cả lực lượng vĩ đại đều dựng lập trên niềm tin. Đây cùng với lối học vấn lấy nghi làm điểm xuất phát không đồng.

Nếu nói thế há tôn giáo đi ngược lại với học vấn? Đây cũng không đúng. Căn bản của đạo lý lập trên học vấn nhưng đặt niềm tin vào chỗ học vấn không thể đến được. Do đó tôn giáo không phải là ngược hẳn với học vấn mà là vượt khỏi học vấn. Phật giáo so với học vấn thuộc lý trí còn đòi hỏi tình ý thâm nhập rộng khắp hơn, trên toàn thể tinh thần làm chỗ an thân lập mạng.

Chỗ an thân lập mạng này là cơ sở của tín ngưỡng, Bồ-tát Quan Âm, thường ở trong khổ não tử ách đáng sợ, như cha như mẹ, làm chỗ nương tựa cho chúng sanh. Tịnh Thánh là nói Quan Âm không phải là Bồ-tát bình thường đang tu hành. Tại quá khứ lâu xa, đã sớm thành Phật tên Chánh Pháp Minh Như Lai. Ngài là một bậc Thánh thanh tịnh không nhơ, vì cứu giúp chúng sanh, mới chèo chiếc thuyền từ, giáo hóa thế giới Ta-bà này.

*Cụ nhất thế công đức
Từ nhĩn thị chúng sanh
Phước tụ hải vô lượng
Thị cố ứng đảnh lễ*

Quan Âm đã là Tịnh Thánh cứu đời, mà hiện làm Bồ-tát quyền hóa thì việc Ngài có đủ tất cả công đức không cần phải nói.

‘Tất cả’ là không thể dùng số mà đếm. Như dùng

ba đế không giả trung ở trước để nói. Quán KHÔNG ĐẾ mà thành đức của Pháp thân, quán GIẢ ĐẾ mà được đức của Bát-nhã, quán TRUNG ĐẾ mà hiện đức của Giải thoát. Đây gọi là ba đức Pháp thân, Bát-nhã, Giải thoát. Lại theo phương diện khác mà nói: Quán Không đế mà không chấp trước, đoạn sạch tất cả phiền não, đây gọi là Đoạn đức. Quán Giả đế nên có thể thuận ứng với các sai biệt mà vận dụng trí tuệ, đây gọi là trí đức. Quán Trung đế nên có thể ứng dụng vô ngại, đây gọi là Dụng đức. Đoạn đức, Trí đức và Dụng đức cũng có thể gọi là ba đức.

Tất cả đạo đức, ở trên thân là dùng ác và tu thiện, đối với người là cứu độ chúng sanh. Quán Âm đầy đủ tất cả công đức, dùng mắt từ bi nhìn tất cả chúng sanh, do đó kết quả của công đức ấy có đủ hạnh phúc vô hạn, đồng thời tất cả chúng sanh nhận các phước đức và trí tuệ đầy đủ, cũng đồng như nước biển không thêm không bớt, là cái vô lượng, đem cái này làm cơ sở an lập tinh thần, nếu không quy mạng, đánh lễ mà báo đền ân đức thì không thể được. Trừ sự cầu mong vô lượng công đức có đủ của Quán Âm bên ngoài đến còn cần nghĩ đến chính mình. Ở trong tâm chúng ta, nương tánh công đức sẵn đủ vô tận của Như Lai Tạng, thì dùng cách nào cũng không hết, chỉ vì đóng chặt cánh cửa Như Lai Tạng này mà không thể hiện, do đó đại sư Hình Khê oán tiếc nói: “Thương thay! Bí tạng không hiển lộ, vì bị ba hoặc che, nên vô minh làm mờ pháp tánh, trần sa chướng ngại sự hóa đạo, kiến tư ngăn sự không tịch, mà ba hoặc này thể

vốn hư vọng”.

Thể nghiệm đến vô minh hư vọng mà làm rõ pháp tánh thì thành quảng đại trí huệ quán. Trần sa là dụ cho vô trí nhiều, đuổi trừ cái này mà hiển rõ hóa đạo thì hiện thanh tịnh quán. Dẹp chấp trước sai biệt của kiến hoặc, tư hoặc mà minh hiển không tịch thì hiện chân quán. Đây do hiển hiện bí tạng này mà đầy đủ tất cả công đức. Lại dùng từ quán, bi quán mà nhìn tất cả chúng sanh. Như thế, trên tâm thực tại của chính mình hiển hiện phước tụ công đức vô lượng như biển cả của Quán Âm.

Quá khứ đời Tống có Lý Tông hỏi tăng Thiên Trúc:

- Quán Âm cầm râu chuỗi trên tay là niệm ai?

Tăng Thiên Trúc đáp:

- Niệm Quán Âm.

Lý Tông hỏi dồn:

- Tự mình vì sao phải niệm danh hiệu của mình?

Tăng nhân đáp:

- Cầu người không bằng cầu mình.

Đây là một phương tiện khiến chúng ta thể hội đoạn hỏi đáp này, trên nghĩa gốc việc đánh lễ Quán Âm.

Trong phẩm Phổ Môn ở bản tiếng Phạn, lại có một đoạn kệ tụng dưới đây:

Từ bi cứu thế gian

Từ bi cứu thế gian

Đương lai thành Chánh giác

Tương lai thành Chánh giác.

Năng diệt ưu úy khổ
Đánh lễ Quán Thế Âm.
Pháp Tạng Tỳ kheo tôn,
Thủ tọa Thế tự tại
Tu hành kỷ bách kiếp
Chứng vô thượng tịnh giác.
Thường thị tả hữu biên
Phiến lương Di Đà tôn
Thị tam muội huyễn lực
Cúng dường nhất thiết Phật.
Tây phương thanh tịnh độ
An Dưỡng Cực lạc quốc
Di Đà trụ bỉ thượng
Điều ngự trượng phu tôn.
Bỉ độ vô nữ nhân
Bất kiến bất tịnh pháp
Phật tử kim vãng sanh
Nãi nhập Liên Hoa tạng
Bỉ Vô Lượng Quang Phật
Tịnh diệu liên hoa đài
Sư tòa phóng bách quang
Như Sa la Thọ vương
Như thị thế gian tôn,
Tam giới vô đẳng luân
Lễ tán tích công đức
Tốc thành tối thắng nhân.

*Hay diệt khổ lo sợ
Đánh lễ Quán Thế Âm.
Đấng Tỳ-kheo Pháp Tạng
Thủ tọa Thế tự tại,
Tu hành mấy trăm kiếp,
Chứng tịnh giác vô thượng.
Thường hầu ở hai bên
Quạt mát Phật Di-đà
Bày sức huyễn tam muội
Cúng dường tất cả Phật
Cõi thanh tịnh phương Tây
Nước Cực lạc An Dưỡng
Di-đà trụ trên đó
Đấng Điều ngự trượng phu.
Cõi đó không người nữ
Chẳng thấy pháp bất tịnh
Phật tử nay vãng sanh
Bèn vào tạng liên hoa
Phật Vô Lượng Quang ấy
Đài hoa sen tịnh diệu
Tòa sư tử phóng quang
Như Sa-la Thọ vương
Đấng thế gian tôn trọng,
Ba cõi chẳng ai bằng
Lễ tán chứa công đức
Chóng thành nhân tối thắng.*

Kệ tụng đến nay vẫn chưa có người dịch ra, đây cũng xem như là một phát hiện lớn.

IV- LƯU THÔNG

1- Trì Địa Khen Đức

Kệ tụng là con mắt của bản kinh, nay đã giảng xong, lại có thể văn xuôi, có thể xem là phần lưu thông của phẩm Phổ Môn này.

Nhĩ thời Trì Địa Bồ-tát, tức tùng tòa khởi, tiền bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Nhược hữu chúng sanh, văn thị Quán Thế Âm Bồ-tát phẩm, tự tại chi nghiệp, phổ môn thị hiện thân thông lực giả, đương tri thị nhân, công đức bất thiếu.

“Nhĩ thời” - bấy giờ - là đức Phật trả lời xong câu hỏi của Bồ-tát Vô Tận Ý. Lúc này Bồ-tát Trì Địa ở trong đại chúng đang nghe thuyết pháp đứng lên khỏi chỗ ngồi, đến trước Phật, thưa: Thế Tôn! Nếu có chúng sanh nghe phẩm Bồ-tát Quán Thế Âm này, nghiệp tự tại, thị hiện khắp các môn, sức thần thông, nên biết người ấy, công đức chẳng ít.

Vị Bồ-tát Trì Địa này, thông thường đều giải thích là tên khác của Bồ-tát Địa tạng. Nếu như nói là Bồ-tát Địa Tạng thì ai cũng biết Ngài là một vị Bồ-tát phát nguyện rất dũng mãnh “Địa ngục chưa trống, thì chẳng thành Phật”. Trong kinh Địa Tạng Thập Luân nói: “Trì giới vững chắc như núi Diệu Cao; tinh tấn khó hoại, như báu kim cương; an nhẫn chẳng động giống như đại địa”. Đây là như từ mặt đất vạn vật sanh thành mà lại có thể chứa vạn vật. Tại “Trục đàm sao” của kinh Diên Mệnh Địa Tạng cũng nói: Địa

Tạng cũng chính là tên khác chỉ bốn tâm của tất cả chúng sanh. Trong kinh Diên Mệnh Địa Tạng Phật trả lời câu hỏi của Đế Thích rằng: Tâm viên mệnh nên gọi là vòng như ý; tâm không quái ngại nên gọi là Quán Tự Tại; tâm không bờ mé nên gọi là đại Bồ-tát; tâm không sắc tướng nên gọi là Ma-ha-tát. Quán Tự Tại đồng thể với Quán Thế Âm, có lúc Địa tạng khen ngợi Quán Âm, có lúc Quán Âm khen ngợi Địa Tạng, có thể thấy là ứng hiện đồng một pháp thân. Như ở đây lấy Quán Âm làm trung tâm, do đó, chỉ là Bồ-tát Trì Địa bước ra hỏi tiếp: “Thế Tôn! Nếu có chúng sanh tán thán ba nghiệp thân miệng ý của Bồ-tát Quán Thế Âm này, có lợi ích ngầm hay cứu bảỵ nạn ba độc... mà được giải thoát tự tại; nếu có chúng sanh thấy Quán Thế Âm biến hóa hiện 33 thân, nghe lợi ích hiển của Quán Thế Âm thị hiện 19 thân thông thuyết pháp, công đức người này thật không phải ít.

Bồ-tát hiện trong phẩm Phổ Môn này, do Vô Tận Ý khởi hỏi mà bàn rộng công đức của Quán Âm, lại do Trì Địa tán thán lưu thông. Đây chính là biểu thị ba đức trí tuệ, từ bi, dũng mãnh. Vô Tận Ý tiêu thị trí tuệ, Quán Thế Âm tiêu thị từ bi. Lấy đây để tuyên dương lưu thông.

2- Khai Phẩm Được Ích

Phật thuyết thị Phổ Môn Phẩm thời, chúng trung bát vạn tứ thiên chúng sanh, giai phát vô đẳng đẳng a nậu đa la tam miệu tam Bồ-đề.

Bồ-tát Trì Địa nói: Nghe phẩm Bồ-tát Quán Thế Âm này công đức không ít, quả nhiên, lúc Phật nói phẩm Phổ Môn này, tám muôn bốn ngàn đại chúng nghe xong, đều phát tâm vô đẳng đẳng. Phật là đáng vô thượng, không có ai khác ngang bằng để sánh tâm vô đẳng đẳng này, tức là chỉ tương đồng với Phật.

A-nậu-đa-la tam miệu tam Bồ-đề, dịch là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hoặc Vô thượng biến tri, tức là Chánh giác không có gì so cao hơn nữa. Chánh giác là không đồng với bất giác của phàm phu, không đồng với tà giác của ngoại đạo. Chánh đẳng là không đồng với thiên chân của Nhị thừa, Nhị thừa không thể viên dung vô ngại chân tục bình đẳng. Vô thượng là không đồng với phần chứng của Bồ-tát. Bồ-tát tuy có thể quán chân-tục bình đẳng, không nghiêng Không và Có, nhưng vì phần chứng chưa tròn, như trăng mười bốn, còn gọi là bậc có người cao hơn (hữu thượng), chỉ có Phật mới đáng xưng là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nên tâm này gọi tắt là tâm Bồ-đề, còn gọi là tâm giác, tâm từ, tức là tâm của Phật. Hiện tại tám muôn bốn ngàn đại chúng nghe phẩm Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn này, sanh tâm Bồ-đề không có gì cao hơn này, đây tức là hiển hiện đại trí

tuệ, đại từ bi, đại dũng mãnh.

Lúc Phật thuyết phẩm Phổ Môn, chẳng cần nói là chỉ cho lúc đức Phật thuyết phẩm Phổ Môn này trên hội Linh Sơn cách đây hơn hai ngàn năm.

Tám muôn bốn ngàn chúng sanh, là tám muôn bốn ngàn phiền não vọng tưởng trong tâm chúng ta, trong tâm chúng ta không biết có cùng chân tâm đồng dạng với Quan Âm tồn tại, để mặc phiền não vọng tưởng ngang ngạnh bướng bỉnh, bây giờ nghe pháp môn vi diệu này, nếu như đem tâm tham dục, chuyển thành từ bi, tâm sân giận chuyển thành dũng mãnh, tâm ngu si chuyển thành trí tuệ, tiếp theo tám muôn bốn ngàn vọng tưởng này cũng có thể chuyển thành tâm Phật vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Ở trên về phẩm Phổ Môn đã giảng xong. Mong rằng không nên để cho định nghĩa giam hãm, phải lấy tâm đọc mắt rần nhắc làm điều thiết yếu.

*Nguyện đem công đức này
Hướng về khắp tất cả
Đệ tử và chúng sanh
Đều trọn thành Phật đạo.*

Nam-mô Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm Bồ-tát,
thương xót hộ niệm.

CẢM TƯỞNG SAU KHI ĐỐI CHIẾU

Tâm Ngộ

Hạ năm ngoái tôi và pháp sư Tinh Vân lúc cùng dạy ở Hội Giảng Tập của Phật giáo Đài Loan. Chúng tôi vốn định một bên dạy học một bên theo cư sĩ Quan Khải Đồ học tiếng Nhật. Về sau vì phân hội Phật giáo tỉnh Đài Loan chủ trương nam nữ chia riêng, đem phái nữ dời đến chùa Viên Quang ở Trung Lịch làm việc, gặp lúc thỉnh pháp sư cao tuổi không ra, thế là nhất định mời tôi qua bên ấy chủ trì giáo vụ. Sau đó lại vâng lời dạy của pháp sư Đông Sơ làm biên tập nguyệt san Nhân Sinh, nhân đây cho đến bây giờ tôi chẳng có cơ hội học tiếng Nhật nữa, thật là có điểm đáng tiếc!

Đến mùa Đông năm ngoái, tôi nghe nói pháp sư Tinh Vân đã bắt đầu phiên dịch “Phổ Môn Phẩm Giảng Thoại”, thật là hoan hỷ không cùng! Lúc ấy tôi đích xác có cảm nhận được đọc trước thì khoái lắm! Không bao lâu, pháp sư Tinh Vân liền đáp lời hứa với nguyệt san Bồ Đề Thọ đem Phẩm Phổ Môn đã dịch,

giải thích đề tựa phát biểu ở quyển thứ I của nguyệt san này, trên kỳ thứ II rất được đông đảo độc giả hoan nghinh! Tiếp theo độc giả ùn ùn biên thư thỉnh Pháp sư mau đem sách này xuất bản, Pháp sư vì muốn thỏa mãn nguyện vọng của độc giả, nên cuối năm ngoái đem bản thảo bản dịch sách này giao cho pháp sư Thánh Thụy ôm đến Đài Bắc, yêu cầu tôi tìm xưởng ấn loát tốt để in, và lại tin tưởng dặn dò tôi thay ông mà đối chiếu. Vì việc đối chiếu này không khó làm, huống là tôi chính mình chẳng học tiếng Nhật, chẳng thể phiên dịch, có thể đối chiếu lại bản dịch này, kết cái nhân duyên, cũng là một việc khoái, nên liền mở miệng đáp bằng lòng.

Trong Phật Bồ-tát có một vị Phật và Bồ-tát ở Trung Quốc nhà nào cũng dụ cũng hiểu, đàn bà trẻ con cũng đều biết. Vị Phật đó là Phật A-di-đà, vị Bồ-tát đó là Bồ-tát Quán Thế Âm, mà Bồ-tát Quán Thế Âm rất được nhà nhà thờ phụng. Từ đây mà nhìn, Bồ-tát Quán Thế Âm đích xác là vị đạo sư duy nhất có thể cầu được an ủi và dạy dỗ trên tinh thần của người Trung Quốc (thậm chí bao gồm cả Nhật Bản và Hàn Quốc).

Nhưng gần đây có một số người theo người Nhật Bản dùng lối nghiên cứu lịch sử mà nghiên cứu Phật pháp, phủ nhận rất nhiều kinh điển Đại thừa là Phật giáo Chính thống, và nói Phật và Bồ-tát nói trong kinh Đại thừa phần nhiều là thần nào đó mà dân gian thời cổ của Ấn Độ tin thờ, sau đó đệ tử Phật lý tưởng hóa thêm mà thành, không phải thật có Phật và Bồ-

tát như thế. Như Phật A-di-đà là lý tưởng hóa thân Thái Dương, Bồ-tát Quan Thế Âm là lý tưởng hóa nữ thần... Tôi đối với lối nói này tuyệt đối không tán đồng! Tôi cho rằng kinh Phật có chỗ có tính lịch sử, cố nhiên có thể dùng lối nghiên cứu lịch sử mà nghiên cứu, nhưng có chỗ có tính siêu vượt lịch sử, nếu đem cảnh giới siêu vượt lịch sử ra nghiên cứu theo lối nghiên cứu lịch sử thì là cán vuông tra đục tròn, chả trách không thể vào được.

Bước đầu học Phật của chúng ta chính là đối với Phật và Pháp có niềm tin vững chắc không dời. Chúng ta tuy không thể giống đạo Gia Tô chủ trương tin tức là được cứu thế kia, nhưng chúng ta cần xác nhận tin là cửa vào đạo. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Tin là nguồn vào đạo, là mẹ các công đức, nuôi dưỡng tất cả các căn lành”. Đại Trí Độ Luận nói: “Biển lớn Phật pháp, chỉ tin mới vào được”. Đây là văn làm rõ một cách cường điệu sự trọng yếu của lòng tin. Ngoài ra, 52 địa vị Bồ-tát cũng là dùng địa vị Thập Tín làm đầu. Do đây mà xem, có thể biết trọng yếu của lòng tin như thế nào. Giả sử đối với Phật và Pháp trước tiên không thể có cái tín ngưỡng vững chắc, thì mặc anh đối với kinh luận có nghiên cứu thế nào, cũng không thể gọi là Phật giáo đồ, càng không thể nhập tri kiến Phật, mà chỉ là một người thuộc hàng tri giải của thế gian mà thôi. Nghiên cứu Phật pháp như thế, xin hỏi đối với mình, với người cuối cùng có lợi ích gì? Khảo cứu qua, khảo cứu lại, chẳng những vật gì cũng không khảo cứu ra, lại đem lòng tin thần thánh đối với Tam bảo của

mình đều làm lung lay hết, đây há chẳng phải chuyện cười? Do đó tôi gần đây thường nói thế này: Hiện tại một số người đối với lý luận Phật pháp càng nghiên cứu niềm tin Phật pháp càng bạc nhược. (Đương nhiên đây là chỉ những người chưa được chính kiến Phật pháp). Đây thật là hiện tượng bất hạnh của Phật pháp.

Chúng ta là người chánh tín Phật pháp phải cần giữ vững lòng tin của mình đối với Phật pháp, xác nhận tất cả kinh điển Đại thừa (đương nhiên chỉ có những kinh phiên dịch mà có thể khảo cứu theo lịch sử) đều là Phật pháp chính thống. Phật và Bồ-tát nói trong kinh đặc biệt là Phật A-di-đà và Bồ-tát Quán Thế Âm, các Ngài đã cho chúng ta lợi ích không thể tính kể, quyết định là phải có! Ngàn muôn lần không thể vì lý luận không chính xác của một số người mà lay động lòng tin của mình, đến nỗi giam tâm mình trong hầm sâu của tà kiến không thể cứu?

Chúng ta đối với Phật pháp đã có nhận thức và niềm tin như trên, sau đó lại đọc loại kinh Phật như phẩm Phổ Môn này, mới có thể được lợi ích chân thật.

Phẩm Phổ Môn là văn tự ghi chép nhân duyên sâu xa của Bồ-tát Quán Thế Âm và chúng sanh thế giới Ta-bà và lợi ích chúng sanh đạt được do niệm danh Ngài rất tường tận. Một số người cho đây là ghi chép thần thoại, đó là những người chưa từng lý giải Phật pháp. Chúng ta biết sự tích linh cảm của Bồ-tát Quán Thế Âm được thuật trong phẩm Phổ Môn, ở trên thế giới hiện thực của chúng ta là việc khắp nơi đều có thể xem thấy, chỉ vì chúng ta không chú ý do đó

không có cảm giác lớn mà thôi. Các vị đọc xong Phổ Môn Phẩm Giảng Thoại này rồi, thì có thể biết được lời này chẳng lầm.

Bồ-tát Quán Thế Âm là vị đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn, chúng ta sanh nhằm ngày nay nhân gian nhiều nạn, tùy thời tùy nơi đều có thể gặp tai nạn bất trắc; chúng ta nếu muốn giảm thiểu sự gặp tai nạn đau khổ, tôi cho rằng chỉ có cầu từ lực của Bồ-tát Quán Thế Âm gia hộ. Nhưng muốn cầu Bồ-tát Quán Thế Âm gia hộ, thì trước tiên phải tìm, xem xưng niệm Bồ-tát Quán Thế Âm thế nào, và đạo lý của Bồ-tát Quán Thế Âm do đâu cảm ứng được. Phổ Môn Phẩm Giảng Thoại này chính là thuyết minh rõ ràng cái đạo lý này. Do đó cuốn “Phổ Môn Giảng Thoại” này, nên cho mỗi người một cuốn làm bùa báu để minh lý đạt đạo, tiêu trừ tai nạn.

Vì đại sư Tinh Vân muốn tôi sau khi đối chiếu nói vài câu, do đó tôi lẹ nhẹn đem một chút cảm tưởng viết ra đây sau khi đối chiếu, như có gì chưa đúng, mong các bậc cao minh sẵn lòng chỉ giáo!

LỜI SAU KHI DỊCH XONG

Tinh Vân

Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn Phẩm Giảng Thoại là do Sâm Hạ Đại Viên, người Nhật trước tác. Ông có chỗ giải thích thích hợp với tính cách của dân chúng và đất nước của ông, nhân vì muốn tiện cho người Trung Quốc xem, do đó có lược đổi chút ít.

Sách này dịch từ tiếng Nhật sang tiếng Trung Hoa nên trước hết cảm tạ lão cư sĩ Quan Khải Đồ, vì tôi vào năm Phật lịch 2515 tại Hội Giảng Tập của Phật giáo Đài Loan dạy học một năm, lúc ấy lão cư sĩ họ Quan cũng làm giáo sư môn lý hóa và lịch sử, lúc rảnh, ông đã dạy tôi và pháp sư Diễn Bồi học văn pháp tiếng Nhật trong sáu tháng.

Bây giờ cuốn sách phiên dịch này được lưu thông là nhờ công đức của mọi người, ví như: Pháp sư Trí Đạo từng tặng bản nguyên văn, cư sĩ Vương Pháp Liên

tặng giấy viết bản thảo, pháp sư Thánh Thụy thay mặt ra tiền in ấn, hai bạn học Thánh Ấn và Thánh Học chép lại giùm cho rõ ràng, lão huynh Tâm Ngộ bằng lòng đối chiếu, các pháp sư Diễn Bồi, Tâm Nhiên, Chữ Vân, Quảng Từ chỉ chỉnh và giúp đỡ, pháp sư Trúc Ma viết đề mặt bìa, đây đều là Bồ-tát Quán Thế Âm từ bi, cảm động họ, tôi đều chân thành cảm tạ.

Về ý nghĩa việc in sách này, pháp sư Tâm Ngộ đã nói hết trong “Lời cảm tưởng sau khi đối chiếu”, mong độc giả lưu ý. Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ-tát.

Phật lịch 2516 tại hồ Thanh Thảo.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU

ĐẠI THỪA VÀ TIỂU THỪA

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

PHẨM PHỔ MÔN - BỒ TÁT QUÁN THẾ ÂM

I- VÔ TẬN Ý PHÁT VẤN

II- THÍCH TÔN ỨNG ĐÁP

A- LỢI ÍCH NGẦM

- 1- Bảy Nạn
- 2- Nạn Ba Độc
- 3- Hai Cầu Nguyện
- 4- Khuyển Trì

B- LỢI ÍCH HIỂN

- 1- Ba Mười Ba Thân
 - a- Thân Thánh
 - b- Thân Trời, Thân Người
 - c- Thân Bát Bộ, Thân Chấp Kim Cang
- 2- Anh Lạc Cúng Dường

III- KỆ TỤNG - PHẨM PHỔ MÔN

- 1- Hạnh Nguyện Đại Bi
- 2- Niệm Bỉ Quán Âm Lực
- 3- Năng Cứu Thế Gian Khổ
- 4- Tam Nghiệp Tán Thán

IV- LƯU THÔNG

- 1- Trì Địa Khen Đức
- 2- Khai Phẩm Được Ích

CẢM TƯỢNG SAU KHI ĐỐI CHIẾU

LỜI SAU KHI DỊCH XONG